

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Mã chứng khoán: BMJ

Địa chỉ trụ sở chính: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương

Điện thoại: 0274.3688.126

Fax: 0274.3688.125

Người thực hiện CBTT: Ông **Nguyễn Bảo Long** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Loại thông tin công bố:  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

**Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/12/2020 tại đường dẫn: [www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter](http://www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BẢO LONG**



# THÔNG BÁO



## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy CNĐKCB số 325/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2020)

Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**  
 Website: [www.becamexbmj.com.vn](http://www.becamexbmj.com.vn)  
 Địa chỉ trụ sở chính: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
 Điện thoại: 0274.3688.126 - Fax: 0274.3688.125

**Ngày đăng ký cuối cùng: 14/01/2021**

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
2. Mã cổ phiếu: **BMJ** \* Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông \* Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: **24.000.000 cổ phiếu**
4. Khối lượng vốn cần huy động: **240.000.000.000 đồng**
5. Mục đích huy động vốn: Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sẵn sàng nguồn vốn cho nhu cầu thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của Công ty
6. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
7. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày 14/01/2021)
8. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:4 (sở hữu 01 cổ phiếu được 04 quyền mua, cứ 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu mới)
9. Thời gian, địa điểm và thủ tục đăng ký thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu:
  - ☆ Thời gian chuyển nhượng quyền mua: **từ ngày 21/01/2021 đến ngày 18/02/2021**
  - ☆ Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu: **từ ngày 21/01/2021 đến ngày 22/02/2021**
  - ☆ Thủ tục và địa điểm thực hiện:
    - Đối với cổ đông đã lưu ký: thực hiện chuyển nhượng quyền mua, đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại các TVLK nơi cổ đông mở tài khoản.
    - Đối với cổ đông chưa lưu ký: thực hiện chuyển nhượng quyền mua, đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại trụ sở chính Công ty: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
  - ☆ Địa điểm cung cấp Bản cáo bạch từ ngày 30/12/2020 tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
10. Ngân hàng mở Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
  - ☆ Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
  - ☆ Số TK: 1017270738
  - ☆ Nơi mở TK: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Bình Dương.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN BẢO LONG**

Số: *325* /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày *28* tháng 12 năm 2020

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;*

*Căn cứ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

– Tên tiếng Anh: EASTERNS AHP MINERALS JOINT STOCK COMPANY;

– Trụ sở chính: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương;



– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 09 tháng 07 năm 2020.

– Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

**Điều 2.** Cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP được phép chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 24.000.000 cổ phiếu (Hai mươi bốn triệu cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu;
4. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

**Điều 3.** Công ty cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN  
CÓ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CÓ  
PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ  
KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI  
ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



### CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

*(Giấy chứng nhận DKDN số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần  
đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020)*

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...325...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng  
khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2020..)*

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:*

#### CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam

Điện thoại: 0274.3688126 Fax: 0274.3688125

Website: [www.becamexbmj.com.vn](http://www.becamexbmj.com.vn)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa  
Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

#### Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Nguyễn Bảo Long

Chức vụ: Tổng Giám đốc

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN  
CÓ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CÓ  
PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ  
KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI  
ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



### CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần  
đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020)*

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 325.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng  
khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2020..)*

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:*

#### CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam

Điện thoại: 0274.3688126 Fax: 0274.3688125

Website: [www.becamexbmj.com.vn](http://www.becamexbmj.com.vn)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa  
Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

#### Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Nguyễn Bảo Long

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**



*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020)*

**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng chào bán:</b>	24.000.000 cổ phiếu, trong đó:
+ Chào bán cho cổ đông hiện hữu:	24.000.000 cổ phiếu
<b>Giá chào bán:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng giá trị cổ phiếu chào bán:</b>	240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)

**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc

Địa chỉ: Phòng 709, Sunrise Building, Số 90, Đường Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3200 2016 Fax: +84 (24) 3200 2016

**2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

## MỤC LỤC

<b>I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	7
5. Rủi ro pha loãng.....	8
6. Rủi ro quản trị công ty.....	10
7. Rủi ro khác.....	10
<b>II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>11</b>
1. Tổ chức phát hành.....	11
2. Tổ chức tư vấn.....	11
<b>III CÁC TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>12</b>
<b>IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>13</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	16
4. Danh sách cổ đông.....	18
5. Danh sách công ty mẹ và những công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	21
6. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	21
7. Hoạt động kinh doanh.....	22
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm.....	29
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
10. Chính sách đối với người lao động.....	32
11. Chính sách cổ tức.....	33
12. Tình hình tài chính.....	34
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	38
14. Tài sản.....	51
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2020.....	52
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	53
17. Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	54
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	54



19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán .....	54
<b>V CỐ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHỨNG .....</b>	<b>54</b>
1. Loại cổ phiếu.....	54
2. Mệnh giá.....	54
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	54
4. Giá chào bán dự kiến .....	54
5. Phương pháp tính giá.....	54
6. Phương thức phân phối cổ phiếu .....	55
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	56
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	56
9. Phương thức thực hiện quyền.....	57
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	57
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	58
12. Các loại thuế có liên quan .....	65
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu .....	65
14. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu.....	66
<b>VI MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>	<b>66</b>
<b>VII KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>68</b>
<b>VIII CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....</b>	<b>71</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	71
2. Tổ chức kiểm toán .....	71
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành .....	71
4. Đại lý phát hành cho cổ đông hiện hữu .....	72
<b>IX PHỤ LỤC.....</b>	<b>72</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1 Danh sách cổ đông lớn.....	18
Bảng 2 Danh sách người liên quan của cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ.....	19
Bảng 3 Cơ cấu cổ đông.....	20
Bảng 4 Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2018 – 9T/2020.....	23
Bảng 5 Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2018 – 9T/2020 .....	23
Bảng 6 Tình hình đầu tư.....	24
Bảng 7 Danh mục tài sản đã đầu tư mua sắm từ năm 2019 đến nay.....	25
Bảng 8 Các Hợp đồng đầu ra của BMJ .....	27
Bảng 9 Các Hợp đồng đầu vào của BMJ .....	28
Bảng 10 Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	29
Bảng 11 Cơ cấu lao động .....	32
Bảng 12 Tỷ lệ chi trả cổ tức các năm gần đây .....	33
Bảng 13 Vốn điều lệ của Công ty .....	34
Bảng 14 Vốn kinh doanh của Công ty .....	34
Bảng 15 Hạng mục các tài sản của Công ty.....	35
Bảng 16 Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước.....	36
Bảng 17 Các khoản phải thu .....	36
Bảng 18 Các khoản phải trả .....	37
Bảng 19 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	37
Bảng 20 Tình hình tài sản Công ty thời điểm 31/12/2019 .....	51
Bảng 21 Tình hình tài sản Công ty thời điểm 30/09/2020 .....	52
Bảng 22 Kế hoạch kinh doanh của Công ty.....	52
Bảng 23 Lịch trình phân phối cổ phiếu.....	56

## 1 CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro được đề cập dưới đây:

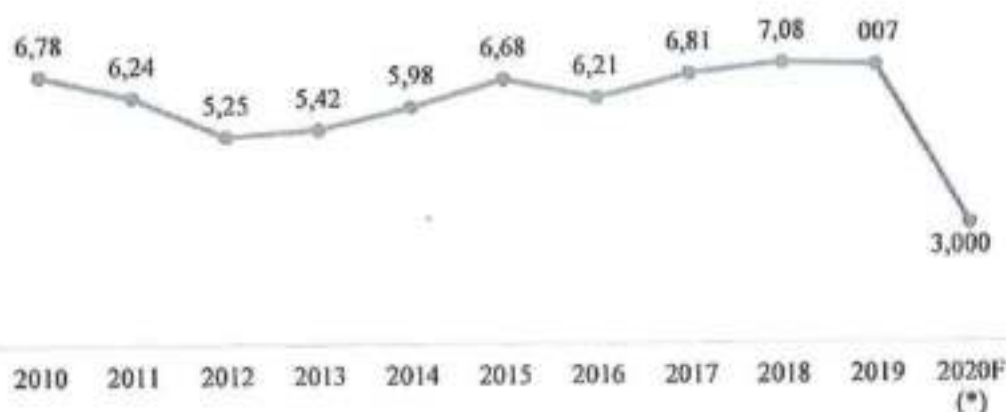
### 1. Rủi ro về kinh tế

Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế trong nước. Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và phân bổ hợp lý các nguồn lực, hỗ trợ nền kinh tế có những bước tăng trưởng đáng kể so với những năm trước đây cũng như so với các quốc gia khác trong khu vực.

#### 1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

Tăng trưởng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí quan trọng nhất phản ánh sự tăng trưởng của nền kinh tế. Nói chung khi tốc độ tăng trưởng GDP cao, sức cầu của nền kinh tế tăng lên và ngược lại khi tốc độ tăng trưởng thấp thì sức cầu của nền kinh tế có chiều hướng giảm. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2019, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng liên tục và đạt được tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khá cao, khoảng 6,29%/năm. Tỷ lệ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011 – 2013 có xu hướng giảm xuống, còn bình quân khoảng 5,4%/năm do những bất ổn kinh tế vĩ mô và ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu. Trong giai đoạn 2014 – 2019 tỷ lệ tăng trưởng GDP đã phục hồi với mức tăng trưởng GDP bình quân 6,63%/năm. Trong năm 2020, dịch Covid-19 xảy ra gây ra những ảnh hưởng nặng nề nên nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 chỉ đạt 3% và là quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á (ASEAN) có tốc độ tăng trưởng dương trong năm 2020.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn từ 2010- 2020 được thể hiện sau đây:



Nguồn: Tổng cục Thống kê

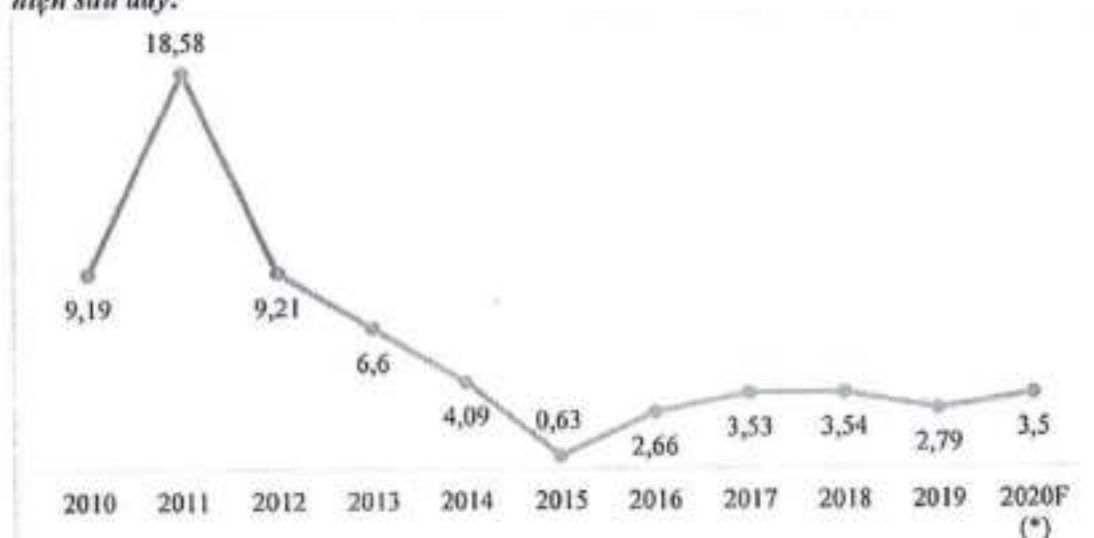
Với lĩnh vực kinh doanh chính là khai thác khoáng sản để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, thi công công trình thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 ít nhiều bị ảnh hưởng bởi sự giảm sút trong tăng trưởng GDP. Nhưng để giữ được tốc độ tăng trưởng 3% như dự báo của World Bank thì Chính phủ Việt Nam

phải đẩy mạnh đầu tư công bằng các dự án hạ tầng lớn. BMJ là một doanh nghiệp cũng có khả năng được gián tiếp hưởng lợi từ các dự án này nên rủi ro về tăng trưởng kinh tế trong năm 2020 không phải một rủi ro lớn.

### 1.2. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2010 – 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và buộc Chính phủ Việt Nam phải đánh sự quan tâm hàng đầu. Đến năm 2014, chỉ số lạm phát đã giảm xuống mức 4,09% và 2015 chỉ còn 0,63%. Đây là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Trong vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu là tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt. Trong năm 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là thịt lợn) nhưng do tác động của dịch Covid-19 khiến cho nhu cầu về xăng dầu giảm mạnh dẫn tới giá dầu thấp và chưa thể hồi phục nhanh chóng nên theo dự báo của Viện Kinh tế - Tài chính thì lạm phát năm nay xoay quanh mức 3,5%.

*CPI bình quân của Việt Nam giai đoạn từ 2010 – 2019 và dự báo năm 2020 được thể hiện sau đây:*



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

## 2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, ngoài chịu điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản dưới luật có liên quan, các quy định của ngành kinh doanh khai thác khoáng sản, các văn bản về thuế thường xuyên thay đổi. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc này gây khó khăn cho hoạt động thực thi, áp dụng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm hạn chế những rủi ro này, Công ty phải thường xuyên phổ cập kiến thức về pháp luật để toàn thể nhân viên có thể nắm bắt được và tự chủ hành vi của mình theo đúng quy định pháp luật. Thường xuyên rà soát các quy chế nội bộ của Công ty để có những sửa đổi, bổ

sung phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

### 3. **Rủi ro đặc thù**

#### **Rủi ro ngành**

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và mua bán khoáng sản, sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng. Do vậy việc sản xuất của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các điều kiện tự nhiên. Trong quá trình đầu tư và hoạt động, Công ty đã khảo sát, đánh giá các phương án chi tiết về trữ lượng khai thác, chất lượng khoáng sản ... Tuy nhiên không thể tránh khỏi các yếu tố bất thường liên quan đến điều kiện tự nhiên có thể làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm của Công ty.

Do ngành khai thác khoáng sản là một ngành đặc thù liên quan đến môi trường, phải chịu sự quản lý và cấp phép của nhiều cơ quan quản lý nhà nước nên Công ty luôn phải đảm bảo tuân thủ các vấn đề về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, đảm bảo an toàn và sức khỏe của người lao động. Sức ép về sự gia tăng các loại phí bảo vệ môi trường, phí tài nguyên, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất .... đối với Công ty ngày càng cao. Điều này có thể ảnh hưởng tới lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

### 4. **Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

#### 4.1. **Rủi ro của đợt chào bán**

Nhìn chung thị trường chứng khoán trong giai đoạn hiện nay vẫn đang diễn biến phức tạp và khó dự báo.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động của cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô, vĩ mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Do vậy, thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán và quyết định thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.

Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là lớn, và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó, trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán, HĐQT ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác và/hoặc cổ đông với điều kiện chào bán không ưu đãi hơn so với các cổ đông hiện hữu, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

#### 4.2. **Rủi ro đối với mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

Theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 07/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, mục đích của việc chào bán là sử dụng để đầu tư cho Dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Hoạt động khai thác và mua bán khoáng sản, sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Công ty đang triển khai hoạt động kinh doanh tốt, các năm gần đây đều hoạt động có lãi. Vì vậy rủi ro đối với mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán là không cao.

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu BMJ sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Hơn nữa, trong đợt chào bán này, cổ phiếu phát hành thêm của Công ty được chào bán ở mức

giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá thị trường của cổ phiếu BMJ. Do đó, đợt chào bán có khả năng thành công. Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đáp ứng được mục đích sử dụng vốn nêu trên, Công ty sẽ tìm các nguồn vốn khác để thay thế, bổ sung.

## 5. Rủi ro pha loãng

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán cổ phiếu công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

### 5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot t}{12}$$

Trong đó: X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Giá định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 1 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{6.000.000 \cdot 12 + 24.000.000 \cdot 1}{12} = 8.000.000 \text{ cổ phiếu}$$

So sánh EPS năm 2020 trong hai trường hợp, cụ thể:

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế (dự kiến)	Đồng	16.031.206.705	16.031.206.705
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	6.000.000	8.000.000
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	2.672	2.004

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2020. Vì vậy, do ảnh hưởng

của việc phát hành thêm 24.000.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng từ 2.672 đồng/cổ phiếu xuống 2.004 đồng/cổ phiếu.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2020 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

**5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 (tại thời điểm 31/12/2019) được tính theo công thức sau:

$$GTSS = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)}} = \frac{81.806.962.548}{6.000.000} = 13.634 \text{ Đồng/CP}$$

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

**5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết**

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

**5.4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu**

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$P_{tr} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

$P_{tr}$  : Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền

$PR_{t-1}$  : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền

$P_{r1}$  : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

$I_1$  : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

**Ví dụ:**

Giá sử Giá đóng cửa của cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu (cao hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 1: 4, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau:

$$\text{Giá tham chiếu tại ngày giao dịch KHQ} = (20.000 + 4 \times 10.000)/(1 + 4) = 12.000 \text{ đồng/CP}$$

**6. Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, ... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, ... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban kiểm soát. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được DHDGD thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

**7. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác là những rủi ro bất khả kháng không thể lường trước được như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh.v.v.. nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại đáng kể về tài sản, con người do đó không tránh khỏi ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sự bùng nổ của đại dịch Covid-19 đã khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình dịch bệnh kéo dài và chưa có phương pháp chữa bệnh cụ thể ở thời điểm hiện tại khiến cho Covid-19 được coi là mối hiểm họa lớn đối với xã hội và nền kinh tế Việt Nam cũng như trên thế giới.



## II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

#### CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Ông	Phạm Xuân Phương	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Bảo Long	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông	Nguyễn Thanh Hữu	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông	Hoàng Văn Anh	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Ông	Trần Thăng Long	Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
-----	-----------------	------------------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP cung cấp.

### III CÁC TỪ VIẾT TẮT


UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Công ty/Tổ chức phát hành/BMJ	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
DHDCD	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
KTT	Kế toán trưởng
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội
Điều lệ Công ty	Điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP
BMJ	Mã chứng khoán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP
DKKD	Đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CMND	Chứng minh nhân dân
CP	Cổ phần
VĐL	Vốn điều lệ
TV	Thành viên
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
CTCP	Công ty cổ phần
DTT, LNST	Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế



#### IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1. Tổng quan về Công ty

- Tên gọi : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
- Tên tiếng Anh : EASTERNS AHP MINERALS JOINT STOCK COMPANY
- Logo : 
- Trụ sở chính : Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại : 0274 3688 126
- Fax : 0274 3688 125
- Website : www.becamexbmj.com.vn
- Email : ahpminerals2019@gmail.com
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
  - ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (*Chính*);
  - ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - ✓ Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
  - ✓ Chuẩn bị mặt bằng;
  - ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc đi thuê;
  - ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;
  - ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
  - ✓ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
  - ✓ Cắt tạo đá và hoàn thiện đá;
  - ✓ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
  - ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
  - ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
  - ✓ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
  - ✓ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
  - ✓ Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

- ✓ Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- ✓ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- ✓ Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- ✓ Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa;
- ✓ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- ✓ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- ✓ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- ✓ Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác;
- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- ✓ Xây dựng nhà để ở;
- ✓ Xây dựng nhà không để ở;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt;
- ✓ Xây dựng công trình đường bộ;
- ✓ Xây dựng công trình điện;
- ✓ Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- ✓ Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- ✓ Xây dựng công trình công ích khác;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Phá dỡ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- ✓ Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
  - ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
  - ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
  - ✓ Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).
- Sản phẩm chính: các sản phẩm đá chế biến sử dụng làm vật liệu xây dựng như Đá cấp phối 0x4, Đá 1x2 sàng 25, Đá 1x2 sàng 16, Đá 1x2 sàng 22, Đá 4x6, Đá học xay máy...

## 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp khai thác khoáng sản thuộc Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp – CTCP, viết tắt là Becamex IDC Corp) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương với tên Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Ngày 22/12/2009, cổ phiếu BMJ chính thức giao dịch đầu tiên trên thị trường Upcom, với số cổ phiếu đăng ký giao dịch là 6.000.000 cổ phiếu.

Ngày 02/6/2014, Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC) mua 4.479.600 cổ phiếu BMJ từ Becamex IDC Corp và chính thức trở thành Công ty mẹ của BMJ.

Ngày 22/5/2019, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 2) chính thức đổi tên Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Ngày 21/6/2019, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP với diện tích khu vực khai thác là 37,3ha và mức sâu khai thác đến cote – 20m.

Ngày 09/07/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 5), theo đó thay đổi Ông Nguyễn Bảo Long – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

### - Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ có các quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định cụ thể trong Điều lệ hoạt động của Công ty. Đồng thời ĐHĐCĐ cũng có thẩm quyền phê duyệt và thông qua các văn bản sau:

- ✓ Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- ✓ Báo cáo tài chính hàng năm;
- ✓ Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- ✓ Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- ✓ Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- ✓ Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

- |                           |                 |
|---------------------------|-----------------|
| ✓ Ông : Phạm Xuân Phương  | Chủ tịch HĐQT   |
| ✓ Ông : Đỗ Mạnh Cường     | Thành viên HĐQT |
| ✓ Ông : Nguyễn Quốc Thanh | Thành viên HĐQT |
| ✓ Ông: Ngô Anh Quân       | Thành viên HĐQT |
| ✓ Ông : Nguyễn Bảo Long   | Thành viên HĐQT |

- **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng thẩm quyền, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc bao 02 thành viên sau:

- |                         |                   |
|-------------------------|-------------------|
| ✓ Ông : Nguyễn Bảo Long | Tổng Giám đốc     |
| ✓ Ông : Phạm Thành Sơn  | Phó Tổng Giám đốc |

- **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm các thành viên như sau:

- |                      |                          |
|----------------------|--------------------------|
| ✓ Ông: Hoàng Văn Anh | Trưởng Ban Kiểm soát     |
| ✓ Ông: Phạm Huy Hậu  | Thành viên Ban Kiểm soát |
| ✓ Bà: Lê Thị Tươi    | Thành viên Ban Kiểm soát |

**CÁC PHÒNG BAN:**

**Phòng Kỹ thuật:** Tổ chức thực hiện công tác khai thác mỏ đúng quy định Nhà nước và Công ty; quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, thực hiện và giám sát an toàn lao động, phòng chống cháy nổ toàn Công ty; quản lý, bảo trì, sửa chữa xe máy, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

**Phòng Sản xuất Kinh doanh – Tổng hợp:** Tổ chức sản xuất, kinh doanh trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quản lý và cung ứng vật tư, nguyên nhiên liệu, thiết bị cho nhu cầu khai thác, kinh doanh và dịch vụ của Công ty; quản lý và điều động xe máy, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; soạn thảo hợp đồng kinh tế, thực hiện tiếp thị sản phẩm và chăm sóc khách hàng; quản lý nhân sự, hành chính, tiền lương, bảo hiểm; xây dựng quy chế chính sách đối với người lao động; quản lý vận hành nhà văn phòng và trang thiết bị văn phòng, phòng cháy chữa cháy; tổ chức các sự kiện, hỗ trợ hoạt động công đoàn; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

**Phòng Quản lý Tài chính:** Tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quản lý hoạt động tài chính, ngân hàng, thu, chi kho quỹ; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành; phân tích tình hình tài chính, cân đối nguồn vốn, công nợ Công ty; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

#### 4. Danh sách cổ đông

##### 4.1. Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020. Đến nay cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

##### 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tính đến thời điểm 22/05/2020

Bảng 1 Danh sách cổ đông lớn

Stt	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Kim Thanh	012843766	45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội	482.609	8,04%
2	Trương Hữu Quyền	280584877	18/1 Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	641.400	10,69%
3	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	3700926112	Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	4.479.600	74,66%
<b>Tổng cộng</b>				<b>5.603.609</b>	<b>93,39</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)



**Bảng 2** Danh sách người liên quan của cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL của công ty (nếu có)	Mối quan hệ
<b>CÓ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC</b>				
1	Phạm Xuân Phương	Số 43C phố Ngô Quyền, phường Hàng Hải, quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội	Đại diện sở hữu 4.479.600 CP, chiếm 74,66% VDL.	Chủ tịch HĐQT
2	Đỗ Mạnh Cường	Số 95 ngõ 252 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Tp Hà Nội	-	TV HĐQT
3	Nguyễn Quốc Thanh	Áp Xóm Bung, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	-	TV HĐQT
4	Ngô Anh Quỳnh	29A ngõ 29 Võng Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Tp Hà Nội	-	TV HĐQT
5	Nguyễn Bảo Long	Khu 3 (phi nông nghiệp), xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	-	TV HĐQT
6	Hoàng Văn Anh	Số 2044, Tòa nhà CT12B, khu đô thị Kim Văn - Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội	-	Trưởng BKS
7	Lê Thị Tươi	Xóm 9, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	-	TV BKS
8	Nguyễn Thanh Hữu	Khu phố 1, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	-	TV BKS
9	Võ Thành Tài	460/33 Hồ Văn Cống, phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	4.000 CP chiếm 0,06%VDL	Tổng giám đốc
10	Nguyễn Xuân Cường	56 Long Sơn, Long Bình, quận 9, Tp HCM	-	Phó TGĐ
11	Phạm Huy Hậu	Khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, Bình Dương	-	Phó TGĐ tài chính
12	Phạm Hữu Nguyên	Thôn Đông, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	-	Phó TGĐ
13	Nguyễn Thị Thúy Vân	Áp 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, Bình Dương	-	Kế toán trưởng
14	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Số 112/125 ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương	-	Công ty con

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL của công ty (nếu có)	Mối quan hệ
15	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Thửa đất số 350, Tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương	-	Công ty con
<b>CÓ ĐỒNG - NGUYỄN THỊ KIM THANH</b>				
1	Nguyễn Văn Xam	Đã mất	-	Cha ruột
2	Lê Thị Quỳnh	Đã mất	-	Mẹ ruột
3	Phan Thiên Sơn	Đã mất	-	Chồng
4	Phan Thị Thanh Hoa	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	-	Con ruột
5	Phan Thanh Quang	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	-	Con ruột
6	Nguyễn Văn Viễn	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	-	Anh ruột
7	Nguyễn Văn Đông	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	-	Anh ruột
8	Nguyễn Thị Vinh	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	-	Chị ruột
9	Nguyễn Thị Thanh Bình	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	-	Em ruột
<b>CÓ ĐỒNG - TRƯƠNG HỮU QUYÊN</b>				
Không có thông tin.				

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 22/05/2020

Bảng 3 Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ
I	Nhà nước	-	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	134	5.991.900	59.919.000.000	99,86%

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đúng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ
1	Thế nhân	132	1.488.500	14.885.000.000	24,81%
2	Pháp nhân	2	4.503.400	45.034.000.000	75,05%
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>8.100</b>	<b>81.000.000</b>	<b>0,14%</b>
1	Thế nhân	3	8.100	81.000.000	0,14%
2	Pháp nhân	-	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>137</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP)

**5. Danh sách công ty mẹ và những công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

- Công ty mẹ của tổ chức phát hành:

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
- Mã cổ phiếu : ACC
- Địa chỉ : Lô D\_3\_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Điện thoại : 0274 3567200
- Fax : 0274 3567201
- Email : [becamexacc@gmail.com](mailto:becamexacc@gmail.com)
- Website : [www.becamexacc.com.vn](http://www.becamexacc.com.vn)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình công ích khác; Cho thuê máy móc thiết bị và các đồ dùng hữu hình khác; Đầu tư và kinh doanh bất động sản, sản giao dịch bất động sản.
- Tỷ lệ sở hữu: 4.479.600 cổ phần, chiếm 74,66% vốn điều lệ BMJ.

- Danh sách những Công ty con của tổ chức phát hành mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.

**6. Quá trình tăng vốn của Công ty**

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng. Kể từ thời điểm thành lập Công ty đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

## 7. Hoạt động kinh doanh

### 7.1. Sản lượng sản phẩm/Giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm

#### 7.1.1. Các sản phẩm/dịch vụ chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tập trung chính vào khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng như Đá cấp phối 0x4, Đá 1x2 sàng 25, Đá 1x2 sàng 16, Đá 1x2 sàng 22, Đá 4x6, Đá hộc xay máy với năng lực sản xuất gồm 05 dây chuyền nghiền sàng đá 150 tấn/h hàng năm.

##### **Đá cấp phối 0x4**

Đá cấp phối 0x4 là loại đá có kích thước từ 0mm đến 40mm được sử dụng để làm nền chịu lực trước khi thảm nhựa hay đổ bê tông cho các công trình xây dựng như đường giao thông, sân bãi, bến cảng, vv... là sản phẩm hiện nay được sử dụng phổ biến với số lượng lớn để xây dựng cơ sở hạ tầng.

##### **Đá 1x2 sàng 25**

Đá 1x2 sàng 25 là loại đá có kích thước hạt từ 10mm đến 25mm được sử dụng để làm bê tông nhựa nóng, bê tông tươi trong các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng .v.v.là sản phẩm được sử dụng rất phổ biến trong xây dựng.

##### **Đá 1x2 sàng 16**

Đá 1x2 sàng 16 là loại đá có kích thước hạt từ 10mm đến 16mm được sử dụng để làm cốt chịu lực, bê tông nhựa nóng, bê tông tươi trong các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng .v.v.là sản phẩm được sử dụng rất phổ biến trong xây dựng.

##### **Đá 1x2 sàng 22**

Đá 1x2 sàng 22 là loại đá có kích thước hạt từ 10mm đến 22mm được sử dụng để làm cốt chịu lực, bê tông nhựa nóng, bê tông tươi trong các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng .v.v.là sản phẩm được sử dụng rất phổ biến trong xây dựng.

##### **Đá 4x6**

Đá 4x6 là loại đá có kích thước hạt từ 40mm đến 60mm được sử dụng để làm đường nhựa thấm nhập, nền móng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng .v.v.là sản phẩm được sử dụng rất phổ biến trong xây dựng nhà ở.

##### **Đá hộc xay máy**

Đá hộc là loại đá có kích thước hạt từ 120mm đến 500mm được sử dụng để làm vật liệu xây dựng bờ kè, kênh mương, tường rào, đê đập .v.v.hiện nay được sử dụng phổ biến trong xây dựng các kênh mương trong các khu công nghiệp, khu dân cư.

### 7.1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Bảng 4 Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2018 – 9T/2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9T/2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.587	77.407	64.408
1.1	Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	76.587	77.407	64.408
1.2	Các khoản giảm trừ	-	-	-
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.233	2.525	58
3	Thu nhập khác	649	1.695	469
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>		<b>78.469</b>	<b>81.627</b>	<b>64.935</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)

Nhìn chung, Doanh thu thuần của Công ty có chiều hướng tăng qua các năm. Do Công ty không ngừng đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, củng cố và chăm sóc các khách hàng truyền thống, tiếp tục thể hiện uy tín của Công ty dựa trên những sản phẩm chất lượng, giá thành hợp lý. Bên cạnh đó, năm 2019 Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 21/6/2019, từ đó nâng cao công suất khai thác lên 800.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/năm, mở rộng diện tích khai thác mỏ lên thành 37,3 ha và mở rộng sâu xuống đến cote -20m.

### 7.1.3. Cơ cấu chi phí của Công ty

**Bảng 5 Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2018 – 9T/2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	51.869	67,73%	53.055	68,54%	42.077	65,33%
2	Chi phí tài chính	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
3	Chi phí bán hàng	2.248	2,94%	1.710	2,21%	2.122	3,30%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.489	9,78%	7.299	9,43%	5.178	8,04%
<b>Tổng cộng</b>		<b>61.606</b>	<b>80,45%</b>	<b>62.064</b>	<b>80,18%</b>	<b>49.377</b>	<b>76,67%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019, BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, cùng với việc tăng tỷ trọng của Giá vốn hàng bán là việc giảm dần tỷ trọng của Chi phí quản lý doanh nghiệp. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần năm 2018 và năm 2019 lần lượt là 9,78% và 9,43%. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực quản lý và năng lực của mỗi một nhân viên qua các chính sách kiện toàn cơ cấu, các hoạt động và chương trình đào tạo nâng cao năng lực. Do đó, Công ty có xu hướng tự hoàn thiện các nghiệp vụ và giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp thay vì mất chi phí thuê ngoài. Không chỉ vậy, công tác quản trị cũng ngày càng được chú trọng chẳng hạn như thiện đãi mới cách thức làm việc, các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạch định chiến lược rõ ràng, kiểm soát toàn bộ tình hình tài chính, kịp thời phân tích, đánh giá để đưa ra các quyết định quan trọng trong công tác điều hành, kiểm soát chặt chẽ hàng hóa đã khiến cho hiệu quả hoạt động cải tiến rõ rệt, góp phần giảm thiểu những chi phí không cần thiết.

**7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành**

**a) Tình hình đầu tư**

**Bảng 6 Tình hình đầu tư**

(Đơn vị: đồng)

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	+/- %	30/09/2020
Tiền và tương đương tiền	40.185.775.330	49.637.274.064	23,52%	7.224.127.578
Khoản phải thu ngắn hạn	35.813.328.725	24.785.750.484	-30,79%	77.798.567.638
Hàng tồn kho	2.977.779.134	1.252.728.537	-57,93%	6.910.709.776
Tài sản ngắn hạn khác	829.346.411	584.541.004	-29,52%	488.898.154
Khoản phải thu dài hạn	2.043.572.400	2.043.572.400	0,00%	3.011.263.927
Tài sản cố định	4.690.890.690	47.846.934.719	920,00%	47.717.248.894
Bất động sản đầu tư	8.583.892.372	8.583.892.372	0,00%	8.583.892.372
Tài sản dài hạn khác	844.762.060	3.345.048.283	295,97%	4.900.702.565

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019, BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)

Vào tháng 6/2019, Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nâng công suất khai thác lên 800.000m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, mở rộng diện tích khai thác mỏ lên thành 37,3 ha và mức sâu khai thác đến cote -20m. Giá trị tài sản cố định vô hình là quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là 43,93 tỷ đồng. Với việc đầu tư mở rộng công suất, Công ty sẽ tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường cung cấp, tiếp cận các dự án của nhiều chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh.

Đồng thời Công ty cũng chú trọng công tác sửa chữa, nâng cấp thiết bị máy móc, đảm bảo an toàn và phục vụ cho người lao động. Danh mục các tài sản Công ty đã đầu tư mua sắm từ năm 2019 đến nay như sau:

**Bảng 7 Danh mục tài sản đã đầu tư mua sắm từ năm 2019 đến nay**

TT	Hạng mục	Nguyên giá (triệu đồng)	Ngày sử dụng	Mục đích sử dụng
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>			
1	Hệ thống camera giám sát	115	01/04/2019	An ninh công ty
2	Xe ô tô Ford transit	781	01/06/2019	Xe 16 chỗ phục vụ đưa rước nhân viên
3	Xe cuộc SK 430	1.032	01/10/2019	Cuộc đá
4	Cân ô tô điện tử 60 tấn	360	01/04/2019	Cân Đá
5	Xe đào bánh xích SK480D-6S	2.318	28/02/2020	Cuộc đá
6	Máy bơm nước thả chìm công suất 90kw	115	20/06/2020	Bơm nước mỏ
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>			
1	Quyền khai thác khoáng sản	43.928	21/06/2019	Giấy phép khai thác đá tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP)

**b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh**

(Đơn vị: Đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9T/2020
<b>I</b>	<b>Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>76.587.187.753</b>	<b>77.406.556.386</b>	<b>64.407.956.770</b>
1	Doanh thu đá 0x4	37.611.998.914	33.002.665.373	33.216.400.422
2	Doanh thu đá hộc	10.449.721.126	10.602.191.015	9.469.115.177
3	Doanh thu đá mi sàng	426.211.010	-	-
4	Doanh thu đá 1x2L16	1.775.971.070	2.652.089.205	2.530.330.300
5	Doanh thu đá 1x2L25	19.034.504.226	20.078.905.582	14.870.314.143
6	Doanh thu đá 4x6	3.065.396.681	6.552.020.979	748.520.592
7	Doanh thu mi bụi	4.117.013.126	4.083.321.252	3.292.210.336
8	Doanh thu đá Granite - GranoDiorit	106.371.600	334.071.450	256.705.800
9	Cung cấp dịch vụ - cho thuê máy		13.371.530	
10	Doanh thu khác (bán đất sỏi)		87.920.000	24.360.000
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>24.718.552.982</b>	<b>24.351.801.729</b>	<b>22.331.413.787</b>
1	Lợi nhuận đá 0x4	11.102.613.750	8.666.660.717	10.230.475.631
2	Lợi nhuận đá hộc	3.863.147.338	3.894.920.382	3.002.271.046
3	Lợi nhuận đá mi sàng	82.725.345	-	-

TT	Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9T/2020
4	Lợi nhuận đá 1x2L16	426.892.379	797.291.688	889.432.901
5	Lợi nhuận đá 1x2L25	6.979.204.588	7.693.998.709	6.605.909.415
6	Lợi nhuận đá 4x6	1.084.714.586	1.814.493.945	95.106.727
7	Lợi nhuận mì bụi	1.149.403.852	1.211.636.257	1.322.459.295
8	Lợi nhuận đá Granite - GranoDiorit	29.851.144	171.508.501	161.398.772
9	Cung cấp dịch vụ - cho thuê máy		13.371.530	
10	Lợi nhuận khác (bán đất sỏi)		87.920.000	24.360.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP)

Trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty, Đá 0x4 và Đá 1x2L25 chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Tổng doanh thu của Công ty được giữ vững ở mức ổn định khoảng 30%. Theo đó Công ty luôn bám sát tình hình thị trường, đánh giá đúng tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty đồng thời tăng tính dự báo để đề ra giải pháp kinh doanh hiệu quả, tiết kiệm chi phí ở mức hợp lý để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt được mức cao nhất có thể.

### 7.3. Hoạt động marketing

Tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, hoạt động Marketing và tìm kiếm khách hàng mới do Phòng Sản xuất Kinh doanh - Tổng hợp phụ trách. Công việc của phòng này là tham gia các chương trình xúc tiến thương mại hoặc chủ động tiếp cận những khách hàng tiềm năng để thực hiện công tác quảng bá sản phẩm, mở rộng danh mục kinh doanh. Bên cạnh đó, phòng này cũng có trách nhiệm củng cố và chăm sóc các khách hàng truyền thống song song với việc tìm kiếm các thị trường mới có chi phí thấp hơn...

Bên cạnh đó, Công ty cũng rất chú trọng đến việc quảng bá hình ảnh, sản phẩm/dịch vụ của Công ty một cách rộng rãi thông qua trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ [www.becamexbmj.com.vn](http://www.becamexbmj.com.vn). Tại đây, các hoạt động tập thể và các sự kiện trong ngày kỷ niệm, ngày lễ của Công ty cũng như của quốc gia, các sản phẩm và hoạt động sản xuất của Công ty luôn được cập nhật đầy đủ, phong phú. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh về một BMJ năng động, phát triển và hiện đại trong mắt các khách hàng và đối tác của Công ty, đưa BMJ đến gần hơn với các bạn hàng, đối tác.

### 7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:



Công ty chưa thực hiện thủ tục đăng ký nhãn hiệu tại Cục sở hữu trí tuệ với biểu tượng Logo trên.



**7.5. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết**
**Bảng 8 Các Hợp đồng đầu ra của BMJ**

Số hợp đồng	Tên đơn vị	Ngày hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị (VND)	Nội dung
41/01/2020/HĐV T/HĐ	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	21.573.311.622	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-01/2020/HĐMB-AHP	Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	8.178.173.696	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-01A/2020/HĐMB-AHP	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	3.954.381.607	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-02/2020/HĐMB-AHP	Công ty Cổ phần Đá Ốp Lát An Bình	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	1.759.596.003	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-03/2020/HĐMB-AHP	Công ty Cổ phần Đá Ốp Lát An Bình	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	191.338.290	Hợp đồng mua bán đá granite-granodiorit
131-05/2020/HĐMB-AHP	Công ty Cổ phần Nam Việt Phát	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	1.927.698.711	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-06/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	1.380.901.720	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-07/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV Mong Dung	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	332.664.585	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-08/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV TM-DV Đạt Phúc Thành Công ty TNHH Đạt Phúc Thành	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	838.076.076	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-09/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV TM-DV Vận Tài Thịnh Tiến Phát	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	3.078.350.667	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-10/2020/HĐMB-AHP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hiệp Phong	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	911.437.058	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-11/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Cường Phát	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	315.563.345	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-13/2020/HĐMB-	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phúc Cường	02/01/2020	02/01/2020	31/12/2020	1.344.160.550	Hợp đồng mua bán đá các loại

Số hợp đồng	Tên đơn vị	Ngày hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị (VND)	Nội dung
AHP						
131-14/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH ĐT PT Hạ tầng Tân Thành	25/02/2020	25/02/2020	31/12/2020	619.579.633	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-15/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	02/03/2020	02/03/2020	31/12/2020	508.501.647	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-16/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Kháng Tiến	01/04/2020	01/04/2020	31/12/2020	6.938.906.754	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-16A/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV Đại Thuận Thiện	15/05/2020	15/05/2020	31/12/2020	511.787.490	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-17/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH MTV Thịnh Phát Bình Phước	10/06/2020	10/06/2020	31/12/2020	1.140.422.910	Hợp đồng mua bán đá các loại
131-18/2020/HĐMB-AHP	Công ty TNHH VLXD Anh Minh	15/06/2020	15/06/2020	31/12/2020	938.502.095	Hợp đồng mua bán đá các loại

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

**Bảng 9 Các Hợp đồng đầu vào của BMJ**

TT	Tên nguyên vật liệu	Nhà cung cấp	Ngày ký hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VND) (đến 08/2020)
1	Vật tư máy nghiền	Hộ Kinh Doanh Bảy Xinh	31/12/2019	31/12/2020	492.687.000
2	Vật tư máy nghiền	Cửa hàng PTCG Tân Phong	31/12/2019	31/12/2020	148.190.000
3	Vật tư máy nghiền	Công ty TNHH SX TM Lâm Viên	31/12/2019	31/12/2020	154.651.673
4	Vật tư máy nghiền	Công ty TNHH SX TM Cao su Hoàng Minh	31/12/2019	31/12/2020	318.450.000
5	Vật tư máy nghiền	Công ty TNHH MTV Cơ khí Lam Giang	31/12/2019	31/12/2020	614.319.200
6	Nhiên liệu dầu DO	Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	31/12/2019	31/12/2020	2.362.097.100
7	Nhiên liệu dầu DO	Công ty TNHH XD DV XD Thành Lợi	31/12/2019	31/12/2020	1.859.985.600
8	Vỏ xe	Công ty TNHH TM DV Hai Hồ	31/12/2019	31/12/2020	243.709.993
9	Sửa chữa motor	Công ty TNHH Điện cơ Phúc An Phát	31/12/2019	31/12/2020	437.860.000
10	Mua Nhớt, mỡ	Công ty TNHH Hồ Thủy	06/01/2020	31/12/2020	385.560.000
11	Mua Sắt thép	Công ty TNHH TMDV SX Tiến Đức	01/08/2020	31/12/2020	214.661.397
12	Thuế Khoan lỗ min	Công ty TNHH ĐTTM Mạnh Cường	31/12/2019	31/12/2020	2.034.737.650
13	Thuế Vận chuyển đá thành phẩm	Công ty TNHH TMDV Đạt Phúc Thành	31/12/2019	31/12/2020	221.233.403

TT	Tên nguyên vật liệu	Nhà cung cấp	Ngày ký hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VND) (đến 08/2020)
14	Thuê xe xúc	HTX VT-XD&CD Thanh Long	31/12/2019	31/12/2020	491.601.906
15	Thuê Vận chuyển đá nguyên liệu	Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	31/12/2019	31/12/2020	2.024.160.241
16	Thuê Vận chuyển đất tầng phủ	Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	13/02/2020	31/12/2020	435.474.625
17	Thuê xe xúc	Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	01/04/2020	31/12/2020	284.349.447
18	Thuê xe xúc, búa đập	Công ty CP Đá Ốp lát An Bình	01/04/2020	31/12/2020	945.021.088
19	Thuê Vận chuyển đá nguyên liệu	Công ty TNHH MTV DVVT Thái Hòa	02/05/2020	31/12/2020	472.083.903
20	Thuê Vận chuyển đá thành phẩm	Công ty TNHH MTV TMDV Phát Tấn Phát	12/06/2020	31/12/2020	285.028.953
21	Thuê xe xúc	Công ty TNHH XDVTM Đức Tài Vũ	25/06/2020	31/12/2020	120.716.542
22	Mua Vật liệu nổ	CN Công ty TNHH MTV CN HCM Nam Bộ - MICCO	25/12/2019	31/12/2020	2.611.736.710
23	Mua Vật liệu nổ	Tổng Công ty KTKTCN Quốc Phòng	26/12/2019	31/12/2020	2.656.921.003
24	Mua điện	Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	30/05/2019	30/05/2024	3.047.281.920
25	Sửa chữa máy nghiền	Cửa hàng Mạnh Hùng Phát	03/07/2020	Tự thanh lý	132.500.000
26	Sửa chữa máy nghiền	Công ty CP Cơ khí Mekong Việt Nam	22/07/2020	Tự thanh lý	144.100.000
27	Sửa chữa máy nghiền	Cửa hàng Mạnh Hùng Phát	15/08/2020	Tự thanh lý	176.500.000
28	Sửa chữa máy nghiền	Công ty TNHH MTV Hồ Thắng	26/06/2020	Tự thanh lý	134.860.000
29	Mua xe đào SK480	Công ty TNHH MXD Vitrac	26/02/2020	Tự thanh lý	2.550.000.000
30	Mua đá xây dựng	Công ty CP DT&XD Bình Dương ACC	02/03/2020	Tự thanh lý	8.593.088.747
31	Mua cone 1600	Công ty TNHH MTV TMDV Trạch Kim	06/06/2020	Tự thanh lý	1.630.000.000
32	Mua motor kéo	Công ty TNHH MTV Điện Cơ Mạnh Khỏe	28/06/2020	Tự thanh lý	110.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

### 8.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 10 Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng/giảm	30/09/2020
1	Tổng giá trị tài sản	95.969	138.080	43,88	156.635
2	Vốn chủ sở hữu	77.942	81.807	4,96	90.793

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và năm 2019, BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)

(Đơn vị: triệu đồng)



TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm	9T/2020
1	Doanh thu thuần	76.587	77.407	1,07	64.408
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.214	17.868	10,20	15.089
3	Lợi nhuận khác	306	1.354	342,48	275
4	Lợi nhuận trước thuế	16.520	19.222	16,36	15.364
5	Lợi nhuận sau thuế	13.119	15.303	16,65	12.291
6	Cổ tức (%/vốn điều lệ)	15%	5%	(66,67)	≥5% (dự kiến)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và năm 2019, BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)

## 8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và 2020

### - Thuận lợi:

✓ Công ty được cấp giấy phép khai thác mở rộng và xuống sâu với trữ lượng và công suất lớn hơn.

✓ Công ty luôn chú trọng xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro xuyên suốt toàn bộ quá trình khai thác, sản xuất kinh doanh nhằm tối ưu hóa tất cả hoạt động, tiết kiệm chi phí hiệu quả. Giám sát chặt chẽ, tuân thủ đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động trong công tác khai thác, sản xuất.

### - Khó khăn:

✓ Công ty đang trong giai đoạn mở rộng khai thác dẫn đến chi phí khai thác cao.

✓ Các quy định về hoạt động khai thác khoáng sản, quản lý tài nguyên khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp và môi trường với nhiều quy định ngày càng chặt chẽ cũng ảnh hưởng phần nào đến định hướng và hiệu quả của công tác khai thác khoáng sản.

✓ Địa bàn khai thác thuộc khu vực xa xôi ảnh hưởng đến giá bán do phải bù trừ chi phí vận chuyển và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đơn vị cùng ngành nghề trong khu vực.

✓ Sự bùng nổ của đại dịch Covid-19 đi khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Việc nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình khai thác cũng gặp nhiều khó khăn do sự hạn chế về khía cạnh vận chuyển giữa các quốc gia để kiểm soát dịch bệnh. Đầu ra của Công ty cũng bị ảnh hưởng lớn khi dân cách xã hội theo chỉ thị của Chính phủ đn khiến nhiều công trình xây dựng phải dừng hoạt động tạm thời, nhu cầu về vật liệu xây dựng cũng giảm xuống. Sau cùng là giãn cách xã hội cũng hạn chế việc tập hợp cán bộ công nhân viên tiến hành hoạt động kinh doanh, từ đó làm gia tăng chi phí cho doanh nghiệp  
.....

## 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với truyền thống lâu năm hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh các loại đá chất lượng tốt nhất, phục vụ cho hoạt động xây dựng, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đã tạo dựng cho mình được thương hiệu và sự tin nhiệm của đối tác, bạn hàng trong nước. Trong những năm qua Công ty không ngừng lớn mạnh, Công ty cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP là nhà cung cấp đầu vào khoáng sản các loại cho các nhà máy lớn như CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC,...

Với dự án nâng cấp đầu tư mở rộng công suất mỏ đá Rạch Rạt, Công ty sẽ có cơ sở đầy mạnh hoạt động bán hàng, đa dạng hóa đối tượng khách hàng đồng thời kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh và thương hiệu Công ty trên thị trường vật liệu xây dựng trong khu vực.

### 9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế mới nổi, có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới, hoạt động xây dựng đầu tư cơ sở hạ tầng được chú trọng và có tiềm năng tăng trưởng cao trong thời gian tới. Việc tăng cao nhu cầu xây dựng sẽ gián tiếp thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng. Theo đó ngành khai khoáng, chế biến vật liệu xây dựng tại Việt Nam được đánh giá vẫn còn nhiều triển vọng lớn trong những năm tới.

### 9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay và trong thời gian tới gồm: Khai thác và mua bán khoáng sản, Dịch vụ vận tải hàng hóa, Dịch vụ san lấp mặt bằng, Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng, văn phòng, dịch vụ công nhân. Trong quá trình sản xuất và kinh doanh Công ty luôn chú trọng đến các yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Điều đó cho thấy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế trên thế giới.

Định hướng của Công ty trong những năm tiếp theo là:

- ✓ Giữ vững thị trường truyền thống và luôn phát triển thêm thị trường mới;
- ✓ Khai thác và mua bán khoáng sản là ngành kinh doanh chủ lực, trọng yếu, và là điều kiện để phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác;
- ✓ Đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ tốt nhất với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng;
- ✓ Nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động làm việc đảm bảo môi trường làm việc tốt và an tâm khi làm việc tại Công ty.

## 10. Chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động tính đến thời điểm 20/09/2020:

**Bảng 11 Cơ cấu lao động**

Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Trình độ lao động</b>		
- Cử nhân, KT sư	13	20,00
- Cao đẳng	1	1,54
- Khác	51	78,46
<b>Giới tính</b>		
Lao động nữ	7	10,77
Lao động nam	58	89,23
<b>Tổng cộng</b>	<b>65</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

- Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

- Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, ưu tiên sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

- Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn. Ngoài ra Công ty cũng thường xuyên tổ chức những chuyến tham quan cho đội ngũ lao động của mình để tìm hiểu các mô hình kỹ thuật ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng để họ làm quen và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động, tập huấn nổ mìn định kỳ mỗi năm. Công nhân trực tiếp khai thác, vận hành máy móc đã qua đào tạo, tập huấn tại chỗ. Cán bộ quản lý cũng chú trọng cử đi tập huấn đào tạo ngắn

ngày để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

- Chính sách lương thưởng

Công ty đã ban hành quy chế tiền lương thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của Công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương đăng ký với Phòng Lao động TBXH huyện có thỏa thuận với người lao động. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em họ; Tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ tết, sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội.

- Chính sách trợ cấp

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

**11. Chính sách cổ tức**

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, cổ tức sẽ được Công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi được Đại hội cổ đông thông qua. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

**Bảng 12 Tỷ lệ chi trả cổ tức các năm gần đây**

Năm	2018	2019	Dự kiến 2020
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	15%	5%	≥5%
Căn cứ pháp lý	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

## 12. Tình hình tài chính

### 12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 60.000.000.000 đồng. So với vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2019, vốn điều lệ của Công ty không tăng thêm. Biến động về vốn điều lệ của Công ty như sau:

**Bảng 13 Vốn điều lệ của Công ty**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
<b>I</b>	<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>60.000</b>	-
1	Tăng trong năm trước	-	-
2	Giảm trong năm trước	-	-
<b>II</b>	<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>60.000</b>	-
<b>III</b>	<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>60.000</b>	-
3	Tăng trong kỳ	-	-
4	Giảm trong kỳ	-	-
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>60.000</b>	-

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của BMJ)*

Tại ngày 31/12/2019 và 30/09/2020, vốn kinh doanh của Công ty gồm:

**Bảng 14 Vốn kinh doanh của Công ty**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Vốn kinh doanh	31/12/2019	30/09/2020
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Vốn chủ sở hữu. Trong đó:	81.807	90.793
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000	60.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
- Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.807	30.793

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)*



Tại ngày 31/12/2019 và 30/6/2020, nguồn vốn kinh doanh của Công ty đã được sử dụng đầu tư vào các hạng mục như sau:

**Bảng 15 Hạng mục các tài sản của Công ty**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Nguồn vốn	31/12/2019	30/09/2020
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.637	7.224
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	24.786	77.798
Hàng tồn kho	1.253	6.911
Tài sản ngắn hạn khác	585	489
Các khoản phải thu dài hạn	2.044	3.011
Tài sản cố định	47.847	47.717
Bất động sản đầu tư	8.584	8.584
Tài sản dở dang dài hạn	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Tài sản dài hạn khác	3.345	4.901

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)*

- Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 11 năm
Máy móc thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của BMJ)*

- Mức lương bình quân

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, vv... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

Công ty luôn bảo đảm trả lương đúng hạn, đầy đủ cho cán bộ công nhân viên. Mức lương bình quân trong năm 2019 là 11.170.153 đồng/người/tháng.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn, đến thời điểm.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước như sau:

**Bảng 16 Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	1.237	713
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	900	1.546
3	Thuế tài nguyên	1.849	1.872
4	Thuế thu nhập các nhân	3	49
5	Phí, lệ phí và các khoản khác	156	154
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.145</b>	<b>4.334</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)*

- Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Hiện nay, Công ty mới trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, chưa thực hiện trích lập một số quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu....

- Tổng dư nợ vay và nợ thuế tài chính

**Các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Tại thời điểm 31/12/2019 và 30/09/2020, Công ty không có số dư các khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn và dài hạn.

- Tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả)

**Bảng 17 Các khoản phải thu**

*(Đơn vị: triệu đồng)*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	30/09/2020
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>24.786</b>	<b>77.798</b>
1	Phải thu khách hàng	24.012	27.853
2	Trả trước cho người bán	302	46.357
4	Phải thu ngắn hạn khác	471	3.588
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>2.044</b>	<b>3.011</b>
1	Phải thu dài hạn khác	2.044	3.011
<b>Tổng cộng</b>		<b>26.829</b>	<b>80.809</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)*

**Bảng 18 Các khoản phải trả**

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chi tiêu	31/12/2019	30/09/2020
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>21.283</b>	<b>29.885</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
2	Phải trả người bán ngắn hạn	6.514	12.343
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	524	881
4	Thuế và các phải nộp Nhà Nước	4.145	4.333
5	Phải trả người lao động	706	779
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	6.142	5.768
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
8	Phải trả ngắn hạn khác	1.243	4.710
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.010	1.071
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>34.990</b>	<b>35.957</b>
1	Chi phí phải trả dài hạn	32.946	32.946
2	Dự phòng phải trả dài hạn	2.044	3.011
<b>Tổng cộng</b>		<b>56.273</b>	<b>65.842</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC tự lập quý III năm 2020 của BMJ)

**12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 19 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Các chỉ tiêu về khả năng ngắn hạn</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	4,99	3,58
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	4,81	3,52
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	18,78	40,75
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	23,13	68,70
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,49	25,08
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,84	0,66
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,13	19,77
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,99	19,15
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,39	13,08
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	21,17	23,08
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	2.187	2.550

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Phạm Xuân Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đỗ Mạnh Cường	Thành viên
Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên
Ngô Anh Quân	Thành viên
Nguyễn Bảo Long	Thành viên điều hành

13.1.1. Ông Phạm Xuân Phương – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: PHẠM XUÂN PHƯƠNG  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 30/06/1965  
 CMND số: 012093134 Ngày cấp: 10/10/2010  
 Nơi cấp: CA Tp Hà Nội  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ: 43C phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  
 Trình độ giáo dục phổ thông: 10/10

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 1984 đến 1990	Công ty xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Nhân viên
Năm 1990 đến 1998	Chi nhánh Công ty TM&XNK tỉnh Sông Bé (tại Lạng Sơn)	Giám đốc chi nhánh
Năm 1998 đến 2003	Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia	Cán bộ
Năm 2003 đến 2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Năm 2019 đến nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Chủ tịch HĐQT
		Chủ tịch HĐQT
		Chủ tịch HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	
	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 4.479.600 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 4.479.600 cổ phiếu, chiếm 74,66% vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### 13.1.2. Ông Đỗ Mạnh Cường – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: ĐỖ MẠNH CƯỜNG  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 28/11/1980  
 CMND số: 001080021227 Ngày cấp: 06/02/2018  
 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 95 ngõ 252 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2006	Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội	Cán bộ kế hoạch
2006 – 2009	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Cán bộ dự toán
2009 – 2014	Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng Nam Trường Phong	Trưởng phòng dự án
2014 – 2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Xây dựng Nguyễn Việt	Chủ tịch HĐQT
2019 – nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Xây dựng Nguyễn Việt	Chủ tịch HĐQT
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Xây dựng Nguyễn Việt; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: Không có

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**13.1.3. Ông Nguyễn Quốc Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC THANH  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 30/10/1964  
 Nơi sinh: Bình Dương  
 Số chứng minh nhân dân: 280879104 do CA tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/10/2013  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Ấp Xóm Bưng, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương  
 Trình độ giáo dục phổ thông: 12/12

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1989 – 1991	Công ty xuất nhập khẩu huyện Bến Cát, Bình Dương	Nhân viên
1992 – 2002	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Nhân viên
2003 – 2007	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Nhân viên
2008 – 2009	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Nhân viên
2010 – 7/2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Phó phòng TCHC, Trưởng phòng vật tư, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy sản xuất cao su dây thun
8/2019 – 2/2020	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương ACC	Phó Tổng giám đốc
3/2020 – nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Phó Tổng giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
28/6/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Phó TGD Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

#### 13.1.4. Ông Ngô Anh Quân – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: NGÔ ANH QUÂN  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 30/12/1985  
 Quê quán: Hà Nội  
 Số chứng minh nhân dân: 001085012679 Do Cục cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 23/05/2016  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ: 29A, ngõ 29 Võng Thị, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thông tin  
 Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2008 – 05/2016	Công ty Tư vấn đầu tư Phát triển và Xây Dựng Thiheco	Quản trị mạng
06/2016 -01/2017	Công ty cổ phần FINTEC	Quản lý công nghệ thông tin
02/2017 – nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà nội (HCI)	Quản lý tổ chức – nhân sự - công nghệ thông tin
28/6/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, Quản lý tổ chức, nhân sự, công nghệ thông tin Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI).

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tại ngày 20/09/2019), trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**13.1.5. Ông Nguyễn Bảo Long – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: NGUYỄN BẢO LONG  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 15/03/1996  
 Nơi sinh: Hà Nội

CMND số: 132321709 Ngày cấp 02/07/2019 Nơi cấp Phú Thọ  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ: Khu 3 (phi nông nghiệp), xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý kinh doanh  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2018 – 11/2018	Công ty xuất khẩu lao động Nhật Bản Hinode Việt Nam	Nhân viên
1/2019 – 5/2019	Viettel Post chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Hà Nội	Nhân viên
6/2019 – 8/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội	Kiểm soát nội bộ
8/2019 – 02/2020	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Nhân viên phòng QLTC
3/2020 – 08/7/2020	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Phó TGĐ
09/7/2020 – nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổng Giám đốc
3/2020 – 26/7/2020	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Tổng Giám đốc
27/7/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Phó TGĐ
28/6/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên HĐQT
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ tại Công ty: Tổng giám đốc - Thành viên Hội đồng quản trị

- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### 13.2. Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Bảo Long	Tổng Giám đốc
Phạm Thành Sơn	Phó Tổng Giám đốc

#### 13.2.1. Ông Nguyễn Bảo Long – tương tự mục 13.1.5

#### 13.2.2. Ông Phạm Thành Sơn – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: PHẠM THÀNH SƠN  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 12/03/1974  
 Quê quán: Biên Hòa, Đồng Nai  
 CMND số: 025843201 cấp ngày: 24/02/2014 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: 0313 Lô A, Chung Cư Bàu Cát 2, đường Hồng Lạc, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
 Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện công nghiệp  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995-2002	Nhà máy Cao su Bù Chí	Nhân viên
2002 – 06/2008	XI nghiệp khai khoáng thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp ( Becamex IDC)	Nhân viên

06/2008 đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Miền Đông AHP	Phó Tổng giám đốc
-----------------	--	-------------------

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng Giám Đốc
  - ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 1.100 cổ phiếu, trong đó:
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 1.100 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ
  - ✓ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### 13.3. Kế toán trưởng

Họ và tên: NGUYỄN THANH HỮU

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/11/1985

Quê quán: Bình Dương

CMND số: 280887117 cấp ngày: 22/11/2010 Nơi cấp: CA tỉnh Bình Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường Chánh Phú Hoà, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2007 – 06/2016	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng tổng hợp Bình Dương	Nhân viên kế toán
06/2016 – 06/2017	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thương mại Nam Hưng	Kế toán trưởng

07/2017 – 04/2018	Kinh doanh gia đình	
04/2018 – 01/2019	Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh Bình Dương	Nhân viên kế toán
02/2019 – 01/2020	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Bến Cát	Nhân viên đôn bù
02/2020 – 03/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh Doanh Bình Dương	Nhân viên kế toán
03/2020 – nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Kế toán trưởng
28/06/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Bình Dương ACC	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Kế toán trưởng
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

#### 13.4. Ban Kiểm soát

Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Lê Thị Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát
Phạm Huy Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát

**13.4.1. Ông Hoàng Văn Anh – Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên: HOÀNG VĂN ANH  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 28/02/1981  
 Quê quán: Quảng Ninh  
 Số chứng minh nhân dân: 101256180 Cấp ngày: 03/3/2012 Nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 2044, Tòa nhà CT12B, Khu đ2 thị Kim Văn - Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 đến 2006	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI18)	Kế toán viên
2006 đến 2015	Công ty Cổ phần du lịch ASEAN Hạ Long	Kế toán trưởng
2015 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Phó Tổng giám đốc
2019 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Trưởng Ban kiểm soát
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội; Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**13.4.2. Bà Lê Thị Tươi – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: LÊ THỊ TƯƠI

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 06/12/1991

Quê quán: Thái Bình

Số chứng minh nhân dân: 151839887 cấp ngày 28/03/2006 Nơi cấp: CA tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Xóm 9, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013-2015	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế	Trợ lý Kiểm toán
2015-2019	Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Chuyên viên tài chính
2019 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Phó phòng tài chính kế toán
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên Ban Kiểm soát
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Phó phòng tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và

Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu  
BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**13.4.3. Ông Phạm Huy Hậu – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: PHẠM HUY HẬU

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/12/1965

Quê quán: Hà Bắc

Số chứng minh nhân dân: 385716866 cấp ngày 29/05/2013 Nơi cấp: CA Bạc Liêu

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại liên lạc: 027433567200

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987-1990	Công ty thủy sản đông lạnh Năm Căn	Kế toán
1991-1996	Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải, Cà Mau	Kế toán
1997-2000	Cục quản lý vốn Minh Hải	Cán bộ chuyên quản
2000-2001	Công ty cổ phần XNK Thủy sản Tắc Vân, Cà Mau	Kế toán
2002-2005	Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng và Kinh doanh nhà Nam Việt, TP Hồ Chí Minh	Phó Tổng giám đốc tài chính
2005-2007	Công ty TNHH Bao Bi Việt – thuộc Daso Group	Kế toán trưởng
2008-09/2009	Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và kỹ thuật xây dựng MEL, TP Hồ Chí Minh	Kế toán trưởng
09/2009 đến nay	Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Kế toán trưởng
14/05/2019 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Phó Tổng giám đốc tài chính



28/06/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên Ban Kiểm soát
--------------------	--	--------------------------

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương; Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC sở hữu 4.479.600 cổ phiếu BMJ.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

#### 14. Tài sản

Tại thời điểm 31/12/2019, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết như sau:

**Bảng 20 Tình hình tài sản Công ty thời điểm 31/12/2019**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>52.911</b>	<b>47.948</b>	<b>4.963</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	5.068	4.328	740
2	Máy móc thiết bị	33.857	31.558	2.299
3	Phương tiện vận tải	13.804	11.970	1.834
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	182	92	90
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>44.113</b>	<b>1.228</b>	<b>42.885</b>
1	Quyền khai thác khoáng sản	43.928	1.118	42.810
2	Chi phí khai sát, thiết kế, thăm dò	-	-	-
3	Chương trình phần mềm	185	110	75
<b>Cộng</b>		<b>97.024</b>	<b>49.176</b>	<b>47.848</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của BMJ)*

Tại thời điểm 30/09/2020, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết như sau:  
**Bảng 21 Tình hình tài sản Công ty thời điểm 30/09/2020**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>45.206</b>	<b>39.076</b>	<b>6.130</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	4.915	4.388	527
2	Máy móc thiết bị	27.362	23.428	3.933
3	Phương tiện vận tải	12.747	11.138	1.609
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	182	122	60
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>44.113</b>	<b>2.526</b>	<b>41.587</b>
1	Quyền khai thác khoáng sản	43.928	2.399	41.529
2	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò	-	-	-
3	Chương trình phần mềm	185	127	58
<b>Cộng</b>		<b>89.319</b>		

(Nguồn: BCTC tự lập Quý III/2020 của BMJ)

#### 15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2020

##### 15.1. Kế hoạch kinh doanh

**Bảng 22 Kế hoạch kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020/ thực hiện 2019
Tổng doanh thu	Đồng	81.626.729.045	79.234.174.000	97,07%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	19.222.349.886	20.039.008.381	104,25%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	15.302.559.920	16.031.206.705	104,8%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng doanh thu	%	18,75%	20,23%	+1,48%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,71	19,60	+0,89
Tỷ lệ cổ tức	%	5%	≥5%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)

Giả định: Tổng vốn chủ sở hữu năm 2020 của Công ty đạt bằng mức năm 2019 là

81.806.962.548 đồng.

**15.2. Căn cứ thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

- **Căn cứ thực hiện kế hoạch Lợi nhuận, cổ tức năm 2020**

- ✓ Dựa trên cơ sở các hợp đồng nguyên tắc (đầu vào – đầu ra) Công ty đã ký với khách hàng;
- ✓ Trên cơ sở giá trị giao dịch và tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm;
- ✓ Căn cứ vào lộ trình sản xuất kinh doanh đưa ra năm 2019;
- ✓ Các dự án đầu tư xây dựng của Công ty bắt đầu thu tiền trong năm 2020.

- **Các giải pháp:**

- ✓ Đẩy mạnh hoạt động bán hàng, đa dạng hóa đối tượng khách hàng đồng thời đảm bảo chặt chẽ chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh và thương hiệu của Công ty trên thị trường vật liệu xây dựng trong khu vực;
- ✓ Nâng cao năng lực quản trị Công ty, không ngại đổi mới sáng tạo, nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại kết quả tối ưu;
- ✓ Tiếp tục xây dựng và triển khai công tác đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị nhằm đáp ứng mức công suất khai thác 800.000m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm mới được cấp phép;
- ✓ Chủ động nắm bắt cơ hội cũng như đối mặt với những thách thức trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay để đưa ra những chỉ đạo kịp thời, linh hoạt, ngăn ngừa rủi ro về mức tối thiểu;
- ✓ Tăng cường khả năng giám sát, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho và công nợ phải thu của Công ty, kiểm soát và giảm thiểu chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Công ty đã có những chiến lược, định hướng phù hợp với tình hình hiện tại trong năm 2020. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây

của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

**17. Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức**

Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung tương ứng với số cổ phiếu tăng thêm theo đúng quy định. Thời gian dự kiến lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung trong vòng (30) ngày kể từ ngày kết thúc chào bán.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có.

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán**

Không có.

**V CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG**

**1. Loại cổ phiếu**

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá**

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán**

Tổng số cổ phiếu chào bán: **24.000.000** (Hai mươi bốn triệu) cổ phiếu.

Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện quyền là 1: 4 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 04 cổ phiếu phát hành thêm).

**4. Giá chào bán dự kiến**

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

**5. Phương pháp tính giá**

**a) Phương pháp giá trị sổ sách**

Đến thời điểm 31/12/2019, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} = 13.634 \text{ đồng/cp}$$

**b) Phương pháp so sánh**

- Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp được sử dụng để tính toán giá trị cổ phiếu BMJ:

STT	Tên doanh nghiệp so sánh	Sàn giao dịch	P/E	P/B
1	CTCP Khoáng sản Á Châu (AMC)	Upcom	6,24	1,04
2	CTCP Kỹ Nghệ Khoáng sản Quảng Nam (MIC)	Upcom	6,46	0,47
3	CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)	HNX	4,60	0,46
Bình quân			5,77	0,66

- Giá trị cổ phiếu BMJ theo phương pháp so sánh:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
<b>Phương pháp so sánh P/E (1)</b>	<b>Đồng</b>	<b>14.707</b>
<i>Bình quân P/E</i>	Lần	5,77
<i>EPS của Công ty tại ngày 31/12/2019</i>	Đồng	2.550
<b>Phương pháp so sánh P/B (2)</b>	<b>Đồng</b>	<b>8.953</b>
<i>Bình quân P/B</i>	Lần	0,66
<i>Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại ngày 31/12/2019</i>		13.634

c) Kết luận:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
Phương pháp giá trị sổ sách	Đồng	13.634
Phương pháp so sánh P/E	Đồng	14.707
Phương pháp so sánh P/B	Đồng	8.953
<b>Bình quân</b>	<b>Đồng</b>	<b>12.431</b>

Theo tính toán như trên, giá trị cổ phiếu BMJ là 12.431 đồng/cổ phiếu. Căn cứ vào tình hình thực tế và mức độ hấp dẫn của cổ phiếu Công ty, Hội đồng quản trị Công ty quyết định giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

## 6. Phương thức phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được quyền mua 04 cổ phần phát hành thêm. Cổ đông có 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm. Đợt phát hành cổ phiếu không làm phát sinh cổ phiếu lẻ.

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Công ty phối hợp Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.

- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ phiếu được thực hiện quyền tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

## 7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.

**Bảng 23 Lịch trình phân phối cổ phiếu**

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy phép phát hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 7
3	Gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 8 – T + 10
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu	T + 14 – T + 17
5	Cổ đông nhận thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu	T + 20 – T + 22
6	Cổ đông đăng ký, nộp tiền mua cổ phần	T + 21 – T + 42
7	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 21 – T + 37
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 50 – T + 52
9	HĐQT phân phối số cổ phần không bán hết (dự kiến khoảng 02 tuần)	T + 53 – T + 70
10	Báo cáo kết quả phát hành	T + 71 – T + 73
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung	T + 75 – T + 90
12	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	T + 91 – T + 100

*(T- Ngày làm việc dự kiến và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được Giấy chấp thuận chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN)*

## 8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thực hiện nhận đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định hiện hành, tối thiểu trong vòng 20 ngày kể từ ngày ra thông báo chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỉ lệ đã công bố (1:4) hoặc/ và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/ và số cổ phiếu lẻ không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.
- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu): Không quy định

- Phương thức thanh toán:
  - ✓ Với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản.
  - ✓ Với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong toả quy định tại mục V.13 của Bản cáo bạch này.
- Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN sẽ được đăng ký giao dịch Upcom bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại VSD.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có) được phân phối) và có đầy đủ các quyền của cổ phiếu phổ thông được quy định trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

#### 9. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền:
  - ✓ Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được quyền mua 04 cổ phần phát hành thêm.
  - ✓ Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần được phép chuyển nhượng quyền mua của mình 01 lần duy nhất cho một hoặc nhiều người khác. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho bên thứ ba.
- Thời gian thực hiện quyền:
  - ✓ Thời gian thực hiện được nêu tại lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến tại mục V.7. Công ty sẽ công bố chính thức thời gian chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời hạn đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua, phương thức thanh toán sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền: trong trường hợp này các vấn đề phát sinh liên quan sẽ được HĐQT giải quyết.
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần:
  - ✓ Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
  - ✓ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.
  - ✓ Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

#### 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông BMJ được chuyển nhượng 01 (một) lần. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu BMJ chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày hoàn tất việc phân phối.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết theo hướng phân phối cho các nhà đầu tư và/hoặc cổ đông quan tâm. Số cổ

phiếu chào bán này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

**11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài được tuân theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, trong đó quy định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng được quy định như sau:

- Theo tỷ lệ sở hữu nước ngoài quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Theo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều lệ quốc tế có quy định khác.

Theo quy định của Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là tỷ lệ sở hữu thấp nhất quy định cho ngành nghề đăng ký kinh doanh có quy định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Theo thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia về ngành nghề kinh doanh của Công ty và danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (<https://daotunuocngoai.gov.vn>) và một số văn bản pháp luật liên quan khác, Công ty xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài bị hạn chế tại Công ty cụ thể như sau:

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản	4663	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định



STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu mức ngoài)
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	49%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	4669	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu	7490	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs)	Không quy định	Không quy định
9	Shông quy định(As)môn, khoa học và công nghệ Chi ti quy định(As)môn, khoa học và công nghệ	3290	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321	Không quy định	AFAS, FTAs (Không quy định) 100% (WTO)	Không quy định	Không quy định
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
12	Khai thác đá, cát, sỏi,	0810	Không quy	51% (WTO)	Không quy	Không quy

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
	đất sét (Chính) Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát).		định	100% (FTAs)	định	định
13	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511	100%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
14	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs)	Không quy định	Không quy định
15	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi ti, môi giới, đá nhà, ký g, môi giới, đấu giá và xe có động cơ khác(cát).un được phân	4610	0%	WTO (Chưa cho phép)	Không quy định	Không quy định
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
17	Sửa chữa máy móc (trừ xử lý, tráng phủ, xỉ mạ kim loại)	3312	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
18	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs)	Không quy định	Không quy định
19	Phá dỡ	4311	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
20	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
21	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý, tráng phủ, xỉ mạ kim loại)	2592	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định



STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
22	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: san lấp mặt bằng	4312	Không quy định	100% (WTO)	Không quy định	Không quy định
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa.	4933	51%	49% (WTO, FTAs) 70% (AFAS)	Không quy định	Không quy định
24	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	2396	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	Không quy định	100% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	Không quy định	100% (WTO, FTAs, AFAS, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	Không quy định	100% (WTO, FTAs, 51% (AFAS))	Không quy định	Không quy định
28	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản)	6820	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
29	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	Không quy định	100% (WTO) Không quy định (AFAS, FTAs)	Không quy định	Không quy định
30	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
31	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224	50%	Không quy định (WTO, FTAs) AFAS (container: 50%; đường sắt: 70%)	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
				đường biển: 49%)		
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	Không quy định	100% (WTO, FTAs) Không quy định (AFAS, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
33	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011	Không quy định	49% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định
34	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	Không quy định	100% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định
35	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	Không quy định	49% đối với nhà đầu tư nước ngoài không thuộc ASEAN; 51% đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc ASEAN	Không quy định	Không quy định
36	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	49%	49% đối với nhà đầu tư nước ngoài không thuộc ASEAN 51% đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc ASEAN	Không quy định	Không quy định
37	Bán lẻ đồ ngũ kim sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
38	Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng	2824	Không quy định	51% (WTO) 100% (FTAs) Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
				(AFAS, VKFTA)		
39	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
40	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất các sản phẩm từ nhựa đường và nguyên liệu	2399	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
41	Xây dựng công trình đường sắt	4211	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
42	Xây dựng công trình đường bộ	4212	Không quy định	100% (WTO) AFAS, FTAs (Không quy định)	Không quy định	Không quy định
43	Xây dựng nhà để ở	4101	Không quy định	100% (WTO) AFAS, FTAs (Không quy định)	Không quy định	Không quy định
44	Xây dựng nhà không để ở	4102	Không quy định	100% (WTO) AFAS, FTAs (Không quy định)	Không quy định	Không quy định
45	Xây dựng công trình điện	4221	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
46	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	Không quy định	100% (WTO)	Không quy định	Không quy định
47	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
48	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
49	Xây dựng công trình công ích khác	4229	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
50	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	Không quy định	100% (WTO)	Không quy định	Không quy định
51	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân.	6810	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
52	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

Hiện Công ty không tổ chức hoạt động kinh doanh cũng như không có doanh thu từ việc kinh doanh các mã ngành 4659, 4610, 4662, 4669, 2392, 2395.

Công ty xin cam kết các nội dung sau:

- Công ty tiếp tục rà soát các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt

động kinh doanh đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Để đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện phân phối các sản phẩm máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và phần cứng, điện tử, lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xi gà, kim loại quý và đá quý, Công ty sẽ tiến hành đăng ký bổ sung những nội dung chi tiết cho các mã ngành 4659, 4610, 4662, 4669, 2392, 2395 đảm bảo không bao gồm việc phân phối các sản phẩm trên hoặc rút các mã ngành này theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 22/05/2020, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 8.100 cổ phần tương đương 0,14% vốn điều lệ Công ty. Trong đợt phát hành này, Công ty cam kết chỉ phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ sở hữu hiện tại và không làm tăng tỷ lệ sở hữu, Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài khi hoàn thành đợt chào bán đáp ứng đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## 12. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Và một số luật thuế khác.

## 13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên người thụ hưởng: Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.
- Số tài khoản: 1017270738
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Bình Dương

**14. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu**

Số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 80% tương đương 192.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai tỷ đồng).

**15. Vấn đề liên quan khác**

Liên quan đến việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty, Công ty xin được cam kết một số vấn đề liên quan đến việc phân phối cổ phần không chào bán hết cho một số nhà đầu tư xác định, cụ thể như sau:

- Tuân thủ quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp 2014: “Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”. Theo đó, BMJ cam kết nhà đầu tư được BMJ phân phối số cổ phần không chào bán hết của đợt chào bán lần này không phải là công ty có cùng một công ty mẹ với BMJ đồng thời việc mua cổ phiếu BMJ của nhà đầu tư không dẫn đến việc sở hữu chéo lẫn nhau giữa nhà đầu tư và BMJ;
- Số cổ phần bán tiếp cho đối tượng nhà đầu tư khác và/hoặc cổ đông sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015;
- Đảm bảo quy định tại Điều 4 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 về điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

**VI MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

**1. Mục đích chào bán**

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư cho dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo Giấy phép khai thác khoáng sản (Đá xây dựng) số 61/GP-UBND ngày 21/06/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.

**2. Phương án khả thi**

*a) Căn cứ pháp lý*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE300239 ngày 14/09/2011. Mục đích sử dụng đất: Đất cho hoạt động khoáng sản;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE300238 ngày 14/09/2011. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Giấy phép khai thác khoáng sản (Đá xây dựng) số 61/GP-UBND ngày 21/06/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Lưu ý: Hiện nay Công ty đang thực hiện bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

+ Thời hạn của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 350, 351 tờ bản đồ số 71 tại xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương):





✓ Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ký kết hợp đồng cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE300238, số BE300239 ký ngày 14/09/2011, gia hạn thời hạn thuê đất đến ngày 01/07/2019 theo Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 22/07/2014 của UBND tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm hiện tại Thời hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn và Công ty đang thực hiện thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Tiến độ hoàn thiện thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

✓ Ngày 22/05/2019, Công ty đã thực hiện việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần 2 ngày 22/05/2019.

✓ Ngay sau khi được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 21/06/2019, Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai (đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP) trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE300238, số BE300239 đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Ngay sau khi được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương trả kết quả thực hiện bản vẽ trích lục địa chính khu đất, ngày 01/07/2020, Công ty đã nộp hồ sơ xin gia hạn thời hạn thuê đất đối với 02 thửa đất trên đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

✓ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương có Công văn số 2786/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/06/2020 gửi tới Tổng cục Quản lý đất đai xin ý kiến hướng dẫn về việc gia hạn thời hạn thuê đất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

✓ Ngày 28/08/2020, Tổng cục Quản lý đất đai đã có Công văn số 1845/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn đăng ký biến động đất đai và cho thuê đất để sử dụng vào mục đích hoạt động khoáng sản của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

✓ Ngày 11/09/2020, Công ty đã nộp bộ hồ sơ đăng ký gia hạn thời hạn sử dụng đất đối với 02 thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE300238, số BE300239 tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Theo Giấy tiếp nhận hồ sơ số 200119002771/TNHS ngày 11/09/2020 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ là ngày 18/12/2020.

Công ty đã nộp đủ tiền thuê đất kỳ I của năm 2020, tiền thuê đất kỳ II của năm 2020 sẽ đến hạn vào ngày 31/10/2020 theo Thông báo số 11/TB-CCT ngày 01/04/2020 của Chi cục thuế KV Tân Uyên về việc nộp tiền thuê đất.

Như vậy, hiện tại Công ty đang đợi Cơ quan Nhà nước cấp gia hạn sử dụng đất và sẽ được cập nhật biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

Đồng thời, Công ty cam kết thực hiện việc đăng ký biến động đất đai và gia hạn thời hạn sử dụng đất theo đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

**b) Phương án khả thi**

- Tên dự án: Dự án mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Tổ chức lập dự án: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Mục tiêu: Mở rộng diện tích mỏ đá, khai thác xuống sâu -20m
- Địa điểm: mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo
- Diện tích sử dụng đất: 37,3ha
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2020
- Thời gian hoạt động của dự án: 16 năm
- Quy mô, công suất: 800.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm
- Sản phẩm của dự án: Các loại đá sử dụng làm vật liệu xây dựng, bao gồm:
  - ✓ Đá 1x2: sản lượng dự kiến khoảng 378.880 m<sup>3</sup>/năm
  - ✓ Đá 0x4: sản lượng dự kiến khoảng 449.920 m<sup>3</sup>/năm
  - ✓ Đá 4x6: sản lượng dự kiến khoảng 59.200 m<sup>3</sup>/năm
  - ✓ Đá hộc: sản lượng dự kiến khoảng 59.200 m<sup>3</sup>/năm
  - ✓ Đá mi: sản lượng dự kiến khoảng 236.800 m<sup>3</sup>/năm
- Một số chỉ tiêu hiệu quả của dự án:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	NPV	704.321.968.580
2	IRR	21,99%
3	MIRR	17,34%
4	Thời gian hoàn vốn	3 năm 10 tháng
5	ARR (Tỉ lệ dòng thu bình quân hàng năm so với tổng dòng chi)	11,93%
6	PP <sub>Nt</sub> (Kỳ hoàn vốn tính trên lợi nhuận bình quân)	3,22
7	ROI (Lợi nhuận sau thuế/tổng vốn đầu tư)	51,00%

**VII KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

**1. Kế hoạch sử dụng vốn**

Theo Nghị quyết HĐQT số 15/2020/NQ-HĐQT ngày 28/10/2020 và Nghị quyết HĐQT số 16/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt tăng vốn là 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư cho Dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Chi phí thực hiện dự án cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
1	Chi phí xây dựng	14.928.000.000	1.342.800.000	16.270.800.000
2	Chi phí thiết bị	184.520.000.000	18.452.000.000	202.972.000.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí liên quan đến thẩm định thiết kế	8.362.640.063	776.203.406	9.138.843.469
4	Chi phí vốn lưu động ban đầu cho sản xuất – chi phí tiền lương	11.618.356.531		11.618.356.531
<b>Tổng</b>		<b>219.428.996.594</b>	<b>20.571.003.406</b>	<b>240.000.000.000</b>

Trong đó:

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản:

STT	Hạng mục	DVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/DVT)	Tổng giá trị (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Khu vực công trình mỏ đá đầu tư	HT	1	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000
2	Di dời mặt bằng sản công nghiệp năm thứ 1	m <sup>2</sup>	1280	1.000.000	1.280.000.000	128.000.000	1.408.000.000
3	Trạm cân 60 tấn	trạm	1	150.000.000	150.000.000	15.000.000	165.000.000
4	Trạm biến áp 3000kVA	trạm	1	450.000.000	450.000.000	45.000.000	495.000.000
5	Trạm biến áp 2000kVA	trạm	1	350.000.000	350.000.000	35.000.000	385.000.000
6	Trạm biến áp 250kVA	trạm	1	200.000.000	200.000.000	20.000.000	220.000.000
7	Hệ thống cung cấp điện	HT	1	60.000.000	60.000.000	6.000.000	66.000.000
8	Hệ thống cung cấp nước sạch	HT	1	60.000.000	60.000.000	6.000.000	66.000.000
9	Đắp đường dẫn mặt bằng khu cấp liệu	m <sup>2</sup>	3.600	30.000	108.000.000	10.800.000	118.800.000
10	Đắp mặt bằng khu cấp liệu	m <sup>2</sup>	21.000	15.000	315.000.000	31.500.000	346.500.000
11	Xây kè bảo vệ	m <sup>2</sup>	40.000	15.000	600.000.000	60.000.000	660.000.000
12	Đê bao	m <sup>2</sup>	33.500	30.000	1.005.000.000	100.500.000	1.105.500.000
13	Hồ thụ nước	m <sup>2</sup>	120.000	10.000	1.200.000.000	120.000.000	1.320.000.000
14	Xây dựng hệ thống công trình bảo vệ và phục hồi môi trường	HT	1	250.000.000	250.000.000	25.000.000	275.000.000
15	Chi phí xây dựng bờ kè, móng máy 2 dây chuyển nghiền đá 600t/h + dự phòng	HT	1	7.400.000.000	7.400.000.000	740.000.000	8.140.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>14.928.000.000</b>	<b>1.342.800.000</b>	<b>16.270.800.000</b>

Chi phí máy móc thiết bị:

STT	Thiết bị	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng/DVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế VAT (đồng)
1	Máy khoan Hitachi OSP 75 Dali + giàn khoan + ống	cái	8	300.000.000	2.400.000.000	240.000.000	2.640.000.000
2	Búa khoan tay	cái	8	20.000.000	160.000.000	16.000.000	176.000.000
3	Máy xúc bánh lốp	cái	6	2.000.000.000	12.000.000.000	1.200.000.000	13.200.000.000
4	Búa đập	cái	2	4.500.000.000	9.000.000.000	900.000.000	9.900.000.000

STT	Thiết bị	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng/ DVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế VAT (đồng)
5	Xe cẩu đá nguyên liệu	cái	4	4.000.000.000	16.000.000.000	1.600.000.000	17.600.000.000
6	Máy ủi	cái	1	1.100.000.000	1.100.000.000	110.000.000	1.210.000.000
7	Ô tô vận tải	cái	15	2.000.000.000	30.000.000.000	3.000.000.000	33.000.000.000
8	Trạm biến áp 3000kVA	trạm	1	2.500.000.000	2.500.000.000	250.000.000	2.750.000.000
9	Trạm biến áp 2000kVA	trạm	1	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
10	Trạm biến áp 250kVA	trạm	1	500.000.000	500.000.000	50.000.000	550.000.000
11	Trạm nghiền sàng 600 tấn/h	trạm	2	52.000.000.000	104.000.000.000	10.400.000.000	114.400.000.000
12	Máy bơm nước 250 m <sup>3</sup> /h	cái	2	120.000.000	240.000.000	24.000.000	264.000.000
13	Trạm cấn	trạm	1	500.000.000	500.000.000	50.000.000	550.000.000
14	Xe bồn tưới nước	cái	1	600.000.000	600.000.000	60.000.000	660.000.000
15	Xe cẩu 25t	chiếc	1	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000.000	2.200.000.000
16	Xe ô tô thùng 4 tấn	cái	1	800.000.000	800.000.000	80.000.000	880.000.000
17	Hệ thống cung cấp điện	HT	1	90.000.000	90.000.000	9.000.000	99.000.000
18	Hệ thống cung cấp nước sạch	HT	1	80.000.000	80.000.000	8.000.000	88.000.000
19	Bộ dụng cụ sửa chữa + thiết bị khác	Bộ	1	400.000.000	400.000.000	40.000.000	440.000.000
20	Các thiết bị khác	bộ	1	150.000.000	150.000.000	15.000.000	165.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>184.520.000.000</b>	<b>18.452.000.000</b>	<b>202.972.000.000</b>

↳ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí liên quan đến thẩm định thiết kế cụ thể như sau:

STT	Mục chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Chi phí quản lý dự án	0		0
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.549.968.800	654.996.880	7.204.965.680
2.1	Chi phí tư vấn thăm dò, lập các thủ tục xin Giấy phép khai thác khoáng sản	3.600.000.000	360.000.000	3.960.000.000
2.2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	414.998.400	41.499.840	456.498.240
2.3	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án	339.061.600	33.906.160	372.967.760
2.4	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	432.912.000	43.291.200	476.203.200
2.5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	417.984.000	41.798.400	459.782.400
2.6	Chi phí hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	821.040.000	82.104.000	903.144.000
2.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	523.972.800	52.397.280	576.370.080
3	Lệ phí thẩm định theo Thông tư 209/2016/TT-BTC	110.605.994	5.000.000	115.605.994
3.1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	41.199.594		41.199.594
3.2	Lệ phí thẩm định thiết kế KT	10.449.600		10.449.600
3.3	Lệ phí thẩm định dự toán	8.956.800		8.956.800
3.4	Chi phí thẩm định KQ chọn thầu	50.000.000	5.000.000	55.000.000
4	Chi phí kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư theo TT 09/2016/TT-BTC	1.162.065.269	116.206.527	1.278.271.796
4.1	Chi phí kiểm toán	741.480.125	74.148.013	815.628.138
4.2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	420.585.143	42.058.514	462.643.658
5	Chi phí khác	540.000.000	0	540.000.000
5.1	Chi phí cấp giấy phép khai thác điều chỉnh	40.000.000		40.000.000
5.2	Chi phí hành chính khác	500.000.000		500.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.362.640.063</b>	<b>776.203.407</b>	<b>9.138.843.469</b>

Thời gian sử dụng tiền dự kiến: năm 2021.

Dự án mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt được đưa vào hoạt động sẽ đem lại dòng doanh thu ổn định cho Công ty, đồng thời tạo ra công ăn việc làm cho hơn 200 lao động trên địa bàn, đồng thời đóng góp ngân sách nhà nước trung bình hàng năm khoảng 92 tỷ đồng, mang lại hiệu quả kinh tế lớn cho cả xã hội và doanh nghiệp.

Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

## **2. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn**

Nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự hấp dẫn của cổ phiếu, biến động của thị trường chứng khoán, biến động của nền kinh tế... Do vậy trong trường hợp không huy động được đủ số tiền dự kiến phát hành theo phương án phát hành cổ phiếu nêu trên, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và huy động vốn vay từ các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án.

## **VIII CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN**

### **1. Tổ chức tư vấn**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

### **2. Tổ chức kiểm toán**

**Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam**

Địa chỉ: Phòng 709, Sunrise Building, Số 90 Đường Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3200 2016 Fax: +84 (24) 3200 2016

### **3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 24.000.000 cổ phiếu (tương đương 400% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của BMJ). Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ

phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là 13.634 đồng/cổ phiếu và giá đóng cửa ngày 05/08/2020 là 23.000 đồng/cổ phiếu. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) năm 2018 là 2.187 đồng/cổ phiếu, năm 2019 là 2.550 đồng/cổ phiếu cùng với mức chi trả cổ tức trong năm 2018 đạt 15% và 2019 đạt 5%.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu BMJ và khả năng Công ty chào bán thành công cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **4. Đại lý phát hành cho cổ đông hiện hữu**

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu BMJ cho các cổ đông Công ty thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

### **IX PHỤ LỤC**

1. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
2. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;
- 2.1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 và năm 2019;
- 2.2. Báo cáo tài chính tự lập Quý III năm 2020;
3. Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 28/06/2020 thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành;
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số: 11/2020/NQ-HĐQT ngày 07/10/2020;
5. Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 15/2020/NQ-HĐQT ngày 28/10/2020;
6. Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 16/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020;
7. Các tài liệu liên quan khác.

Bình Dương, ngày 11... tháng 12, năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BẢO LONG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HOÀNG VĂN ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THANH HỮU

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



TRẦN THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
MIỀN ĐÔNG AHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
Số 11/2020/NQ-HĐQT  
**SÁO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày... 11... tháng... 12... năm... 2020..

Bình Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

*Nguyễn Bảo Long*  
Chủ tịch

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP;
- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐHĐCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 CTCP Khoáng sản Miền đông AHP ngày 28 tháng 06 năm 2020;
- Biên bản họp số 11/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị CTCP Khoáng sản Miền Đông AHP ngày 07/10/2020.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐHĐCD ngày 28 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ



phần Khoáng sản Miền Đông AHP. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Tờ trình số 07/2020/TT-DHĐCD ngày 28/06/2020 về chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, trong đó Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định pháp luật.

- Quyết định và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết nguồn vốn thu được từ việc phát hành căn cứ theo nhu cầu thực tế, chiến lược phát triển của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu vốn của Công ty trong thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

#### 1. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 24.000.000 cổ phiếu (Hai mươi bốn triệu cổ phiếu)
- Giá chào bán cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương pháp tính giá:

##### a) Phương pháp giá trị sổ sách

Đến thời điểm 31/12/2019, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} = 13.634 \text{ đồng/cp}$$

##### b) Phương pháp so sánh

- Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp được sử dụng để tính toán giá trị cổ phiếu BMJ:

STT	Tên doanh nghiệp so sánh	Sân giao dịch	P/E	P/B
1	CTCP Khoáng sản Á Châu (AMC)	Upcom	6,24	1,04
2	CTCP Kỹ Nghệ Khoáng sản Quảng Nam (MIC)	Upcom	6,46	0,47
3	CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)	HNX	4,60	0,46
<b>Bình quân</b>			<b>5,77</b>	<b>0,66</b>

- Giá trị cổ phiếu BMJ theo phương pháp so sánh:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
<b>Phương pháp so sánh P/E (1)</b>	<b>Đồng</b>	<b>14.707</b>
<i>Bình quân P/E</i>	Lần	5,77
<i>EPS của Công ty tại ngày 31/12/2019</i>	Đồng	2.550
<b>Phương pháp so sánh P/B (2)</b>	<b>Đồng</b>	<b>8.953</b>
<i>Bình quân P/B</i>	Lần	0,66

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại ngày 31/12/2019	Đồng	13.634
--	------	--------

c) Kết luận

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
Phương pháp giá trị sổ sách	Đồng	13.634
Phương pháp so sánh P/E	Đồng	14.707
Phương pháp so sánh P/B	Đồng	8.953
<b>Bình quân</b>	<b>Đồng</b>	<b>12.431</b>

Theo tính toán như trên, giá trị cổ phiếu BMJ là 12.431 đồng/cổ phiếu. Căn cứ vào tình hình thực tế và mức độ hấp dẫn của cổ phiếu Công ty, Hội đồng quản trị Công ty quyết định giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Phương thức phân phối: Cổ phiếu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được quyền mua 04 cổ phần phát hành thêm. Cổ đông có 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm. Dợt phát hành cổ phiếu không làm phát sinh cổ phiếu lẻ.

• Đối với cổ đông đã lưu ký: Công ty phối hợp Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.

• Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ phiếu được thực hiện quyền tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

- Số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 80% tương đương 192.000.000.000 (Một trăm chín mươi hai) tỷ đồng.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không quy định.

- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định.

- Thời gian dự kiến chào bán: sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng).

- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến thu được: 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng).

- Tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 400%.

- Mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành: Dợt chào bán cổ phiếu có thể làm (1) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán cổ phiếu thấp hơn giá đóng cửa của cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS có thể bị giảm (bị pha loãng).

- Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến: Quý IV năm 2020.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết:

+ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Công ty phát hành có phiếu tỷ lệ 1:4 do đó không phát sinh cổ phiếu lẻ.

+ Phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- Trong thời hạn kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu chào bán, Hội đồng quản trị tùy vào tình hình thực tế thực hiện một trong các giải pháp như sau:

(1) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại cho các nhà đầu tư và/hoặc cho các cổ đông có nhu cầu theo mức giá và điều kiện phù hợp, nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp kết thúc thời gian gia hạn chào bán mà số cổ phần vẫn không được chào bán hết thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần được chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

(2) Số cổ phần không chào bán hết coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

- Quyền mua cổ phiếu chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người khác. Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Các điều khoản có liên quan

✓ Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.

✓ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.

✓ Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư cho dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

a) Căn cứ pháp lý

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE300239 ngày 14/09/2011. Mục đích sử dụng đất: Đất cho hoạt động khoáng sản;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE300238 ngày 14/09/2011. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Giấy phép khai thác khoáng sản (Đá xây dựng) số 61/GP-UBND ngày 21/06/2019 của

UBND tỉnh Bình Dương.

b) *Phương án khai thác*

- Tên dự án: Dự án mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
- Tổ chức lập dự án: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
- Mục tiêu: Mở rộng diện tích mỏ đá, khai thác xuống sâu -20m.
- Địa điểm: mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo.
- Diện tích sử dụng đất: 37,3ha.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2020.
- Thời gian hoạt động của dự án: 16 năm.
- Quy mô, công suất: 800.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.
- Sản phẩm của dự án: Các loại đá sử dụng làm vật liệu xây dựng, bao gồm:
  - ✓ Đá 1x2: sản lượng dự kiến khoảng 378.880 m<sup>3</sup>/năm.
  - ✓ Đá 0x4: sản lượng dự kiến khoảng 449.920 m<sup>3</sup>/năm.
  - ✓ Đá 4x6: sản lượng dự kiến khoảng 59.200 m<sup>3</sup>/năm.
  - ✓ Đá hộc: sản lượng dự kiến khoảng 59.200 m<sup>3</sup>/năm.
  - ✓ Đá mi: sản lượng dự kiến khoảng 236.800 m<sup>3</sup>/năm.
- Một số chỉ tiêu hiệu quả của dự án:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	NPV	704.321.968.580
2	IRR	21,99%
3	MIRR	17,34%
4	Thời gian hoàn vốn	3 năm 10 tháng
5	ARR (Tỉ lệ đồng thu bình quân hàng năm so với tổng đồng chi)	11,93%
6	PP <sub>NI</sub> (Kỳ hoàn vốn tính trên lợi nhuận bình quân)	3,22
7	ROI (Lợi nhuận sau thuế/tổng vốn đầu tư)	51,00%

2. *Phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu*

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt tăng vốn là 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư cho dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Chi phí thực hiện dự án cụ thể:

STT	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
1	Chi phí xây dựng	14.928.000.000	1.342.800.000	16.270.800.000
2	Chi phí thiết bị	184.520.000.000	18.452.000.000	202.972.000.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.549.968.800	654.996.880	7.204.965.680
4	Chi phí khác	41.702.271.263	4.246.888.642	45.949.159.905
5	Chi phí dự phòng	9.908.009.603	990.800.960	10.898.810.563
6	Chi phí lãi vay	5.683.875.521	-	5.683.875.521
<b>Tổng</b>		<b>263.292.125.186</b>	<b>25.687.486.483</b>	<b>288.979.611.669</b>

Dự kiến thời gian sử dụng tiền: năm 2021.

Tùy vào tình hình thực tế triển khai dự án, Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự hấp dẫn của cổ phiếu, biến động của thị trường chứng khoán, biến động của nền kinh tế... Do vậy trong trường hợp không huy động được đủ số tiền dự kiến phát hành theo phương án phát hành cổ phiếu nêu trên, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và huy động vốn vay từ các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án.

## Điều 2. Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

### Nơi nhận:

- CBTT;
- Như Điền 2, BKS;
- Lưu VT/.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
MIỀN ĐÔNG AHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
Số 12/2020/HĐQT  
**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày... 18... tháng 12... năm 2020

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2020



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

V/v: Thông qua kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

*Nguyễn Bảo Long*

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;
- Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 CTCP Khoáng sản Miền Đông AHP ngày 28 tháng 06 năm 2020;
- Nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty;
- Biên bản họp số 15/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị CTCP Khoáng sản Miền Đông AHP ngày 28/10/2020.

**QUYẾT NGHỊ**

Điều 1. Thông qua kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt tăng vốn là 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn

mười tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư cho Dự án đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rach Rat, xã An Bình, huyện Phú Giao, tỉnh Bình Dương.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
1	Chi phí xây dựng	14.928.000.000	1.342.800.000	16.270.800.000
2	Chi phí thiết bị	184.520.000.000	18.452.000.000	202.972.000.000
3	Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất (3=(1+2) * 10%)	19.944.800.000	1.994.480.000	21.939.280.000
<b>Tổng</b>		<b>219.392.800.000</b>	<b>21.789.280.000</b>	<b>241.182.080.000</b>

Chi tiết chi phí sử dụng vốn theo Phụ lục đính kèm.

Dự kiến thời gian sử dụng tiền: năm 2021.

Tùy vào tình hình thực tế triển khai dự án, Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự hấp dẫn của cổ phiếu, biến động của thị trường chứng khoán, biến động của nền kinh tế... Do vậy trong trường hợp không huy động được đủ số tiền dự kiến phát hành theo phương án phát hành cổ phiếu nêu trên, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và huy động vốn vay từ các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án.

## Điều 2. Điều khoản thi hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

### Nơi nhận:

- CBTT;
- Nive Điện 2, BKS;
- Lưu VT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỨC TỊCH HĐQT



PHẠM XUÂN PHƯƠNG



1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700927878

**BẢN SAO**

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 09 tháng 07 năm 2020

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EASTERNS AHP MINERALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AHP MINERALS

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3688126

Fax: 0274.3688125

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN BẢO LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/03/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 132321709

Ngày cấp: 02/07/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu 3 (phì nông nghiệp), Xã Văn Lung, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại (khu (phì nông nghiệp), Xã Văn Lung, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ)

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
SỐ CHỨNG THỰC: 29-10-2020

Ngày 29-10-2020



CHỦ TỊCH

Lê Long Hải



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày 18 tháng 12 năm 2020

Số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2020



## NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/6/2020;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/6/2020.

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2019.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

*Nguyễn Khắc Long*

Điều 4. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023).

4.1. Đại hội thông qua Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2020 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023).

Ứng cử viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị gồm:

- |                          |                       |
|--------------------------|-----------------------|
| 1- Ông Nguyễn Quốc Thanh | CMND số: 280879104    |
| 2- Ông Ngô Anh Quân      | CCCD số: 001085012679 |
| 3- Ông Nguyễn Bảo Long   | CMND số: 132321709    |

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

4.2. Đại hội thông qua Tờ trình số 02/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2020 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023).

Ứng cử viên bầu bổ sung Ban kiểm soát: Ông Phạm Huy Hậu, CMND số: 385716866

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 5. Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, cụ thể như sau:

6.1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

- |                              |                     |
|------------------------------|---------------------|
| • Tổng doanh thu:            | 81.626.729.045 đồng |
| • Tổng lợi nhuận trước thuế: | 19.222.349.886 đồng |
| • Lợi nhuận sau thuế:        | 15.302.559.920 đồng |

6.2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019:

- |  |                     |
|--|---------------------|
| Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2019: | 1.548.771.613 đồng  |
| Lợi nhuận sau thuế năm 2019:                           | 15.302.559.920 đồng |

Phân phối lợi nhuận như sau:

- |   |                    |
|---|--------------------|
| • Trích lập quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 10%/LNST):     | 1.530.255.992 đồng |
| • Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 15%/LNST): | 2.295.383.988 đồng |

▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 05%/Vốn điều lệ):	3.000.000.000 đồng
▪ Trích thưởng Ban điều hành (tỷ lệ 0,5%/LNST):	76.512.800 đồng
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020:	9.949.178.753 đồng

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

**Điều 7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:**

**7.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

▪ Tổng doanh thu:	79.234.174.000 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	20.039.008.381 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	16.031.206.705 đồng

**7.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:**

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển:	10%/Lợi nhuận sau thuế
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:	05%/Lợi nhuận sau thuế
▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức:	≥ 05%/Vốn điều lệ

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

**Điều 8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP thuộc Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

**Điều 9. Thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP theo Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCD ngày 28/6/2020, cụ thể:**

**9.1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

- Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
- Loại cổ phiếu chào bán thêm	: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm	: 24.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán	: 10.000 đồng/01 cổ phiếu.

- Mục đích chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sẵn sàng nguồn vốn cho nhu cầu thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và điều chỉnh phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu căn cứ theo nhu cầu thực tế, chiến lược phát triển của Công ty.

- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Thời gian thực hiện dự kiến : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:4 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 04 cổ phiếu chào bán thêm).
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:
  - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
  - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu chào bán thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tùy tình hình thực tế thực hiện một trong các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại cho các nhà đầu tư và/hoặc cổ đông có nhu cầu theo mức giá và điều kiện phù hợp, nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp kết thúc thời gian gia hạn chào bán mà số cổ phần vẫn không được chào bán hết thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

- Số cổ phần không chào bán hết coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.
  - Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.
- Tổng số cổ phần sau chào bán: 30.000.000 cổ phần.
  - Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

## 9.2. Ủy quyền:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:
- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
  - Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.
  - Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
  - Quyết định việc phân phối cổ phiếu không bán hết cho đối tượng khác trong trường hợp cổ phiếu không bán được hết cho cổ đông hiện hữu.
  - Quyết định và điều chỉnh phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu căn cứ theo nhu cầu thực tế, chiến lược phát triển của Công ty.
  - Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu.
  - Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.

- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

**9.3. Thông qua việc lưu ký bổ sung:**

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm theo đúng quy định.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%*

*- Không tán thành 0%*

*- Không có ý kiến 0%*

**Điều 10. Thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ thư ký năm 2020:**

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ thư ký năm 2020 là 3%/Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở báo cáo tài chính đã kiểm toán và được chi trả 1 lần.

Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%*

*- Không tán thành 0%*

*- Không có ý kiến 0%*

**Điều 11. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu
1	Nguyễn Quốc Thanh	5.060.010	100%
2	Ngô Anh Quân	5.060.010	100%
3	Nguyễn Bảo Long	5.060.010	100%

**Điều 12. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu
1	Phạm Huy Hậu	5.060.010	100%

**Điều 13.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đúng pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

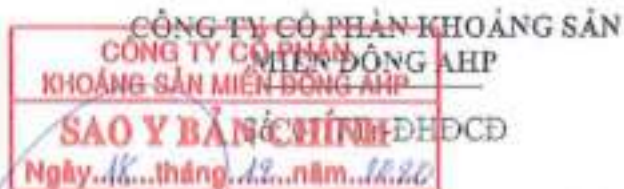
- CBTT;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu Vp.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN  
MIỀN ĐÔNG  
AHP

*[Handwritten Signature]*

PHẠM XUÂN PHƯƠNG





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

Về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ

Kính trình: ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:

### 1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
  - Loại cổ phiếu chào bán thêm : Cổ phiếu phổ thông.
  - Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu chào bán thêm : 24.000.000 cổ phiếu.
  - Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.
  - Mục đích chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sẵn sàng nguồn vốn cho nhu cầu thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và điều chỉnh phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu căn cứ theo nhu cầu thực tế, chiến lược phát triển của Công ty.
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
  - Thời gian thực hiện dự kiến : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
  - Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:4 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 04 cổ phiếu chào bán thêm).
  - Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:
    - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
    - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.
  - Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu chào bán thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tùy tình hình thực tế thực hiện một trong các giải pháp như sau:
- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại cho các nhà đầu tư và/hoặc cổ đông có nhu cầu theo mức giá và điều kiện phù hợp, nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp kết thúc thời gian gia hạn chào bán mà số cổ phần vẫn không được chào bán hết thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.
  - Số cổ phần không chào bán hết coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.
- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ

phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

- Tổng số cổ phần sau chào bán: 30.000.000 cổ phần.
- Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

## 2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.
- Xứ lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
- Quyết định việc phân phối cổ phiếu không bán hết cho đối tượng khác trong trường hợp cổ phiếu không bán được hết cho cổ đông hiện hữu.
- Quyết định và điều chỉnh phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu căn cứ theo nhu cầu thực tế, chiến lược phát triển của Công ty.
- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



A handwritten signature in black ink is written over a circular stamp. The stamp contains the text: "CÔNG TY CỔ PHẦN KHOANG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP". The signature appears to be "PHẠM XUÂN PHƯƠNG".

PHẠM XUÂN PHƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
(AHP MINERALS)**

GRB ⊕ GRB

## **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
**SAU Y BAN CHÍNH**  
Ngày...11...tháng...11...năm...2020



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (AHP MINERALS)**

**PHẠM XUÂN PHƯƠNG**  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;  
Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;  
Căn cứ Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.  
Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP ngày 12/12/2019 thông qua việc sửa đổi, bổ sung lần 5 Điều lệ Công ty.

Các bản Điều lệ của Công ty:

- Điều lệ thành lập Công ty : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/5/2008.
- Sửa đổi, bổ sung lần 1 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 10/4/2013.
- Sửa đổi, bổ sung lần 2 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 15/4/2016.
- Sửa đổi, bổ sung lần 3 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 16/4/2018.
- Sửa đổi, bổ sung lần 4 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/4/2019.
- Sửa đổi, bổ sung lần 5 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/12/2019.

**CHƯƠNG I**  
**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015.  
"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010.
  - c. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.



- d. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ban hành ngày 22/6/2015.
  - e. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - g. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
  - h. Trong Bản Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
  - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.
2. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Bản Điều lệ này;
  3. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Bản Điều lệ này.

## CHƯƠNG II

### HÌNH THỨC, TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

1. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
3. Tên giao dịch đối ngoại : Easterns AHP Minerals Joint Stock Company.  
Tên giao dịch viết tắt : AHP Minerals.  
Trụ sở Công ty: 112/125 Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.  
Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc chuyển trụ sở ra ngoài tỉnh. Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc chuyển trụ sở phạm vi trong tỉnh và quyết định lập hay hủy bỏ Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.
4. Thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
5. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty.
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sau đây:
  - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
  - Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.	4322
27	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
28	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.	4390
29	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.	4511
30	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	4520
31	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
32	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua nhà, ký gửi hàng hóa, môi giới hàng hóa. (Trừ môi giới bất động sản).	4610
33	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.	4649
34	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
35	Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	4662
36	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
37	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.	4669
38	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
39	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương.	5011
41	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.	5012
42	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.	5021
43	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	5022
44	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	5210
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt.	5221
46	Bốc xếp hàng hóa.	5224
47	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.	5225
48	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
49	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản).	6820
50	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	7110
51	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu.	7490
52	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.	8130

#### Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật.

## CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

### Điều 5. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đồng sáng lập

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.
2. Vốn điều lệ của công ty là 60.000.000.000 đồng.  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần với phương thức trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Bản Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của bản Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Cổ đồng sáng lập: gồm 3 cổ đồng như sau: (theo Danh sách cổ đồng sáng lập tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 03/6/2008)
  - Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp. (Nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(Địa chỉ hiện tại: Số 8 Hẻm Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Số ĐKDN : 3700145020.

Loại cổ phần : cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần : 4.479.600 cổ phần.

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.



Tỷ lệ sở hữu : 74.66%/vốn điều lệ.

*Ghi chú: Ngày 02/6/2014 Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV đã chuyển nhượng toàn bộ 4.479.600 cổ phần nêu trên cho Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).*

- Ông Nguyễn Thành Trung.

Địa chỉ: Số 415 khu phố 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Số CMND : 280578115

Loại cổ phần : cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần : 7.000 cổ phần.

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu : 0,11%/vốn điều lệ.

- Ông Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Số CMND : 280136685.

Loại cổ phần : cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần : 10.000 cổ phần.

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu : 0,16%/vốn điều lệ.

#### **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn bảy ngày (07) kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.  
Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau:
  - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;



- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng nhận này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi bản Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Thu hồi Cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại bản Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ

lệ (không quá 9,6% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

**Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

## CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Điều 11. Quyền của cổ đông Công ty**

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Bản Điều lệ này và luật pháp;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - g. Trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

- i. Các quyền khác theo quy định của bản Điều lệ này và pháp luật.
- 3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng trở lên có các quyền sau:
  - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác được quy định tại bản Điều lệ này.

#### **Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông**

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ bản Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
 

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
  - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
  - d. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Bản Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát

phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm đ khoản 3 Điều 13 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các Báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
  - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;
  - p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 của Bản Điều lệ này nếu cổ đông đó hoặc những người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền**

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.  
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
5. Mọi hạn chế của cổ đông là tổ chức đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Bản điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với



các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 của Bản Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
  - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - e. Chuẩn bị tài liệu đại hội;
  - f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bao đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư hoặc được gửi qua thư điện tử). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu có);
  - c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, qu



tích, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 17 này trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu tháng trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Bản điều lệ này;
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua;
  - d. Các trường hợp khác.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì đại hội phải được triệu tập lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

#### **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông, số cổ phần sở hữu, mã cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề

- trong nội dung chương trình. Cách thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
  6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
  7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
  8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
  9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông, hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
  10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
    - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
    - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
    - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
  - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Bán Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.  
Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế bầu cử tại Đại hội. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Và Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề sau:
  - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - b. Định hướng phát triển Công ty;
  - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các quyết định đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - Chương trình và nội dung cuộc họp;

- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

#### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc bản Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 người và tối đa là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
  - f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);



- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;
  - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở Công ty;
  - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 7. Việc bỏ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

#### **Điều 25. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, bản Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
  - m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
  - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Việc thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và bản Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty;
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) sẽ nhận được khoản thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ công ty, công ty con, công ty liên kết và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại bản Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Khi cả Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

## Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng nào sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
  - b. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
  - b. Thành viên Hội đồng không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ những người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
  - c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố đầy đủ.
  - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ các hợp đồng được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 và điểm b khoản 4 Điều 33 của Bản Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
  - e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
10. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty, và biết bản thân là người có lợi ích sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này có thể công bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích từ lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp,

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Bản Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Bản Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ.

13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyết định của tiểu ban được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân

thứ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp là thành viên Hội đồng quản trị.

15. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
  - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
  - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
  - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

### Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.


### Điều 30. Người điều hành công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### Điều 31. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Quyền hạn và Nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị về số lượng và các người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành để Hội đồng quản trị quyết định;



- 
- d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ cho hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của bản Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
  - i. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
  5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

### **Điều 32. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty khi cần thiết nhưng không được phép trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tại từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- c. Tham dự các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật;
- e. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.  
Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và bản Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

### Điều 33. Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  
Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
3. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

#### **Điều 34. Ban kiểm soát**

- l. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
  - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
  - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
  - e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.
  - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - g. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - h. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.
  - j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
  - k. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
  - l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- m. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
  - n. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
  3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
  4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

## CHƯƠNG X

### NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

#### Điều 35. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực, căn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi

ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ dân sự, hành chính và không phải là việc kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi công việc theo ủy quyền của công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích Công ty;
  - Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

### Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền trực tiếp, hoặc qua luật sư, hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó; xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và

- những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu bản Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
  4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website Công ty.

## CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 39. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành và người lao động.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại bản Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. Trình tự, thủ tục thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được

tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

#### **Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

#### **Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai ngay sau ngày cấp giấy đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 44. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.



## CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### Điều 45. Báo cáo hàng năm

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

### Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo kế toán năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Bản sao của Báo cáo Kiểm toán được gửi đính kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## CHƯƠNG XVII CON DẤU

### Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

### Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập một Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
  - a. Cổ đông với công ty;
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.
 Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng hai (02) tuần từ khi bắt đầu qui trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu trách nhiệm của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 53. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Bản điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những qui định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

**CHƯƠNG XXI**  
**NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 54. Ngày hiệu lực**

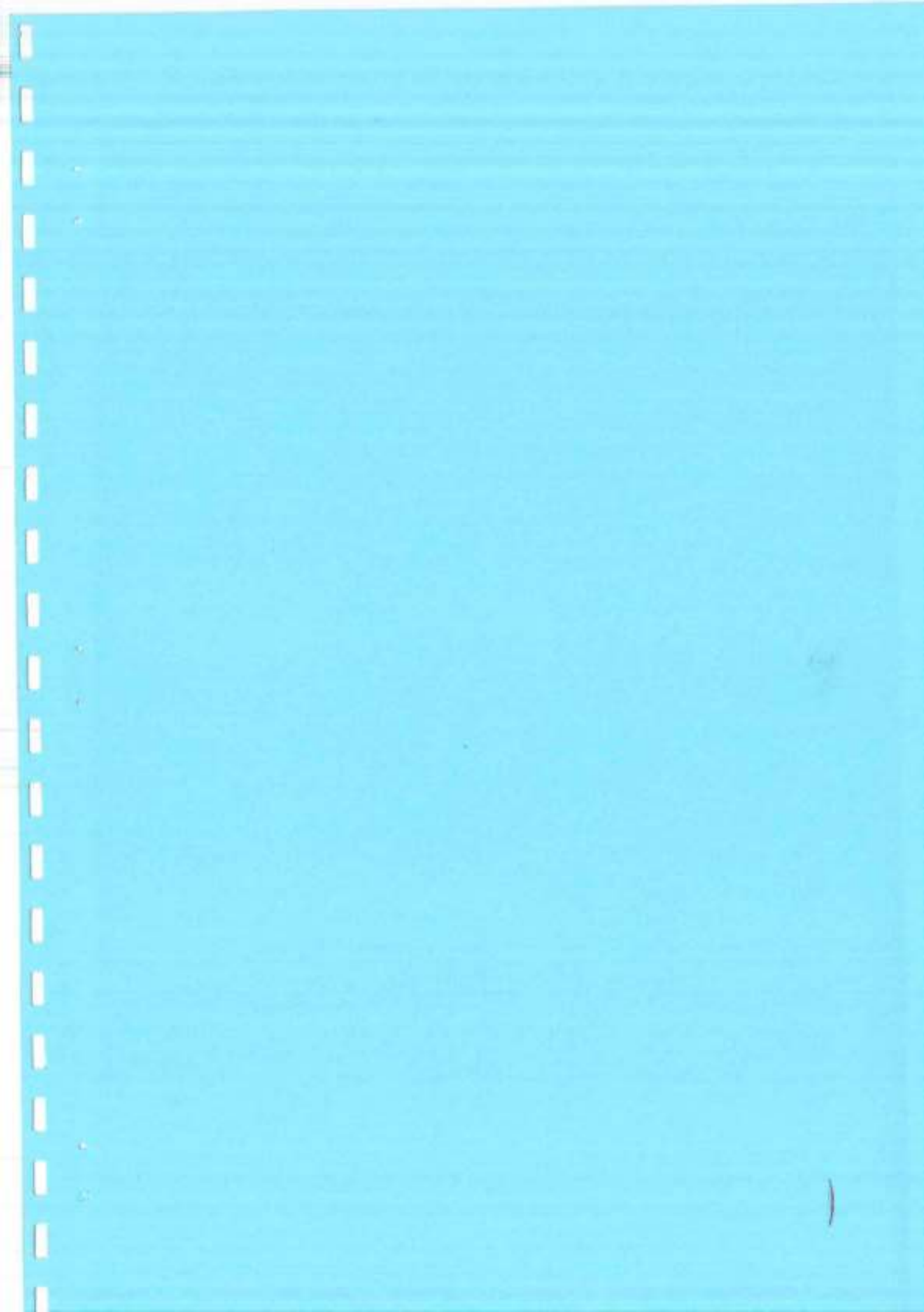
1. Bản điều lệ này bao gồm 21 Chương 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP ngày 12 tháng 12 năm 2019 nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Bản Điều lệ này.
2. Bản Điều lệ này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau, trong đó:
  - 2.1. 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước của địa phương.
  - 2.2. 05 Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.
  - 2.3. 04 Bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.
3. Bản Điều lệ này là duy nhất chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất  $\frac{1}{3}$  tổng số thành viên hội đồng quản trị mới có giá trị.

**Điều 55. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**VÕ THÀNH TÀI**



**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN BECAMEX**

UBND TT. PHƯỚC VINH  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 10/880 ngày số 8 TR/CT-SC/BS  
Ngày 29-10-2020

CHỦ TỊCH



*Lê Long Hải*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 30

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ – UBND ngày 05 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 688 126
- Fax : (84 - 274) 3 688 125

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng;
- Dịch vụ nhà ở công nhân.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Sương	Phó Chủ tịch thường trực	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Ông Võ Thành Tài	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Hùng Lam	Phó Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Bà Lý Thị Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Bà Ngô Thị Minh Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018







Số: 1.0267/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

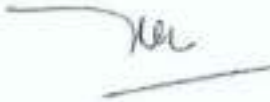
**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

  
Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2019

20  
CỔ  
HÀ  
TỔ  
A  
/M

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.806.229.600</b>	<b>74.999.029.614</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>40.185.775.330</b>	<b>19.230.689.485</b>
1. Tiền	111		2.685.775.330	1.730.689.485
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.500.000.000	17.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.813.328.725</b>	<b>48.176.674.207</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.585.389.861	37.779.527.172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.942.874.331	10.126.123.844
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	285.064.533	271.023.191
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>2.977.779.134</b>	<b>6.909.041.491</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.977.779.134	6.909.041.491
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>829.346.411</b>	<b>682.624.431</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	359.287.888	147.819.691
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	470.058.523	534.804.740
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Kính gửi Ban Giám đốc Công ty Becamex

435  
IG  
EM  
HTA  
&  
T.P1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.163.117.522</b>	<b>11.421.977.174</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.043.572.400</b>	<b>2.043.572.400</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2.043.572.400	2.043.572.400
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.690.890.690</b>	<b>8.193.803.114</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.592.480.953	6.942.884.267
- Nguyên giá	222		54.791.421.600	54.791.421.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.198.940.647)	(47.848.537.333)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	98.409.737	1.250.918.847
- Nguyên giá	228		10.215.926.339	10.215.926.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.117.516.602)	(8.965.007.492)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>8.583.892.372</b>	-
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>844.762.860</b>	<b>1.184.601.660</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	506.728.045	846.567.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	338.034.015	338.034.015
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.969.347.122</b>	<b>86.421.006.788</b>

13-C.2  
Y  
TU HẠN  
DỰ VẤN  
C  
50M7

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/123, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.027.450.944</b>	<b>9.937.102.598</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.983.878.544</b>	<b>8.042.997.645</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.812.550.219	3.082.674.247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	335.309.950	192.340.012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.698.222.933	1.866.210.436
4. Phải trả người lao động	314	V.14	1.119.678.319	1.055.375.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	247.235.779	37.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.314.753.410	1.151.131.648
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.456.127.934	657.765.511
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.043.572.400</b>	<b>1.894.104.953</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	2.043.572.400	1.894.104.953
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

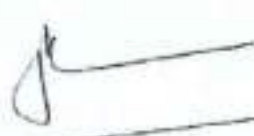
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.941.896.178</b>	<b>76.483.904.190</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>77.941.896.178</b>	<b>76.483.904.190</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	6.015.592.564	4.878.966.002
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	11.926.303.614	11.604.938.188
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		774.854.082	11.604.938.188
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.151.449.532	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.969.347.122</b>	<b>86.421.006.788</b>

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2019

  
 Phạm Thị Hiếu  
 Người lập

  
 Nguyễn Hữu Thạch  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Phấn Tài  
 Tổng Giám đốc


**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	76.587.187.753	61.576.329.647
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76.587.187.753	61.576.329.647
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51.868.634.771	40.824.566.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.718.552.982	20.751.763.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.232.877.533	716.214.607
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.248.466.054	1.210.666.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.488.916.398	7.136.475.025
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.214.048.063	13.120.836.379
11. Thu nhập khác	31	VI.6	648.975.637	1.512.948.324
12. Chi phí khác	32	VI.7	343.256.533	357.675.177
13. Lợi nhuận khác	40		305.719.104	1.155.273.147
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.519.767.167	14.276.109.526
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.400.414.776	2.909.843.911
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.119.352.391</u>	<u>11.366.265.615</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.848</u>	<u>1.601</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.848</u>	<u>1.601</u>

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2019

  
 Phạm Thị Hiếu  
 Người lập

  
 Nguyễn Hữu Thạch  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Thành Tài  
 Tổng Giám đốc




**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.519.767.167	14.276.109.526
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7;V.8	3.502.912.424	3.806.535.973
- Các khoản dự phòng	03	V.18	149.467.447	149.467.440
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	(1.228.406.251)	(1.322.545.844)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.943.740.787	16.909.567.095
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.479.091.699	13.821.151.526
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.931.262.357	1.854.968.728
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.372.452.614	(4.141.715.974)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		128.371.403	(336.468.384)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.279.573.786)	(2.219.085.926)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(1.862.997.980)	(1.571.065.914)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<u>28.712.347.094</u>	<u>24.317.351.151</u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9;VII	-	(10.566.608.418)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	846.099.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.228.406.251	476.446.754
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<u>1.228.406.251</u>	<u>(9.244.062.574)</u>

141E  
 NO  
 NH  
 AN VI  
 &  
 7.7

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

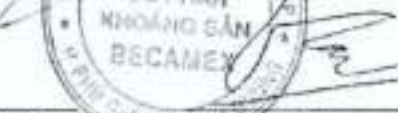
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16;V.19	(8.985.667.500)	(9.020.387.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(8.985.667.500)</u>	<u>(9.020.387.500)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.955.085.845	6.052.901.077
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.230.689.485	13.177.788.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>40.185.775.330</u>	<u>19.230.689.485</u>

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2019

  
 Phạm Thị Hiếu  
 Người lập

  
 Nguyễn Hữu Thạch  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Thành Tài  
 Tổng Giám đốc

 13/2  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 KHOÁNG SẢN  
 BECAMEX

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, sản xuất.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác khoáng sản.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 69 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 69 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 11
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền khai thác khoáng sản*

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời hạn theo giấy phép (có thể được điều chỉnh sản lượng theo thực tế hoặc gia hạn thời gian giấy phép). Chi phí này được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế trong năm.

##### *Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá*

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá,... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí này được khấu hao theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

#### **9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

0.4.2  
ÔN  
KH  
CÁN  
1.4

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng cho việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng này được trích theo số tiền kỳ quỹ mà Quý báo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đã thông báo, chi phí này được trích theo phương pháp đường thẳng suốt thời gian khai thác của Công ty. Khi cải tạo, phục hồi môi trường xong, khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11/12/2018  
CÔNG TY  
THƯỜNG  
KINH  
C

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	539.921.299	618.184.366
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.145.854.031	1.112.505.119
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	37.500.000.000	17.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>40.185.775.330</u></b>	<b><u>19.230.689.485</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b><u>25.465.556.283</u></b>	<b><u>33.397.919.128</u></b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	5.558.730.443	16.495.303.859
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	10.869.575.996	10.508.591.251
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	8.526.436.068	5.789.999.255
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	510.813.776	604.024.763
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>8.119.833.578</u></b>	<b><u>4.381.608.044</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>33.585.389.861</u></b>	<b><u>37.779.527.172</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	8.949.000.000
Công ty Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	8.949.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	1.942.874.331	1.177.123.844
Liên đoàn Bán đồ Địa chất Miền Nam	1.877.510.150	1.173.443.844
Các nhà cung cấp khác	65.364.181	3.680.000
<b>Cộng</b>	<b>1.942.874.331</b>	<b>10.126.123.844</b>

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	51.405.570	-	32.301.790	-
Phải thu lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	233.203.063	-	233.203.063	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	455.900	-	5.518.338	-
<b>Cộng</b>	<b>285.064.533</b>	<b>-</b>	<b>271.023.191</b>	<b>-</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Tiền ký quỹ phục hồi môi trường.

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	893.880.027	-	770.850.258	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	405.416.627	-
Thành phẩm	2.083.899.107	-	5.732.774.606	-
<b>Cộng</b>	<b>2.977.779.134</b>	<b>-</b>	<b>6.909.041.491</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vô xe	80.878.797	102.886.358
Chi phí công cụ, dụng cụ	278.409.091	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	44.933.333
<b>Cộng</b>	<b>359.287.888</b>	<b>147.819.691</b>

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	502.085.548	819.192.220
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.642.497	27.375.425
<b>Cộng</b>	<b>506.728.045</b>	<b>846.567.645</b>

130/1  
 CÔNG  
 NGHỆ  
 M T C  
 A  
 1/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/123, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.067.619.791	32.995.686.313	16.661.115.496	67.000.000	54.791.421.600
Số cuối năm	5.067.619.791	32.995.686.313	16.661.115.496	67.000.000	54.791.421.600
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	461.168.171	23.767.884.221	11.558.419.869	67.000.000	35.854.472.261
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.431.179.012	29.836.008.973	14.514.349.348	67.000.000	47.848.537.333
Khấu hao trong năm	503.883.168	1.288.993.378	557.526.768	-	2.350.403.314
Số cuối năm	3.935.062.180	31.125.002.351	15.071.876.116	67.000.000	50.198.940.647
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.636.440.779	3.159.677.340	2.146.766.148	-	6.942.884.267
Số cuối năm	1.132.557.611	1.870.683.962	1.589.239.380	-	4.592.480.953
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	7.208.744.438	2.822.181.901	185.000.000	10.215.926.339
Số cuối năm	7.208.744.438	2.822.181.901	185.000.000	10.215.926.339
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.208.744.438	2.822.181.901	-	10.030.926.339
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	6.079.360.324	2.822.181.901	63.465.267	8.965.007.492
Khấu hao trong năm	1.129.384.114	-	23.124.996	1.152.509.110
Số cuối năm	7.208.744.438	2.822.181.901	86.590.263	10.117.516.602
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.129.384.114	-	121.534.733	1.250.918.847
Số cuối năm	-	-	98.409.737	98.409.737
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

44  
N  
H  
S  
T

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty chỉ bao gồm 03 căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc dự án Uni Town tọa lạc tại Khu 3, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

**10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>472.936.000</i>	<i>970.200</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	471.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	1.936.000	970.200
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7.339.614.219</i>	<i>3.081.704.047</i>
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mô Nam Bộ - Micoo	423.310.635	387.797.146
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	2.281.885.512	912.588.854
Doanh nghiệp tư nhân Đầu tư Thương mại Mạnh Cường	641.994.100	454.027.200
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Xăng dầu Thành Lợi	1.392.476.800	244.363.218
Hợp tác xã Vận tải - Xây dựng và Cầu đường Thanh Long	427.518.008	321.303.076
Các nhà cung cấp khác	2.172.429.164	761.624.553
<b>Cộng</b>	<b><u>7.812.550.219</u></b>	<b><u>3.082.674.247</u></b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phước Trường	80.647.492	115.689.092
Công ty TNHH Xây dựng Vĩnh Phát	13.883.704	38.620.319
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	59.534.860	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phúc Nguyên	55.180.820	-
Các khách hàng khác	126.063.074	38.030.601
<b>Cộng</b>	<b><u>335.309.950</u></b>	<b><u>192.340.012</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	452.319.715	-	3.557.965.659	(3.366.130.676)	644.154.698	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.149.628.001	-	3.400.414.776	(3.279.573.786)	1.270.468.991	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	107.014.391	156.662.945	(156.662.945)	-	107.014.391
Thuế tài nguyên	264.262.720	-	4.414.291.368	(2.894.954.844)	1.783.599.244	-
Tiền thuê đất	-	-	677.361.391	(677.361.391)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	427.790.349	914.970.408	(850.224.191)	-	363.044.132
<b>Cộng</b>	<b>1.866.210.436</b>	<b>534.804.740</b>	<b>13.124.666.547</b>	<b>(11.227.907.833)</b>	<b>3.698.222.933</b>	<b>470.058.523</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.519.767.167	14.276.109.526
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	564.806.714	492.117.881
- Các khoản điều chỉnh giảm	(82.500.000)	(219.007.851)
Thu nhập tính thuế	17.002.073.881	14.549.219.556
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.400.414.776</b>	<b>2.909.843.911</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Theo Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên của Bộ Tài chính, sản lượng và giá tính thuế tài nguyên được xác định như sau:

- Sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định theo sản lượng từng loại tài nguyên có cùng cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại như nhau hoặc quy ra sản lượng của loại tài nguyên có sản lượng bán ra lớn nhất để làm căn cứ xác định sản lượng tính thuế cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong năm.
- Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên có cùng phẩm cấp, chất lượng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/123, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Hiện tại, Công ty đang tạm tính và kê khai thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, sỏi như sau:

- Sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định theo sản lượng từng loại tài nguyên có cùng cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại như nhau. Đơn vị sản lượng tài nguyên tính thuế được công ty áp dụng là khối lượng m<sup>3</sup> đá nguyên khối.
- Giá tính thuế tài nguyên: áp dụng đơn giá cao hơn giữa đơn giá tính thuế của UBND tỉnh Bình Dương quy định theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2018 và đơn giá bán bình quân trong tháng.

Công ty đang xúc tiến làm việc với Cơ quan thuế để thống nhất phương pháp tính thuế tài nguyên phù hợp với thực tế của đơn vị mình và qui định hiện hành. Vì vậy, số thuế tài nguyên được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi sau khi Công ty thống nhất với Cơ quan thuế về phương pháp tính thuế tài nguyên.

**Tiền thuế đất**

Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 565.315,8 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại thửa đất số 350, 351, tờ bản đồ số 71, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương với mức 1.173 VND/m<sup>2</sup> theo quy định tại Thông báo số 6409/TB-CT ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. **Phải trả người lao động**  
Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ	209.735.779	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	37.500.000	37.500.000
<b>Cộng</b>	<b>247.235.779</b>	<b>37.500.000</b>

16. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.984.506	8.922.398
Phải trả (tiền bảo đảm hợp đồng)	752.651.576	685.362.646
Cổ tức phải trả	27.832.500	13.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị	360.000.000	283.762.968
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	165.284.828	159.583.636
<b>Cộng</b>	<b>1.314.753.410</b>	<b>1.151.131.648</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	657.765.511	2.291.329.075	(1.492.966.652)	1.456.127.934
Quỹ phúc lợi	-	313.200.000	(313.200.000)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	56.831.328	(56.831.328)	-
<b>Cộng</b>	<b>657.765.511</b>	<b>2.661.360.403</b>	<b>(1.862.997.980)</b>	<b>1.456.127.934</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/123, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí cải tạo phục hồi môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.894.104.953	1.744.637.513
Tăng do trích lập	149.467.447	149.467.440
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.043.572.400</u></b>	<b><u>1.894.104.953</u></b>

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	4.878.966.002	10.306.986.199	75.185.952.201
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.366.265.615	11.366.265.615
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(1.068.313.626)	(1.068.313.626)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>	<b><u>4.878.966.002</u></b>	<b><u>11.604.938.188</u></b>	<b><u>76.483.904.190</u></b>
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	4.878.966.002	11.604.938.188	76.483.904.190
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.119.352.391	13.119.352.391
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.136.626.562	(3.797.986.965)	(2.661.360.403)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>	<b><u>6.015.592.564</u></b>	<b><u>11.926.303.614</u></b>	<b><u>77.941.896.178</u></b>

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	44.796.000.000	44.796.000.000
Các cổ đông khác	15.204.000.000	15.204.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>	<b><u>60.000.000.000</u></b>

**19c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ/DHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông (15% vốn điều lệ)	9.000.000.000	-	9.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	1.136.626.562	-	1.136.626.562
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế)	1.704.939.842	1.068.313.626	636.626.216
• Trích thưởng Ban điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	56.831.328	-	56.831.328

Ngoài ra, Công ty cũng tạm tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền 1.967.902.859 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu của thành phẩm đã tiêu thụ.

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	1.151.793.000	275.608.810
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	4.733.158.874	4.380.477.593
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	20.293.537.620	19.566.443.420
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	22.573.016.016	23.425.450.378

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.228.406.251	476.446.754
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.471.282	6.564.790
Lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	-	233.203.063
<b>Cộng</b>	<b>1.232.877.533</b>	<b>716.214.607</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuê ngoài vận chuyển tiêu thụ đá khai thác	2.171.177.554	1.210.666.387
Các chi phí khác	77.288.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.248.466.054</u></b>	<b><u>1.210.666.387</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.854.988.754	4.702.190.711
Chi phí vật liệu quản lý	23.124.996	23.124.996
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.159.092	40.395.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.603.868	316.108.084
Thuế, phí và lệ phí	70.137.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.100.811.901	767.248.572
Các chi phí khác	1.048.090.787	1.284.407.203
<b>Cộng</b>	<b><u>7.488.916.398</u></b>	<b><u>7.136.475.025</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	846.099.090
Thu nhập từ bán điện	343.015.663	357.281.945
Thu nhập từ cho thuê tài sản	304.455.720	209.090.908
Thu nhập khác	1.504.254	100.476.381
<b>Cộng</b>	<b><u>648.975.637</u></b>	<b><u>1.512.948.324</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn tiền điện	343.015.663	357.281.945
Chi phí khác	240.870	393.232
<b>Cộng</b>	<b><u>343.256.533</u></b>	<b><u>357.675.177</u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu****Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.119.352.391	11.366.265.615
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.967.902.859)	(1.704.939.842)
Trích thưởng Ban điều hành	(65.596.762)	(56.831.328)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.085.852.770	9.604.494.445
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.848</u></b>	<b><u>1.601</u></b>

**8a. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

1812  
 1 TY  
 18/01  
 VÀ TỰ  
 C  
 18/01

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.553.055.185	15.481.762.578
Chi phí nhân công	10.063.159.848	9.636.323.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.502.912.424	3.806.535.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.896.323.622	12.546.465.020
Chi phí khác	6.536.274.018	5.956.633.089
<b>Cộng</b>	<b>57.551.725.097</b>	<b>47.427.720.267</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ngày 09 tháng 10 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 2609/QĐ-UBND, thay thế Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã xây dựng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác trước đây từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.122.769.899 VND (tăng 3.249.106.819 VND so với Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014).

Ngày 20 tháng 01 năm 2014 Công ty cùng các công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09 tháng 7 năm 2014 về hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, quyết định chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong Báo cáo tài chính.

Ngày 12 tháng 9 năm 2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, kiến nghị lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn trên. Hiện tại, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn chưa có quyết định chính thức về việc này.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.162.629.700	1.124.394.791
Tiền thưởng	365.500.678	323.607.614
<b>Cộng</b>	<b>1.528.130.378</b>	<b>1.448.002.405</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VL1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Bê tông Becamex</b>		
Cho thuê máy nghiền đá	90.909.090	109.090.908
Chia cổ tức	6.719.400.000	6.719.400.000
Mua dịch vụ thi công	-	169.502.622
<b>Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình</b>		
Cung cấp điện năng	39.734.908	77.420.210
Cho thuê tài sản	213.546.630	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Chia cổ tức	650.563.500	650.563.500
Trả trước tiền mua tài sản	-	8.949.000.000
Mua bất động sản	8.583.892.372	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECAMEX**

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</i> Phí cầu đường	3.272.728	3.272.728
<i>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</i> Mua dịch vụ	-	45.130.000
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế</i> Phí khám sức khỏe	61.174.000	64.602.800
<i>Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương</i> Phí xử lý chất thải	9.632.000	11.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.


**3. Thông tin về bộ phận**


Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất đá và trong một khu vực địa lý là khu vực miền Nam Việt Nam.


**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2019

  
Phạm Thị Hiếu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hữu Thạch  
Kế toán trưởng

  
Võ Thành Tài  
Tổng Giám đốc





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**BẢN SAO**

**PKF**

Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

UBND TT. PHƯỚC VINH  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 10881 QUYẾT SỐ: TR/CT-SC/193

Ngày **29-10-2020**

CHỦ TỊCH



*Lê Long Hải*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 18/02/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700927878.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 6.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: BMJ

Trụ sở chính của Công ty tại số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh khai thác đá vật liệu xây dựng.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 19/04/2019
Ông Võ Thành Tài	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Đặng Thành Kiên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Nguyễn Xuân Cường	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Khuu Trí Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Bà Phạm Thị Sương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019

#### **Ban kiểm soát**

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/09/2019
Ông Trương Văn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Bà Nguyễn Thị Thủy Vân	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Lê Hùng Lam	Phó Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Bà Lý Thị Bình	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Hải Đăng	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/02/2020
Ông Võ Thành Tài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/02/2020
Ông Phạm Thành Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bành Minh Lộc	Phó Tổng giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/08/2019
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/08/2019 Miễn nhiệm ngày 13/02/2020
Ông Lâm Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 14/06/2019

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính là ông Võ Thành Tài – Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 13/02/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Hải Đăng - Tổng Giám đốc.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**Nguyễn Hải Đăng**

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2020



Số: 045/2020/BCKT-PB.00315

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 03 năm 2020, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 27/02/2019.



**Lê Việt Cường**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

**Đặng Ngọc Khánh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 2505-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND  
01/01/2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>76.260.294.089</b>	<b>79.806.229.600</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	49.637.274.064	40.185.775.330
1. Tiền	111		49.637.274.064	2.685.775.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	37.500.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.785.750.484</b>	<b>35.813.328.725</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.012.301.147	33.585.389.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	301.950.000	1.942.874.331
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	471.499.337	285.064.533
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>1.252.728.537</b>	<b>2.977.779.134</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.252.728.537	2.977.779.134
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>584.541.004</b>	<b>829.346.411</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	584.541.004	359.287.888
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	-	470.058.523
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>61.819.447.774</b>	<b>16.163.117.522</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		2.043.572.400	2.043.572.400
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.043.572.400	2.043.572.400
II/ Tài sản cố định	220		47.846.934.719	4.690.890.690
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.962.092.911	4.592.480.953
- Nguyên giá	222		52.910.473.625	54.791.421.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.948.380.714)	(50.198.940.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	42.884.841.808	98.409.737
- Nguyên giá	228		44.113.002.004	10.215.926.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.228.160.196)	(10.117.516.602)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.8	8.583.892.372	8.583.892.372
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	8.583.892.372
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.345.048.283</b>	<b>844.762.060</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	3.007.014.268	506.728.045
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		338.034.015	338.034.015
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>138.079.741.863</b>	<b>95.969.347.122</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND  
01/01/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>56.272.779.315</b>	<b>18.027.450.944</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.283.205.413</b>	<b>15.963.878.544</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	6.514.210.091	7.812.550.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	523.737.794	335.309.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.144.876.785	3.698.222.933
4. Phải trả người lao động	314		705.651.513	1.119.678.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	6.141.557.968	247.235.779
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.242.947.349	1.314.753.410
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.010.223.913	1.456.127.934
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.989.573.902</b>	<b>2.043.572.400</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	32.946.001.502	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.14	2.043.572.400	2.043.572.400
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.806.962.548</b>	<b>77.941.896.178</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>81.806.962.548</b>	<b>77.941.896.178</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.857.783.795	6.016.592.564
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.949.178.753	11.926.303.614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.548.771.613	774.854.082
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.400.407.140	11.151.449.532
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>138.079.741.863</b>	<b>95.969.347.122</b>



Nguyễn Hải Đăng

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Bành Minh Lộc

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Dũng

Người lập biểu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	77.406.556.386	76.587.187.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.406.556.386	76.587.187.753
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	53.054.754.657	51.868.634.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.351.801.729	24.718.552.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.525.356.734	1.232.877.533
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	1.709.991.294	2.248.466.054
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.299.206.408	7.488.916.398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.867.960.761	16.214.048.063
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.694.815.925	648.975.637
12. Chi phí khác	32	6.7	340.426.800	343.256.533
13. Lợi nhuận khác	40		1.354.389.125	305.719.104
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.222.349.886	16.519.767.167
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.919.789.966	3.400.414.776
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.302.559.920	13.119.352.391
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.158	1.859
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	434	1.859



Nguyễn Hải Đăng  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Bành Minh Lộc  
Kế toán trưởng

Lê Ngọc Dũng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2019

Đơn vị tính: VND  
 Năm 2018

Chỉ tiêu	MS	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.222.349.886	16.519.767.167
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.973.482.770	3.502.912.424
- Các khoản dự phòng	03	-	149.467.447
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.720.926.348)	(1.228.406.251)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.474.904.308	18.943.740.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.726.933.038	3.479.091.699
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.725.050.597	3.931.262.357
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(370.269.067)	7.372.452.614
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.725.539.339)	128.371.403
- Thuế TNDN đã nộp	16	(4.290.317.760)	(3.279.573.786)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.883.397.571)	(1.862.997.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.657.364.206	28.712.347.094
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.778.771.615)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.281.818.183	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.296.080.460	1.228.406.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.200.892.972)	1.228.406.251
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.004.972.500)	(8.985.667.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.004.972.500)	(8.985.667.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.451.498.734	20.955.085.845
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.185.775.330	19.230.689.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>49.637.274.064</u>	<u>40.185.775.330</u>



Nguyễn Hải Đăng  
 Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Bành Minh Lộc  
 Kế toán trưởng

Lê Ngọc Dũng  
 Người lập biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ XI nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 18/02/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700927878.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 6.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: BMJ

Trụ sở chính của Công ty tại số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh khai thác đá vật liệu xây dựng.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát);
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản;
- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng;
- Dịch vụ nhà ở công nhân.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dự trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 11
Máy móc thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

### *Quyền khai thác khoáng sản*

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 21/06/2019. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế trong kỳ.

### *Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá*

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

## **4.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá*

Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

#### *Chi phí trả trước khác*

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, chi phí vẽ xe... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về chi phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng đang được Công ty trích theo số tiền kỳ quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương. Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường thì khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

### 4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.13 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán thành phẩm;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán thành phẩm.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	846.921.782	539.921.299
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.790.352.282	2.145.854.031
Các khoản tương đương tiền	-	37.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	37.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.637.274.064</b>	<b>40.185.775.330</b>

#### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	10.961.427.530	-	9.037.249.844	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	10.961.427.530	-	8.526.436.068	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	510.813.776	-
<i>Các bên khác</i>	13.050.873.617	-	24.548.140.017	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	2.524.992.024	-	5.558.730.443	-
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	4.506.284.948	-	10.869.575.996	-
Các đối tượng khác	8.019.596.645	-	8.119.833.578	-
<b>Cộng</b>	<b>24.012.301.147</b>	<b>-</b>	<b>33.585.389.861</b>	<b>-</b>

#### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	301.950.000	-	1.942.874.331	-
Liên đoàn Bán đồ Địa chất Miền Nam	-	-	1.877.510.150	-
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tihana	231.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	70.950.000	-	65.364.181	-
<b>Cộng</b>	<b>301.950.000</b>	<b>-</b>	<b>1.942.874.331</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.4 Phải thu khác

#### 5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	471.499.337	-	285.064.533	-
Tạm ứng cho CBCNV	9.000.000	-	51.405.570	-
Phải thu lãi tiền kỳ quỹ phục hồi môi trường	462.499.337	-	233.203.063	-
Đối tượng khác	-	-	455.900	-
<b>Cộng</b>	<b>471.499.337</b>	<b>-</b>	<b>285.064.533</b>	<b>-</b>

#### 5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Kỳ quỹ, kỳ cược (*)	2.043.572.400	-	2.043.572.400	-
<b>Cộng</b>	<b>2.043.572.400</b>	<b>-</b>	<b>2.043.572.400</b>	<b>-</b>

(\*) Tiền kỳ quỹ phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác.

### 5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	472.130.088	-	893.880.027	-
Công cụ, dụng cụ	399.941.807	-	-	-
Thành phẩm	380.656.642	-	2.083.899.107	-
<b>Cộng</b>	<b>1.252.728.537</b>	<b>-</b>	<b>2.977.779.134</b>	<b>-</b>

### 5.6 Chi phí trả trước

#### 5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vô xe	150.443.175	80.878.797
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	419.562.678	278.409.091
Chi phí khác	14.535.151	-
<b>Cộng</b>	<b>584.541.004</b>	<b>359.287.888</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	283.868.876	502.085.548
Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá	2.066.861.314	-
Chi phí khác	656.284.078	4.642.497
<b>Cộng</b>	<b>3.007.014.268</b>	<b>506.728.045</b>

### 5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2019	7.208.744.438	2.822.181.901	185.000.000	10.215.926.339
Tăng trong năm	43.928.002.004	-	-	43.928.002.004
Giảm khác	(7.208.744.438)	(2.822.181.901)	-	(10.030.926.339)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>43.928.002.004</b>	<b>-</b>	<b>185.000.000</b>	<b>44.113.002.004</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÔN</b>				
Số dư tại 01/01/2019	7.208.744.438	2.822.181.901	86.590.263	10.117.516.602
Khấu hao trong năm	1.118.444.937	-	23.124.996	1.141.569.933
Giảm khác	(7.208.744.438)	(2.822.181.901)	-	(10.030.926.339)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>1.118.444.937</b>	<b>-</b>	<b>109.715.259</b>	<b>1.228.160.196</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2019	-	-	98.409.737	98.409.737
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>42.809.557.067</b>	<b>-</b>	<b>75.284.741</b>	<b>42.884.841.808</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 0 đồng, tại 01/01/2019 là 0 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 0 đồng, tại 01/01/2019 là 10.030.926.339 đồng.

### 5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty bao gồm 03 căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc dự án Uni Town tại Khu 3, phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	5.067.619.791	32.995.686.313	16.661.115.496	67.000.000	54.791.421.600
Mua trong năm	-	1.391.818.182	780.888.182	115.065.000	2.287.771.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(530.673.000)	(3.638.046.339)	-	(4.168.719.339)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>5.067.619.791</b>	<b>33.856.831.495</b>	<b>13.803.957.339</b>	<b>182.065.000</b>	<b>52.910.473.625</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư tại 01/01/2019	3.935.062.180	31.125.002.351	15.071.876.116	67.000.000	50.198.940.647
Khấu hao trong năm	393.220.396	964.103.197	449.721.566	24.867.678	1.831.912.837
Thanh lý, nhượng bán	-	(530.673.000)	(3.551.799.770)	-	(4.082.472.770)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>4.328.282.576</b>	<b>31.558.432.548</b>	<b>11.969.797.912</b>	<b>91.867.678</b>	<b>47.948.380.714</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2019	1.132.557.611	1.870.683.962	1.589.239.380	-	4.592.480.953
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>739.337.215</b>	<b>2.298.398.947</b>	<b>1.834.159.427</b>	<b>90.197.322</b>	<b>4.962.092.911</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 0 đồng, tại 01/01/2019 là 0 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 27.513.298.840 đồng, tại 01/01/2019 là 35.854.472.261 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao chờ thanh lý là 10.128.526.646 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>6.514.210.091</b>	<b>6.514.210.091</b>	<b>7.812.550.219</b>	<b>7.812.550.219</b>
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	1.568.895.861	1.568.895.861	2.281.885.512	2.281.885.512
Công ty TNHH XD DV Xăng Dầu Thành Lợi	511.033.600	511.033.600	1.392.476.800	1.392.476.800
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đạt Phúc Thành	711.266.386	711.266.386	-	-
Công Ty TNHH Đầu tư Thương mại Mạnh Cương	904.469.500	904.469.500	-	-
HTX Vận Tải - Xây Dựng Và Cầu ường Thanh Long	783.654.621	783.654.621	427.518.008	427.518.008
Các đối tượng khác	2.034.890.123	2.034.890.123	3.710.669.899	3.710.669.899
<b>Cộng</b>	<b>6.514.210.091</b>	<b>6.514.210.091</b>	<b>7.812.550.219</b>	<b>7.812.550.219</b>

### 5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	<b>306.146.241</b>	<b>306.146.241</b>	-	-
Công ty Cổ phần Đá Ốp Lát An Bình	306.146.241	306.146.241	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>217.591.553</b>	<b>217.591.553</b>	<b>335.309.950</b>	<b>335.309.950</b>
Công ty CP Thủy điện Mình Tân	15.841.945	15.841.945	59.534.860	59.534.860
Công Ty CP TM dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng Phúc Nguyên	-	-	55.180.820	55.180.820
Công ty TNHH MTV Đại Mình Thành	85.814.080	85.814.080	-	-
Công ty TNHH MTV Trung Nhân	19.654.905	19.654.905	44.334.165	44.334.165
Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phước Trương	-	-	80.647.492	80.647.492
Các đối tượng khác	96.280.623	96.280.623	95.612.613	95.612.613
<b>Cộng</b>	<b>523.737.794</b>	<b>523.737.794</b>	<b>335.309.950</b>	<b>335.309.950</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	1.242.947.349	1.242.947.349	1.314.753.410	1.314.753.410
Kinh phí công đoàn	9.594.888	9.594.888	8.984.506	8.984.506
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.233.352.461	1.233.352.461	1.305.768.904	1.305.768.904
Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng	786.399.113	786.399.113	752.651.576	752.651.576
Cổ tức phải trả	22.860.000	22.860.000	27.832.500	27.832.500
Thu lao HĐQT, BKS	418.000.000	418.000.000	360.000.000	360.000.000
Phải trả khác	6.093.348	6.093.348	165.284.828	165.284.828
<b>Cộng</b>	<b>1.242.947.349</b>	<b>1.242.947.349</b>	<b>1.314.753.410</b>	<b>1.314.753.410</b>

### 5.13 Chi phí phải trả

#### 5.13.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí dịch vụ	-	209.735.779
Trích trước tiền lương	259.000.000	-
Trích trước thuế nhà đất, tiền thuê đất	331.557.717	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2020	6.491.000.251	-
Các khoản trích trước khác	60.000.000	37.500.000
<b>Cộng</b>	<b>6.141.557.968</b>	<b>247.235.779</b>

#### 5.13.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2021 đến 2026	32.946.001.502	-
<b>Cộng</b>	<b>32.946.001.502</b>	<b>-</b>

### 5.14 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự phòng chi phí cải tạo phục hồi môi trường	2.043.572.400	2.043.572.400
<b>Cộng</b>	<b>2.043.572.400</b>	<b>2.043.572.400</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### 5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.236.667.630	3.112.112.804	3.704.625.736	-	644.154.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	899.941.197	4.290.317.760	3.919.789.966	-	1.270.468.991
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.638.053	173.096.632	283.749.076	107.014.391	-
Thuế tài nguyên	-	1.848.999.275	4.719.211.503	4.784.611.534	-	1.783.599.244
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	345.803.675	345.803.675	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	155.630.630	5.963.918.293	6.482.593.055	363.044.132	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.144.876.785</b>	<b>18.607.460.667</b>	<b>19.524.173.042</b>	<b>470.058.523</b>	<b>3.698.222.933</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định và thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	60.000.000.000	4.878.966.002	11.804.938.188	76.483.904.190
Lãi trong năm 2018	-	-	13.119.352.391	13.119.352.391
Trích bổ sung quỹ năm 2017	-	1.136.626.562	(1.830.084.106)	(693.457.544)
Trích lập quỹ năm 2018	-	-	(1.967.902.859)	(1.967.902.859)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>6.015.592.564</b>	<b>11.926.303.614</b>	<b>77.941.896.178</b>
Số dư tại 01/01/2019	60.000.000.000	6.015.592.564	11.926.303.614	77.941.896.178
Lãi trong năm 2019	-	-	15.302.559.920	15.302.559.920
Trích lập quỹ năm 2018	-	1.311.935.239	(1.377.532.001)	(65.596.762)
Trích lập quỹ năm 2019	-	1.530.255.992	(3.902.152.780)	(2.371.896.788)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>8.857.783.795</b>	<b>12.949.178.753</b>	<b>81.806.962.548</b>

Trong năm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 như sau:

	Năm 2018 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.311.935.239
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.967.902.859
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	65.596.762
Chia cổ tức	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.345.434.860</b>

Công ty tạm trích các quỹ năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019, chi tiết như sau:

	Năm 2019 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.530.255.992
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.295.383.988
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	76.512.800
<b>Cộng</b>	<b>3.902.152.780</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	4.479.600	44.796.000.000	74,7%	4.479.600	44.796.000.000	74,7%
Nguyễn Thị Kim Thanh	482.609	4.826.090.000	8%	-	-	0%
Trương Hữu Quyền	627.900	6.279.000.000	10%	346.500	3.465.000.000	6%
Các cổ đông khác	409.891	4.098.910.000	6,8%	1.173.900	11.739.000.000	19,6%
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức đã chia	9.000.000.000	9.000.000.000

### Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm	77.406.556.386	76.587.187.753
<b>Cộng</b>	<b>77.406.556.386</b>	<b>76.587.187.753</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.832.363.060	1.151.793.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	11.378.420.075	4.733.158.874
<b>Cộng</b>	<b>13.210.783.135</b>	<b>5.884.951.874</b>

### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	53.054.754.657	51.868.634.771
<b>Cộng</b>	<b>53.054.754.657</b>	<b>51.868.634.771</b>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.296.060.460	1.232.877.533
Lãi tiền kỳ quỹ	229.296.274	-
<b>Cộng</b>	<b>2.525.356.734</b>	<b>1.232.877.533</b>

### 6.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí vận chuyển	1.130.314.311	2.171.177.554
Các khoản chi phí bán hàng khác	579.676.983	77.288.500
<b>Cộng</b>	<b>1.709.991.294</b>	<b>2.248.466.054</b>

### 6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.454.843.765	4.854.988.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	427.023.360	356.603.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.580.317	1.100.811.901
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.422.758.966	1.176.511.875
<b>Cộng</b>	<b>7.299.206.408</b>	<b>7.488.916.398</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.195.571.614	-
Thu hộ tiền điện các hộ dân	340.311.023	343.015.663
Thu nhập từ cho thuê tài sản, mặt bằng	105.899.530	304.455.720
Các khoản khác	53.033.758	1.504.254
<b>Cộng</b>	<b>1.694.815.925</b>	<b>648.975.637</b>

### 6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí tiền điện trả thay các hộ dân	340.311.023	343.015.663
Chi phí khác	115.777	240.870
<b>Cộng</b>	<b>340.426.800</b>	<b>343.256.533</b>

### 6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.222.349.886	16.519.767.167
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	376.599.942	482.306.714
Các khoản điều chỉnh tăng	470.099.942	564.806.714
Các khoản chi phí không được trừ	470.099.942	564.806.714
Các khoản điều chỉnh giảm	(93.500.000)	(82.500.000)
Các khoản giảm khác	(93.500.000)	(82.500.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	19.598.949.828	17.002.073.881
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.919.789.966</b>	<b>3.400.414.776</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	15.302.559.920	13.119.352.391
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	15.302.559.920	13.119.352.391
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.295.383.988)	(1.967.902.859)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.168</b>	<b>1.859</b>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	24.000.000	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>434</b>	<b>1.859</b>

(\*) Theo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019.

### 6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.874.855.169	19.563.055.185
Chi phí nhân công	10.169.919.236	10.063.159.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.973.482.770	3.502.912.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.084.941.730	17.896.323.622
Chi phí khác bằng tiền	7.280.635.985	6.636.274.018
<b>Cộng</b>	<b>60.383.834.890</b>	<b>57.551.725.097</b>

## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương thay thế Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 13/06/2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty CP Khoáng sản Becamex. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013 là 8.122.769.899 đồng (tăng 3.249.106.819 đồng so với Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13/06/2014).

Ngày 20/01/2014 Công ty cùng các Công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác trong thời gian trên.

Theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/05/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/07/2014 về hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, quyết định chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

31/12/2013. Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty chưa ghi nhận chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 trong thời gian trên trong Báo cáo tài chính.

Ngày 12/09/2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, kiến nghị lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn trên. Hiện tại, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn chưa có quyết định chính thức về việc này.

### 7.2. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

### 7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 7.3.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Công ty mẹ
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Cùng Công ty mẹ

#### 7.3.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc</b>	<b>1.414.423.864</b>	<b>1.528.130.378</b>

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### 7.3.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC</b>		
Cho thuê máy nghiền đá	-	90.909.090
Thanh toán cổ tức	6.719.400.000	6.719.400.000
Thu tiền	10.081.270.621	2.570.037.950
<b>Công ty CP Đá ốp lát An Bình</b>		
Cung cấp điện năng	40.610.451	39.734.908
Cho thuê tài sản	5.899.530	13.546.630
Cho thuê mặt bằng	100.000.000	200.000.000
Thu tiền	2.993.720.362	1.638.792.979

### 7.3.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

### 7.4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh bán đá thành phẩm và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 7.5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

### 7.6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 7.7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Hải Đăng  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Bàn Minh Lộc  
Kế toán trưởng

Lê Ngọc Dũng  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
MIỀN ĐÔNG AHP  
MÃ CHỨNG KHOÁN: BMJ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ III NĂM 2020

UBND TT. PHƯỚC VINH  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CHỨNG THỰC: 10864 QUẢN SỬ: 1 TPCT-SCPS

Ngày 30-10-2020

CHỦ TỊCH



*Lê Long Hải*

TRỤ SỞ CHÍNH:

- Trụ sở: 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274. 3688126
- Fax: 0274.3688125
- Email: [becamexbmj@gmail.com.vn](mailto:becamexbmj@gmail.com.vn)
- Website: [www.becamexbmj.com.vn](http://www.becamexbmj.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Địa chỉ: 112/125 Ấp Tân Thịnh Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)  
Quý III năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.422.303.146</b>	<b>76.260.294.089</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.224.127.578</b>	<b>49.637.274.064</b>
1. Tiền	111		7.224.127.578	49.637.274.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.798.567.638</b>	<b>24.785.750.484</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.853.165.891	24.012.301.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	46.356.916.420	301.950.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.588.485.327	471.499.337
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.910.709.776</b>	<b>1.252.728.537</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	6.910.709.776	1.252.728.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>488.898.154</b>	<b>584.541.004</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	488.898.154	584.541.004
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.213.107.758</b>	<b>61.819.447.774</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.011.263.927</b>	<b>2.043.572.400</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.011.263.927	2.043.572.400
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.717.248.894</b>	<b>47.846.934.719</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	6.130.133.461	4.962.092.911
- Nguyên giá	222		45.206.446.102	52.910.473.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.076.312.641)	(47.948.380.714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	41.587.115.433	42.884.841.808
- Nguyên giá	228		44.113.002.004	44.113.002.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.525.886.571)	(1.228.160.196)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>8.583.892.372</b>	<b>8.583.892.372</b>
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	8.583.892.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.900.702.565</b>	<b>3.345.048.283</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	4.562.668.550	3.007.014.268
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		338.034.015	338.034.015
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>156.635.410.904</b>	<b>138.079.741.863</b>



Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
 Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020  
 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>65.842.592.785</b>	<b>56.272.779.315</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.885.327.356</b>	<b>21.283.205.413</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.343.193.297	6.514.210.091
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	880.604.603	523.737.794
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.333.564.481	4.144.876.785
4. Phải trả người lao động	314	V.14	778.634.332	705.651.513
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.767.792.659	6.141.557.968
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.710.567.478	1.242.947.349
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.070.970.506	1.010.223.913
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35.957.265.429</b>	<b>34.989.573.902</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		32.946.001.502	32.946.001.502
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	3.011.263.927	2.043.572.400
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
 Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020  
 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.792.818.119</b>	<b>81.806.962.548</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>90.792.818.119</b>	<b>81.806.962.548</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	9.468.502.234	3.857.783.795
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	21.324.315.835	12.949.178.753
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.949.178.753	12.949.178.753
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.375.137.082	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>156.635.410.904</b>	<b>138.079.741.863</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2020



Nguyễn Bảo Long  
 Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hiếu  
 Người lập

Nguyễn Thanh Hữu  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Địa chỉ: 112/125 Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	27.188.427.530	15.377.421.596	64.407.956.770	51.874.859.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
+ Hàng bán bị trả lại						
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.188.427.530	15.377.421.596	64.407.956.770	51.874.859.008
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	16.238.808.477	9.002.964.755	42.076.542.983	33.534.323.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.949.619.053	6.374.456.841	22.331.413.787	18.340.535.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	1.494.772	718.279.019	57.656.874	1.734.809.682
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	V1.4	971.864.062	364.820.831	2.121.584.568	717.430.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.5	2.394.651.306	1.764.366.940	5.178.321.148	5.761.555.134
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.584.598.457	4.963.548.089	15.089.164.945	13.596.358.893
11. Thu nhập khác	31	V1.6	199.068.118	145.169.022	469.297.333	1.691.297.098
12. Chi phí khác	32	V1.7	53.629.166	92.103.805	194.319.936	357.012.090
13. Lợi nhuận khác	40		145.438.952	53.065.217	274.977.397	1.334.285.008
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.730.037.409	5.016.613.306	15.364.142.342	14.950.643.901

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	51	V.12	1.546.007.481	1.003.322.662	3.072.927.527	3.019.848.769
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.184.029.928	4.013.290.644	12.291.214.815	11.930.795.132
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

  
 Phạm Thị Hiếu  
 Người lập

  
 Nguyễn Thanh Hữu  
 Kế toán trưởng

Định Kỳ Công, ngày 15 tháng 10 năm 2020

  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Địa chỉ: 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phù Giã, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.364.142.342	14.950.643.901
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, 8	2.562.867.643	1.852.550.812
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(203.111.419)	1.734.809.682
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.723.898.566	18.538.004.395
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52.017.515.527)	11.047.377.833
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.657.981.239)	(4.532.390.548)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.041.586.580	38.030.127.887
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.460.011.432)	(1.847.554.443)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.426.861.243)	(3.286.995.098)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(328.534.918)	(57.485.160.753)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(40.125.419.213)</b>	<b>462.409.273</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,8	(2.433.181.818)	(23.951.386.883)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		145.454.545	1.195.571.614
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.734.809.682
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.287.727.273)</b>	<b>(21.021.005.587)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Địa chỉ: 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.004.972.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>(9.004.972.500)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(42.413.146.486)	(29.563.568.814)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.637.274.064	40.185.775.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>7.224.127.578</u>	<u>10.622.206.516</u>

Bình Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2020

  
 Phạm Thị Hiếu  
 Người lập

  
 Nguyễn Thanh Hữu  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Bảo Long  
 Tổng Giám đốc


## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Địa chỉ: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN  
(Đơn vị tính: VND)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính*

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ XI nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 09/7/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700927878.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 6.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: BMJ

Trụ sở chính của Công ty tại số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

##### 1.2 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh khai thác đá vật liệu xây dựng.

##### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát);
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản;
- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng;
- Dịch vụ nhà ở công nhân.

##### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

##### 1.5 Tuyên bố về khía cạnh so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình



Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 11
Máy móc thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### 4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

##### *Quyền khai thác khoáng sản*

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 21/06/2019. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế trong kỳ.

##### *Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá*

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá*

Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

##### *Chi phí phục hồi môi trường rừng*

Chi phí phục hồi môi trường rừng được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

##### *Chi phí trả trước khác*

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, chi phí vận xe... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

#### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.1 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về chi phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng đang được Công ty trích theo số tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương. Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường thì khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### 4.1 1 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

#### 4.1 2 **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.1 3 **Doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán thành phẩm;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán thành phẩm.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.1 4 **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp
  - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế

Doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 4.1 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.1 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	385.297.607	846.921.782
- Tiền mặt - VND	385.297.607	846.921.782
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.838.829.971	48.790.352.282
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.224.127.578</b>	<b>49.637.274.064</b>

#### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng là các bên liên quan	1.886.305.597	10.961.427.530
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	1.886.305.597	10.961.427.530
- Công ty Cổ phần Ô tô đại lý An Bình	-	-
- Các bên khác	25.966.860.294	13.050.873.617
- Tổng công ty ĐT và Phát triển công nghiệp - CTCP	9.011.772.897	2.524.992.024
- Công ty CP Kinh doanh và phát triển Bình Dương	7.391.978.132	4.506.284.948
- Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Kháng Tiến	3.280.592.579	-
- Các đối tượng khác	6.282.516.686	6.019.596.645
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.853.165.891</b>	<b>24.012.301.147</b>

#### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước người bán trong nước	-	-
- Công ty CP kinh doanh BDS Nguyễn Việt	45.567.458.041	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tihana	231.000.000	231.000.000
- Trung tâm nghiên cứu cơ điện tử	434.213.279	-
- Các nhà cung cấp khác	124.245.100	70.950.000
-	-	-
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.356.916.420</b>	<b>301.950.000</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác**

**a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng cho CBCNV	3.076.213.980	9.000.000
- Bảo hiểm	-	-
- Tiền lãi ký quỹ bảo vệ môi trường	512.269.347	462.499.337
<b>Cộng</b>	<b>3.588.483.327</b>	<b>471.499.337</b>

**b Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kỳ quỹ ký cược	3.011.263.927	2.043.572.400
<b>Cộng</b>	<b>3.011.263.927</b>	<b>2.043.572.400</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	300.045.104	472.130.088
- Công cụ, dụng cụ	498.069.409	399.941.807
- Thành phẩm	1.639.772.433	380.636.642
- Hàng hoá	4.472.822.830	-
<b>Cộng</b>	<b>6.910.709.776</b>	<b>1.252.728.537</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn**

**a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vó xe	47.931.309	150.443.175
- Công cụ, dụng cụ, sửa chữa	440.946.643	419.562.678
- Chi phí khác	-	14.535.151
<b>Cộng</b>	<b>488.898.154</b>	<b>584.541.004</b>

**b Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.859.702.628	283.868.876
- Chi phí tư vấn thẩm dò trừ lượng đất	1.966.851.892	2.066.861.314
- Chi phí khác	736.114.030	656.284.078
<b>Cộng</b>	<b>4.562.668.550</b>	<b>3.007.014.268</b>

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	5.067.619.791	33.856.831.495	13.803.957.339	182.065.000	52.910.473.625
Mua trong năm	-	2.433.181.818	-	-	2.433.181.818
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(152.378.123)	(8.928.478.455)	(1.056.352.763)	-	(10.137.209.341)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.915.241.668</b>	<b>27.361.534.858</b>	<b>12.747.604.576</b>	<b>182.065.000</b>	<b>45.206.446.102</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.328.282.576	31.558.432.548	11.969.797.912	91.867.678	47.948.380.714
Khấu hao trong năm	211.918.248	798.442.488	224.714.763	30.065.769	1.265.141.268
Thanh lý, nhượng bán	(152.378.123)	(8.928.478.455)	(1.056.352.763)	-	(10.137.209.341)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.387.822.701</b>	<b>23.428.396.581</b>	<b>11.138.159.912</b>	<b>121.933.447</b>	<b>39.076.312.641</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	739.337.216	2.298.398.936	1.834.159.437	90.197.322	4.962.092.911
Tại ngày cuối năm	527.418.967	3.933.138.277	1.609.444.664	60.131.553	6.130.133.461

5.8 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá	Chương trình phần mềm	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	43.928.002.004	-	185.000.000	-	44.113.002.004
Số dư cuối năm	43.928.002.004	-	185.000.000	-	44.113.002.004
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.118.444.937	-	109.715.259	-	1.228.160.196
Khấu hao trong năm	1.280.382.628	-	17.343.747	-	1.297.726.375
Số dư cuối năm	2.398.827.565	-	127.059.006	-	2.525.886.571
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	42.809.557.067	-	75.284.741	-	42.884.841.808
Tại ngày cuối năm	41.529.174.439	-	57.940.994	-	41.587.115.433

5.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty bao gồm 03 căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc dự án Uoi Town tại khu 3, Phường Hòa Phú, TP Thủ Đức Mộc, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư" giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện.

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a Phải trả các bên liên quan</b>	1.574.644.762	-
Công ty CP đầu tư và Xây dựng BD ACC	3.513.930	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	1.571.130.812	-
<b>b Phải trả nhà cung cấp khác</b>	10.768.548.535	6.514.210.091
Công ty TNHH Phụng Tân Tiến	5.347.487.099	1.568.895.861
Công ty TNHH Xây dựng DV Xăng dầu Thành	387.316.800	311.033.600
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đạt Phúc Thành	109.680.725	711.266.386
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Mạnh Cường	996.355.250	904.469.500
HTX Vận tải - Cầu đường Thanh Long	-	783.634.621
Các đối tượng khác	3.927.508.661	2.034.890.123
<b>Cộng</b>	<b>12.343.193.297</b>	<b>6.514.210.091</b>

Công ty không nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	651.794.426	306.146.241
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	651.794.426	306.146.241
Các bên khác	228.810.177	217.591.553
Công ty CP Điện Minh Tân	15.841.945	15.841.945
Công ty TNHH MTV Đại Minh Thành	-	85.814.080
Công ty TNHH MTV Trung Nhân	-	-
Các đối tượng khác	212.968.232	115.935.528
<b>Cộng</b>	<b>880.604.603</b>	<b>523.737.794</b>

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải nộp cuối năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp đầu năm
<b>I. Thuế</b>				
1. Thuế giá trị gia tăng	713.331.789	3.185.515.154	2.662.179.313	1.236.667.630
2. Thuế TNDN	1.546.007.481	2.426.861.243	3.072.927.527	899.941.197
3. Thuế thu nhập cá nhân	48.768.866	85.299.887	130.430.700	3.638.053
4. Các loại thuế khác	2.025.456.345	4.772.918.875	4.793.745.315	2.004.629.905
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế tài nguyên	1.871.879.870	3.961.427.405	3.984.308.000	1.848.999.375
- Thuế đất và tiền thuế đất	-	-	-	-
- Thuế khác	153.576.475	808.491.470	806.437.315	155.630.630
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>				
<b>Cộng</b>	<b>4.333.564.481</b>	<b>10.470.595.159</b>	<b>10.659.282.855</b>	<b>4.144.876.785</b>

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính như sau:

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.730.037.409	5.016.613.306
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp</b>	<b>1.546.007.481</b>	<b>1.003.322.661</b>

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế theo nhiều loại hình khác nhau có thể giải thích khác nhau, vì vậy các khoản thuế phải nộp của Công ty cũng theo quyết định của Cơ quan Thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui

5.14 Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả CNV	778.634.332	705.651.513
- Phải trả người lao động khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>778.634.332</b>	<b>705.651.513</b>

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí kiểm toán	56.250.000	-
- Trích trước tiền lương	-	259.000.000
- Trích trước tiền thuế nhà đất, tiền thuế đất	165.778.866	331.557.717
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp	5.491.000.251	5.491.000.251
- Các khoản trích trước khác	54.761.542	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.767.792.659</b>	<b>6.141.557.968</b>

5.16 Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	32.091.944	9.594.888
- Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng	597.082.783	786.399.113
- Cổ tức	3.022.860.000	22.860.000

- Thủ lao HHQGT	-	418.000.000
- Phải trả khác	1.058.532.731	6.093.348
<b>Cộng</b>	<b>4.710.567.478</b>	<b>1.242.947.349</b>
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn thanh toán	-	-

\* Chi phí phải trả dài hạn khác

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	32.946.001.502	32.946.001.502
<b>Cộng</b>	<b>32.946.001.502</b>	<b>32.946.001.502</b>

5.17 Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến chi phí cải tạo, phục hồi môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

- Số đầu năm	2.043.572.400
- Tăng do trích lập trong năm	967.691.527
- Số cuối năm	<b>3.011.263.927</b>

5.18 Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	6.015.592.564	11.926.303.614	77.941.896.178
- Lãi trong năm 2019	-	-	15.302.559.920	15.302.559.920
- Trích ba quỹ trong năm 2018	-	1.311.935.239	(1.377.532.001)	(65.596.762)
- Trích lập quỹ trong kỳ	-	1.330.253.992	(3.902.152.780)	(2.371.896.788)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>8.857.783.795</b>	<b>12.949.178.753</b>	<b>81.806.962.548</b>
- Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	8.857.783.795	12.949.178.753	81.806.962.548
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11.375.137.082	11.375.137.082
- Trích lập quỹ năm 2020	-	610.718.489	-	610.718.489
- Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>9.468.502.284</b>	<b>21.324.315.835</b>	<b>90.792.818.119</b>

b Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Công ty CP ĐT và XD Bình Dương ACC	44.796.000.000	44.796.000.000
- Các cổ đông khác	15.204.000.000	15.204.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

c Cổ phiếu

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.		

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Doanh thu của thành phần đã tiêu thụ



	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	27.188.427.530	15.377.421.596
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.188.427.530</b>	<b>15.377.421.596</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**  
Các giao dịch thành phẩm cho các bên liên quan như sau:

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	609.206.820	374.600.028
- Công ty CP Đầu tư và XD Bình Dương ACC	1.714.823.270	1.277.138.775
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.324.030.090</b>	<b>1.651.738.803</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của thành phẩm đã bán

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	16.238.808.477	9.002.964.755
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.238.808.477</b>	<b>9.002.964.755</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	716.783.478
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.494.772	1.495.541
- Lãi kỳ quỹ phục hồi môi trường	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.494.772</b>	<b>718.279.019</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuê xe vận chuyển	971.864.062	364.820.831
- Chi phí khác	-	-
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>971.864.062</b>	<b>364.820.831</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	1.315.853.308	1.054.067.962
- Chi phí vật liệu quản lý	5.781.249	5.781.249
- Chi phí đồ dùng văn phòng	10.349.465	4.754.758
- Chi phí khấu hao	118.695.096	118.695.096
- Thuế, phí, lệ phí	-	5.738.298
- Dịch vụ mua ngoài	917.199.996	233.023.915
- Chi phí khác	26.772.192	342.305.662
<b>Cộng</b>	<b>2.394.651.306</b>	<b>1.764.366.940</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	145.434.545	-
- Thu nhập từ bán điện	52.556.392	-
- Thu nhập từ cho thuê	-	-
- Thu nhập khác	1.056.981	145.169.022
<b>Cộng</b>	<b>199.068.118</b>	<b>145.169.022</b>

## 7. Chi phí khác

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí tiền điện trả thay hộ dân	52.556.592	
- Chi phí khác	1.072.574	92.103.805
<b>Cộng</b>	<b>53.629.166</b>	<b>92.103.805</b>

## 8. Lợi trên cổ phiếu

### 8a. Lợi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.184.029.928	4.013.290.645
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển (15%)	(916.077.733)	(601.993.597)
- Trích thưởng ban điều hành (0,5%)	-	(20.066.453)
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.267.952.195	3.391.230.595
- Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>878</b>	<b>565</b>

### 8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.782.324.600	1.839.178.870
- Chi phí nhân công	3.004.873.511	1.086.882.111
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	761.462.961	739.863.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.100.968.438	739.863.048
- Chi phí khác	7.405.014.591	8.770.564.750
<b>Cộng</b>	<b>19.054.644.101</b>	<b>13.176.351.827</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### I. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ngày 09 tháng 10 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 2609/QĐ-UBND, thay thế Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã xây dựng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác trước đây từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.122.769.899 VND (tăng 3.249.106.819 VND so với Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014).

Ngày 20 tháng 01 năm 2014 Công ty cùng các công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Được sự chỉ đạo của Chính phủ, ngày 12 tháng 9 năm 2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ báo cáo và đề nghị Ủy ban thường Vụ Quốc hội xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn trên.

Trong khi chờ Ủy ban thường Vụ Quốc hội quyết định chính thức về việc này, được sự đồng ý của Chính phủ, hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian trên. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong Báo cáo tài chính.

## 2. Giao dịch và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	224.441.400	316.737.549
- Tiền thưởng	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>227.441.400</b>	<b>316.737.549</b>

### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan

Công ty CP ĐT và XD Bình Dương ACC

Công ty Cổ phần đá Ôp Lát An Bình

Mối liên hệ

Cổ đồng lớn

Công ty Thành viên

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Quý III	
	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP ĐT và XD Bình Dương ACC	2.909.197.071	-
Thu tiền đá thành phẩm mua đá	2.909.197.071	-
Cho thuê máy nghiền	-	54.545.454
- Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-
Thu tiền đá thành phẩm mua đá	-	-
Thu bộ iển điện	-	15.738.290
Cho thuê xe, cần ô tô điện tử	945.614.811	4.245.340
<b>Cộng</b>	<b>945.614.811</b>	<b>19.983.630</b>

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

**BẢN SAO**



NGÂN HÀNG TMCP  
SÀI GÒN- HÀ NỘI  
CN BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 06 tháng 10 năm 2020.

**XÁC NHẬN PHONG TỎA TÀI KHOẢN**  
(V/v mở và phong tỏa tài khoản theo yêu cầu)

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Miền Đông AHP.

Căn cứ đề nghị của Quý Công ty về việc đề nghị phong tỏa tài khoản số 1017270738 mở tại SHB Bình Dương của Công ty cổ phần Khoáng Sản Miền Đông AHP (không ghi nợ tài khoản) để chuẩn bị hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2020. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Bình Dương xin thông báo về việc mở tài khoản theo yêu cầu của Quý Công ty như sau:

Tên tài khoản: Công Ty CP Khoáng Sản Miền Đông AHP

Số tài khoản: 1017270738

Mở tại: SHB Bình Dương

Mục đích sử dụng: Nhận tiền mua cổ phiếu của các nhà đầu tư.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Bình Dương cam kết sẽ thực hiện phong tỏa toàn bộ số tiền nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản số 1017270738 mua cổ phiếu kể từ ngày 06/10/2020

Tài khoản này chỉ được giải tỏa khi NH TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Bình Dương nhận được đề nghị giải tỏa của Quý công ty trên cơ sở phê duyệt của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trân trọng!

UBND TT. PHƯỚC VINH  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 2/1713-SC/105

Ngày 29-10-2020



Lê Long Hải

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI  
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Ngọc Nga

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
MIỀN ĐÔNG AHP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2020/CV-CBCP

V/v: Báo cáo quá trình tăng vốn

Bình Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Trước tiên, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP xin gửi tới Quý Ủy ban lời chào trân trọng.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2020. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng. Kể từ thời điểm thành lập Công ty đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

Công ty cam kết những nội dung báo cáo trên đây là hoàn toàn chính xác và đúng sự thật. Công ty xin nhận hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề phát sinh nào (nếu có) liên quan đến nội dung báo cáo nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN BẢO LONG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2394/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cho phép Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP (trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex) gia hạn thời hạn sử dụng đất đối với khu đất tại xã An Bình, huyện Phú Giáo

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 508/TTr-STNMT ngày 28/9/2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP gia hạn thời gian thuê đất với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 21/6/2019. Khu đất có đặc điểm như sau:

1. Diện tích 565.315,8m<sup>2</sup> đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (trong đó diện tích trong ranh khai thác khoáng sản là 372.619,5m<sup>2</sup> và diện tích nằm ngoài ranh khai thác khoáng sản là 192.696,3m<sup>2</sup> phục vụ cho công trình phụ trợ).

2. Đối với diện tích 7.655,2m<sup>2</sup> thuộc hành lang an toàn đường bộ và 33.123,4m<sup>2</sup> thuộc hành lang bảo vệ suối: Thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình.

3. Vị trí và địa điểm khu đất: Tại thửa đất số 350, 351 tờ bản đồ số 71 thuộc xã An Bình, huyện Phú Giáo (Theo Bản trích lục địa chính (có lồng ghép ranh khai thác khoáng sản) do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 01/7/2019).

4. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 21/6/2035 (Theo Giấy phép khai thác khoáng sản (đã xây dựng) số 61/GP-UBND ngày 21/6/2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp).

5. Giá đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính: Theo quy định hiện hành.



**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.
2. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP.
3. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuê cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP sau khi đơn vị hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.
4. Chính lý hồ sơ địa chính.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP có trách nhiệm:

1. Nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng đất đúng mục đích ranh giới.
3. Đến Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP và Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

**CHỖ ĐÓNG CHỮ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 21320 - Q.Số -- 04 - SCT/BS

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), Tr;
- Lưu: VT ✓

Ngày: 07 -12- 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Thị Thúy*



Số: 16/2020/NQ-HĐQT

Bình Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SAO Y BẢN CHÍNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày... tháng... năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

V/v: Thông qua điều chỉnh kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Nguyễn Bảo Long

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP;
- Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 CTCP Khoáng sản Miền đông AHP ngày 28 tháng 06 năm 2020;
- Nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty;
- Nghị quyết HĐQT số 15/2020/NQ-HĐQT ngày 28/10/2020 về việc thông qua kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Biên bản họp số 16/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị CTCP Khoáng sản Miền Đông AHP ngày 02/11/2020.

### QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua điều chỉnh kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:



*Trước điều chỉnh:*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
1	Chi phí xây dựng	14.928.000.000	1.342.800.000	16.270.800.000
2	Chi phí thiết bị	184.520.000.000	18.452.000.000	202.972.000.000
3	Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất (3=(1+2) *10%)	19.944.800.000	1.994.480.000	21.939.280.000
<b>Tổng</b>		<b>219.392.800.000</b>	<b>21.789.280.000</b>	<b>241.182.080.000</b>

*Sau điều chỉnh:*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Giá trị	VAT	Tổng
1	Chi phí xây dựng	14.928.000.000	1.342.800.000	16.270.800.000
2	Chi phí thiết bị	184.520.000.000	18.452.000.000	202.972.000.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí liên quan đến thẩm định thiết kế	8.362.640.063	776.203.406	9.138.843.469
4	Chi phí vốn lưu động ban đầu cho sản xuất - chi phí tiền lương	11.618.356.531		11.618.356.531
<b>Tổng</b>		<b>219.428.996.594</b>	<b>20.571.003.406</b>	<b>240.000.000.000</b>

Trong đó, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí liên quan đến thẩm định thiết kế cụ thể như sau:

STT	Mục chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Chi phí quản lý dự án	0		0
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.549.968.800	654.996.880	7.204.965.680
2.1	Chi phí tư vấn thăm dò, lập các thủ tục xin Giấy phép khai thác khoáng sản	3.600.000.000	360.000.000	3.960.000.000
2.2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	414.998.400	41.499.840	456.498.240
2.3	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án	339.061.600	33.906.160	372.967.760
2.4	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	432.912.000	43.291.200	476.203.200
2.5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	417.984.000	41.798.400	459.782.400
2.6	Chi phí hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	821.040.000	82.104.000	903.144.000
2.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	523.972.800	52.397.280	576.370.080

3	Lệ phí thẩm định theo Thông tư 209/2016/TT-BTC	110.605.994	5.000.000	115.605.994
3.1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	41.199.594		41.199.594
3.2	Lệ phí thẩm định thiết kế KT	10.449.600		10.449.600
3.3	Lệ phí thẩm định dự toán	8.956.800		8.956.800
3.4	Chi phí thẩm định KQ chọn thầu	50.000.000	5.000.000	55.000.000
4	Chi phí kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư theo TT 09/2016/TT-BTC	1.162.065.269	116.206.527	1.278.271.796
4.1	Chi phí kiểm toán	741.480.125	74.148.013	815.628.138
4.2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	420.585.143	42.058.514	462.643.658
5	Chi phí khác	540.000.000	0	540.000.000
5.1	Chi phí cấp giấy phép khai thác điều chỉnh	40.000.000		40.000.000
5.2	Chi phí hành chính khác	500.000.000		500.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.362.640.063</b>	<b>776.203.407</b>	<b>9.138.843.469</b>

Các nội dung khác của Nghị quyết HĐQT số 15/2020/NQ-HĐQT ngày 28/10/2020 là không thay đổi.

**Điều 2. Điều khoản thi hành:**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CBTT;
- Như Điều 2, BKS;
- Lưu VT/.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

**BẢN SAO**



**GIẤY PHÉP KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN**

Số.....61/GP..UBND.....

Ngày cấp. 21.6.2012.....

CH  
HO

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**(Đá xây dựng)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 26/09/2016 và Quyết định điều chỉnh số 1718/QĐ-UBND ngày 27/06/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò đến cote -20m mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo" cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến đá xây dựng (xuống sâu đến cote -20m) tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo tỉnh Bình Dương, công suất khai thác 800.000m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm";

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi

trường bổ sung Dự án Đầu tư mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng, mở rộng diện tích từ 31,63ha lên 37,3 ha, khai thác xuống sâu -20m, công suất 800.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ngày 30 tháng 5 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 316/TTr- STNMT ngày 14 tháng 6 năm 2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP khai thác đá xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt thuộc xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Các thông số giấy phép như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 37,3ha được giới hạn bởi 20 điểm mốc từ 1 đến 20 có tọa độ xác định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 của Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác đến: Cote -20m;

3. Trữ lượng:

\* *Khoáng sản chính: Đá xây dựng*

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 25.110.340m<sup>3</sup> nguyên khối;

- Trữ lượng tồn thất: 6.299.826m<sup>3</sup> nguyên khối (chứa trụ bảo vệ, hào vận chuyển).

- Trữ lượng khai thác đá xây dựng: 18.810.514 m<sup>3</sup> nguyên khối. Trong đó:

+ Trữ lượng cấp 111 (Khối lượng đá đã khai thác đến tháng 05/2019) là: 6.720.851m<sup>3</sup>.

+ Trữ lượng cấp 121 và 122 tiếp tục khai thác: 12.007.663m<sup>3</sup>.

+ Trữ lượng khai thác tận thu từ hồ lắng và hồ bơm nước: 82.000m<sup>3</sup>

\* *Khoáng sản phụ: Vật liệu san lấp (đất đầu + đá phong hóa)*

- Trữ lượng vật liệu san lấp toàn mỏ: 2.053.400m<sup>3</sup> nguyên khối;

- Trữ lượng tồn thất: 411.773m<sup>3</sup> nguyên khối (chứa trụ bảo vệ, đai an toàn);

- Trữ lượng để lại bãi thải và san ủi sân công nghiệp: 900.000m<sup>3</sup>

- Trữ lượng vật liệu san lấp được phép khai thác: 741.627m<sup>3</sup> nguyên khối.

4. Phương pháp khai thác: Lộ Thiên

5. Công suất khai thác: Đá xây dựng 800.000m<sup>3</sup> nguyên khối/năm, vật liệu san lấp theo tiến độ bóc phủ.

6. Thời hạn khai thác: 16 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động khai thác đá xây dựng theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cấm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án điều chỉnh Dự án để khai thác - chế biến mở rộng, xuống sâu đến cote -20m mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

4. Phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như: Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, nộp phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, đóng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được cấp phép và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an ninh, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 15/GP-UBND ngày 13/06/2014 của UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty cổ phần Khoáng sản Becamex.

Trước khi tiến hành khai thác Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương tỉnh Bình Dương, Thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định. /.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh; UBND TT. PHƯỚC VINH
- Tổng Cục ĐC&KS; CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHẤM SỐ CHỨNG THỰC QUYỀN SỞ
- Cục KSHĐKS. Miền Nam; ngày ..... tháng ..... năm .....
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Phú Giáo;
- UBND xã An Bình;
- Cty CP KS Miền Đông AHP;
- LĐVP ( Lg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH TRƯỞNG TRỰC

CHỦ TỊCH



Mai Hùng Dũng

Nguyễn Trúc Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

**BẢN SAO** Phụ lục số 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC TẠI MỎ ĐÁ XÂY DỰNG  
RACH RẠT, XÃ AN BÌNH, HUYỆN PHÚ GIÀO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 61/GP-UBND ngày 21 tháng 6 năm  
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Điểm mốc	Tọa độ VN2000 kính tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1251-334	621-605
2	1251-457	621-550
3	1251-379	621-316
4	1251-401	621-134
5	1251-281	621-099
6	1251-219	621-173
7	1251-054	621-153
8	1250-981	621-264
9	1250-882	621-204
10	1250-760	621-505
11	1250-663	621-613
12	1250-624	621-722
13	1250-665	621-769
14	1250-664	621-868
15	1250-850	622-075
16	1250-964	621-954
17	1251-119	621-735
18	1250-965	621-648
19	1251-031	621-438
20	1251-200	621-513

Diện tích: 37,3ha

Giấy phép khai thác số 61/GP-UBND ngày 21/06/2019 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP  
đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Số đăng ký 3369/ĐK-STNMT ngày 09 tháng 07 năm 2019

UBND TT. PHƯỚC VINH  
CHỖNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CHỖNG THỰC 1200 QUYẾT SỐ 1 T/CT-SCB  
Ngày 13 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thúy



Nguyễn Trúc Linh

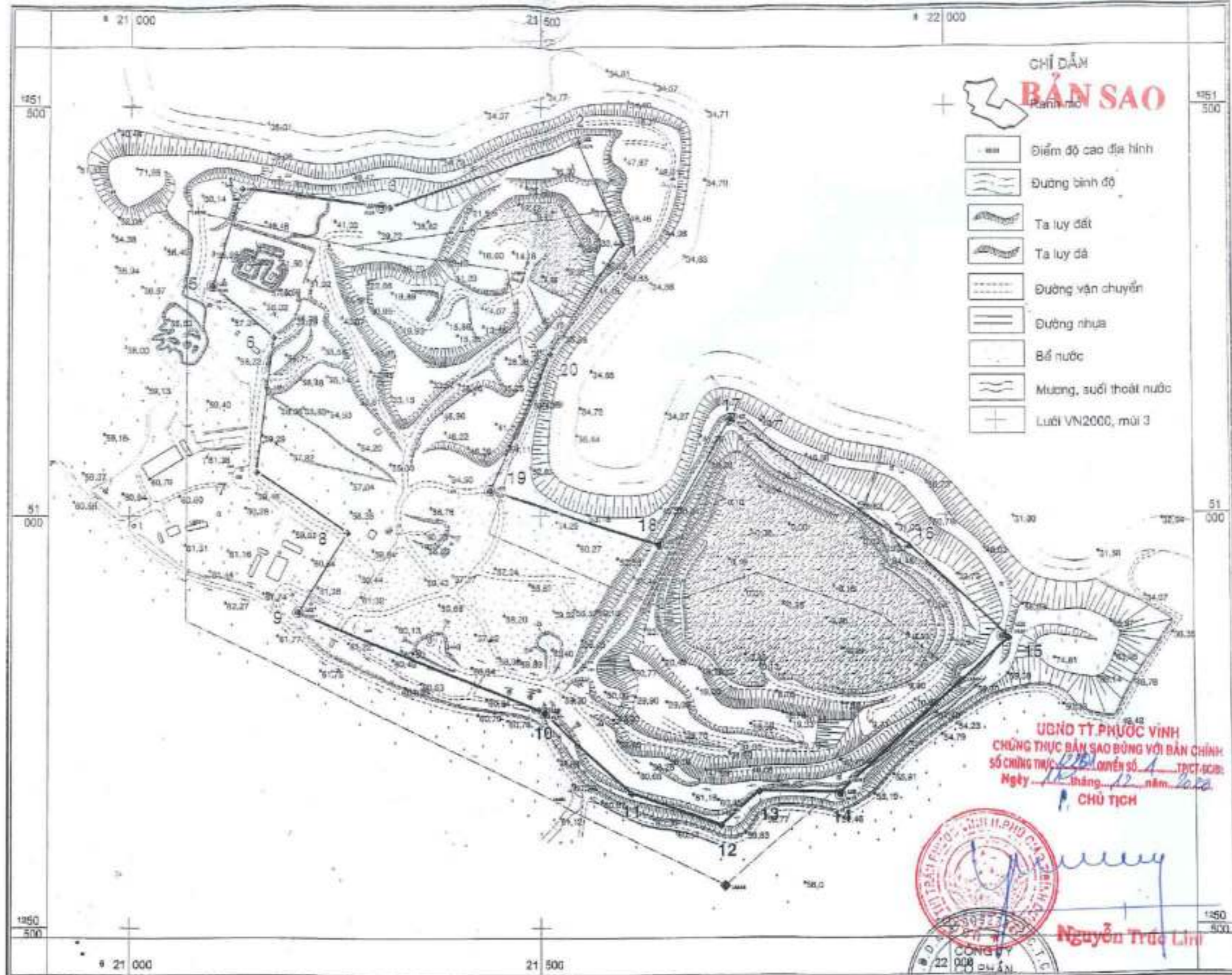
**BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC**

MỎ ĐÁ XÂY DỰNG RẠCH RẠT, XÃ AN BÌNH, HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo giấy phép khai thác số ..... ngày ..... tháng ..... năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

**BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC**

Mức ranh	Tọa độ VN2000, KT 105 độ 45 phút, múi 3	
	X(m)	Y(m)
1	12 51 334	06 21 606
2	12 51 457	06 21 550
3	12 51 379	06 21 316
4	12 51 401	06 21 134
5	12 51 281	06 21 099
6	12 51 219	06 21 173
7	12 51 054	06 21 153
8	12 50 981	06 21 264
9	12 50 882	06 21 204
10	12 50 760	06 21 506
11	12 50 663	06 21 613
12	12 50 624	06 21 722
13	12 50 665	06 21 789
14	12 50 664	06 21 868
15	12 50 850	06 22 075
16	12 50 964	06 21 954
17	12 51 119	06 21 735
18	12 50 965	06 21 648
19	12 51 031	06 21 438
20	12 51 200	06 21 513



**CHỈ DẪM BẢN SAO**

- Điểm độ cao địa hình
- Đường bình đồ
- Tả luy đất
- Tả luy đá
- Đường vận chuyển
- Đường nhựa
- Bể nước
- Mương, suối thoát nước
- Lưới VN2000, múi 3

**NGƯỜI TỰ PHƯỚC VINH**  
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH  
 SỐ CHỨNG THỰC: ..... QUÊN SỐ: 1 ..... T.Đ.Đ.Đ.Đ.  
 Ngày: ..... tháng ..... năm .....  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Linh

Người thành lập: Nguyễn Tiến Sơn  
 \*Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000,  
 Hệ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3\*\*

**TỶ LỆ 1:5.000**  
 1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

**KHOẢNG BÀN DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
**MIỀN ĐÔNG AHP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT**

**I. PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:**

Căn cứ hồ sơ thuế đất của, Chi cục thuế khu vực Tân Uyên thông báo nộp tiền thuế đất, thuế mặt nước như sau:

1. Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền: số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương
- Mã số thuế (nếu có): 3700927878      Số điện thoại: 0903.919.919
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác khoáng sản
2. Đại lý thuế (nếu có):      Mã số thuế:      Địa chỉ:
3. Thửa đất số:      Thuộc tờ bản đồ số:
4. Loại đường/khu vực: Khu vực 2
5. Vị trí (1, 2, 3, 4...):
6. Mục đích sử dụng đất: Khai thác khoáng sản
7. Nguồn gốc đất: Đất thuê
8. Thời hạn thuê đất: 5 năm
9. Diện tích đất thuê: 565.315,80 m<sup>2</sup>
- 9.1. Diện tích phải nộp tiền thuế : 565.315,80 m<sup>2</sup>
- 9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuế:
10. Hình thức thuê đất: Trả tiền hàng năm
11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuế đất
- 11.1. Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: , đồng/m<sup>2</sup>/năm
- 11.2. Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê (đồng/m<sup>2</sup>):
12. Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:
13. Tổng số tiền thuê đất phải nộp kỳ này: 994.673.151 đồng
- 13.1. Số tiền thuế đất kỳ trước chuyển sang: 331.557.717 đồng
- 13.2. Số tiền lập bộ năm 2020: 663.115.434 đồng
- 13.3. Số tiền tạm nộp 2020: đồng
- 13.4. Số tiền thuế đất phải nộp năm 2020 : 994.673.151 đồng
- 13.5. Số tiền phải nộp kỳ I: 663.115.434 đồng
- 13.6. Số tiền phải nộp kỳ 2: 331.557.717 đồng
14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: đồng
- 14.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:
- 14.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất:
15. Miễn, giảm tiền thuê đất:
16. Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước năm 2020: 994.673.151 đồng

(Viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn một trăm năm



mười một đồng.)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

18. Địa điểm nộp: Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT huyện Phú Giáo hoặc chuyển khoản vào tài khoản 7111 tại kho bạc Nhà nước huyện Phú Giáo.

Mục lục ngân sách: Chương 754, tiểu mục 3601.

19. Thời hạn nộp tiền:

19.1 Kỳ I chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2020.

19.2 Kỳ II chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2020.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo mức quy định của Luật Quản lý thuế.

Cách xác định tiền chậm nộp tiền thuế:

Số tiền thuế chậm nộp bằng 0.03% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Chi cục thuế huyện Phú Giáo theo số điện thoại: 0274-3672418 địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương

Chi cục thuế khu vực tân Uyên thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP TIỀN

.....Ngày ..... tháng ..... năm .....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Trần Ngọc Tuấn

## II. PHÂN TÍNH TIỀN CHẠM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (nếu có):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật: ngày

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): đồng

(Viết bằng chữ:

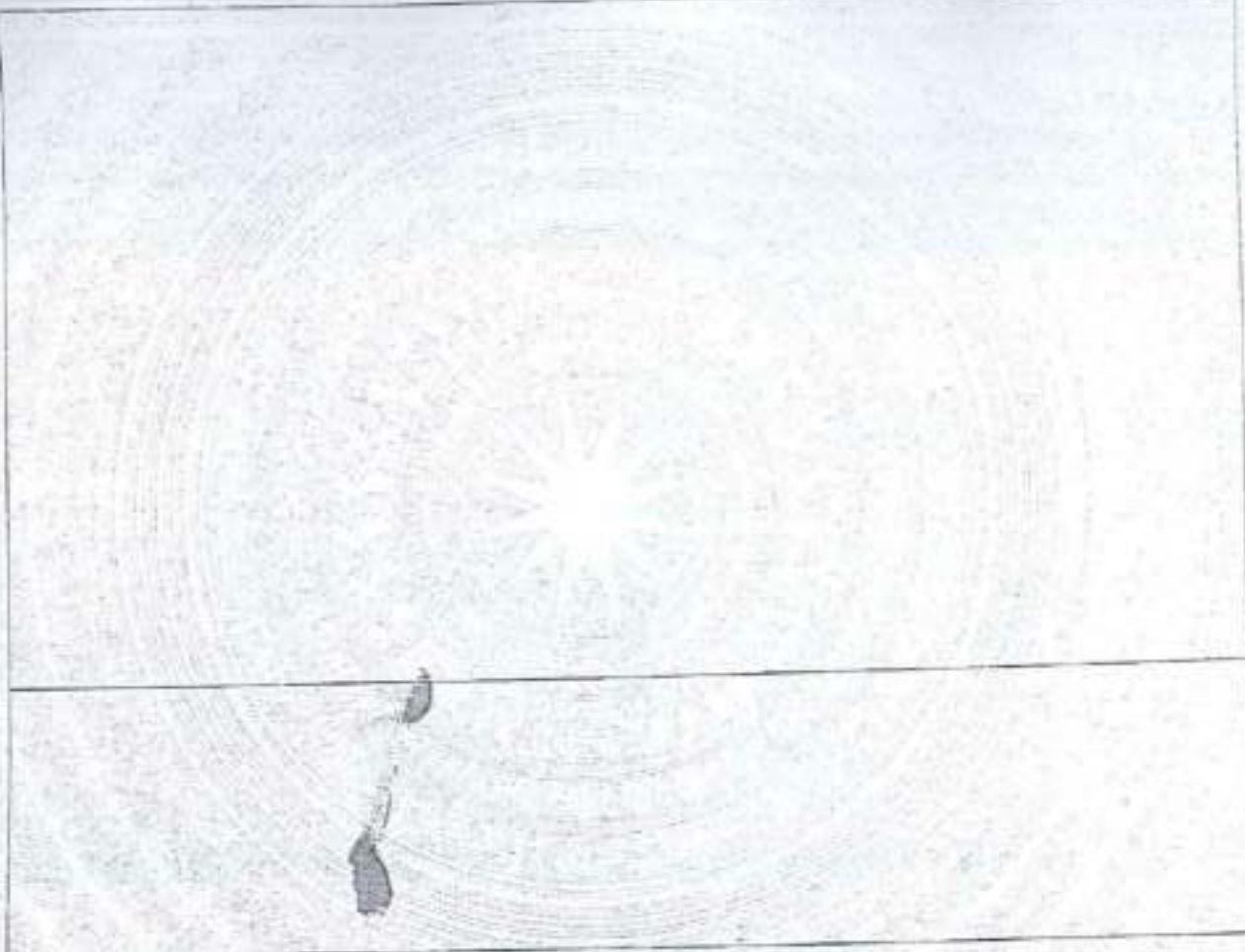
....., Ngày..... tháng..... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
cố hữu quốc gia



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BECCAMEX**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000553  
đăng ký lần đầu ngày 03/6/2008  
do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.  
Địa chỉ: xã An Định, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
SAO Y BÀN CHÍNH**  
Ngày... 12... tháng... 12... năm 2023

*Nguyễn Văn Long*

BE 300238

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, thay xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất: 71
    - a) Thửa đất số: 350, tờ bản đồ số: 71
    - b) Địa chỉ: Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
    - c) Diện tích: 293339,4 m<sup>2</sup>; (bằng chữ: Hai triệu chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi chín phẩy bốn mét vuông)
    - d) Hình thức sử dụng: riêng; 293339,4 m<sup>2</sup>; chung: không m<sup>2</sup>
    - e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (252584.8, 1H, A/DH (0611,2), HLBV số (33123,4)
    - f) Thời hạn sử dụng: đến ngày 31/6/2014
    - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
  2. Nhà ở: +
  3. Công trình xây dựng khác: +
  4. Rừng sản xuất là rừng trồng: +
  5. Cây lâu năm: +
  6. Gai khác: +
- Tổng diện tích: 293.339,4m<sup>2</sup>. Trong đó:  
 - 252.584,8m<sup>2</sup>: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (sản công nghiệp nhỏ);  
 - 7.611,2m<sup>2</sup>: hành lang an toàn đường bộ;  
 - 33.123,4m<sup>2</sup>: hành lang bảo vệ suối.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



DIỆN TÍCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

PHÓ GIÁM ĐỐC

Giữa hạn thời hạn thuê đất đến ngày 01/7/2019 theo Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương - theo hồ sơ số 1919/2019



Bình Dương, ngày 14 tháng 6... năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

TUO. CHỦ TỊCH

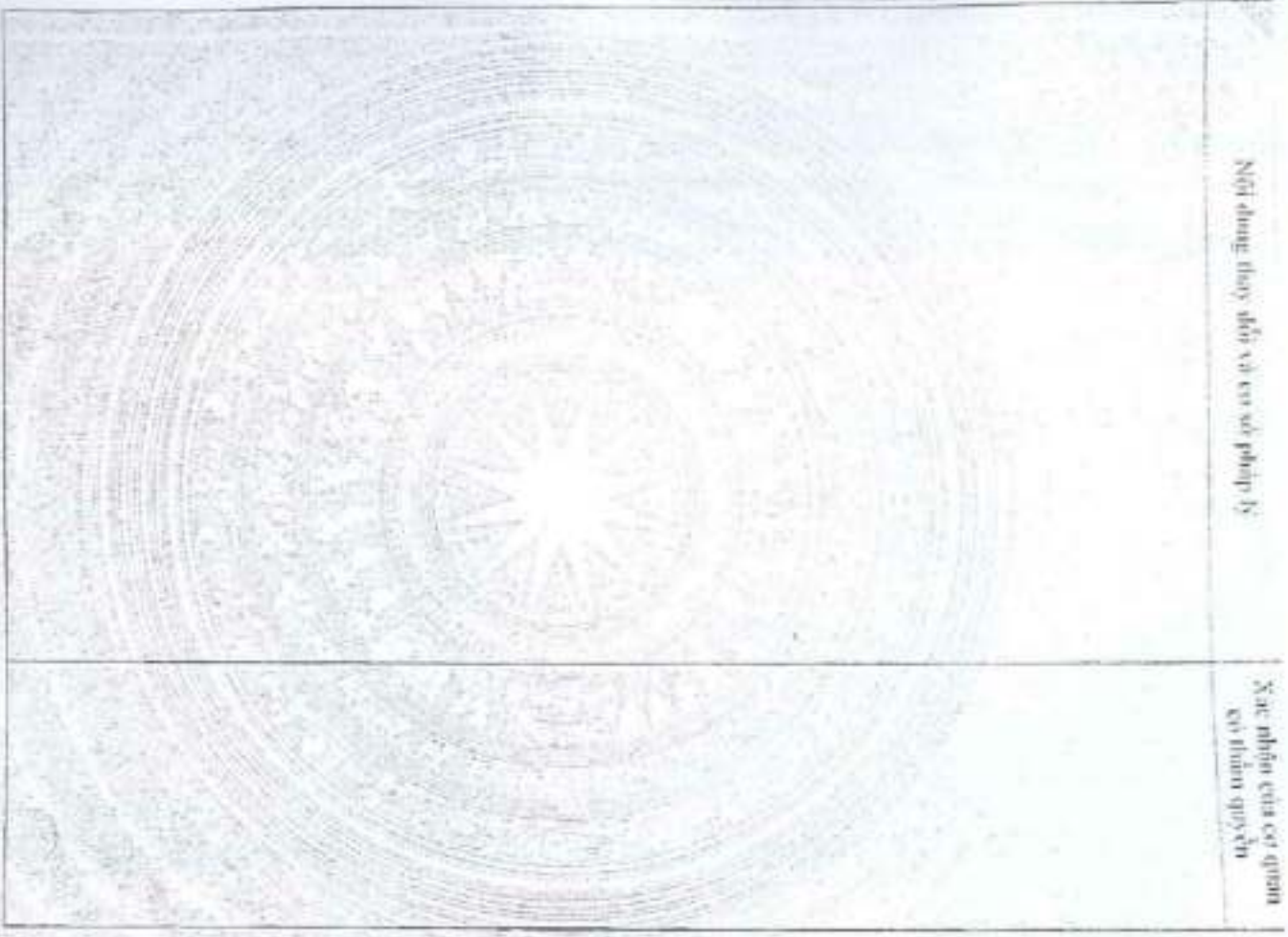
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Nội dung theo dõi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, thay đổi hoặc bỏ  
sống bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, bất kể một hoặc hai  
hàng chữ chứng nhận phải không ngày với cơ quan cấp Giấy

7 4 2 5 8 7 0 1 1 0 0 4 4 7 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOẢNG SẢN BECAMEX**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000553  
đăng ký lần đầu ngày 03/6/2008

do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp,  
Địa chỉ: xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOẢNG SẢN MIỀN ĐÔNG ÁHP**  
**SAO Y BÀN CHÍNH**  
Ngày...11...tháng...11...năm...2018...

*Nguyễn Đức Giang*  
NGUYỄN ĐỨC GIANG

BE 300239

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:
    - a) Thừa đất số: 351 cơ bản đồ số: 71
    - b) Địa chỉ: Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
    - c) Diện tích: 312755 m<sup>2</sup> (bằng chữ: Ba trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi lăm mét vuông)
    - d) Hình thức sử dụng: rừng: 312755 m<sup>2</sup>; chung: không m<sup>2</sup>
    - e) Mục đích sử dụng: Đất cho hoạt động khoáng sản (312.731), H.LATĐB (21)
    - f) Thời hạn sử dụng: đến ngày 31/6/2014
    - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
  2. Nhà ở: -
  3. Công trình xây dựng khác: -
  4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -
  5. Cây lâu năm: -
  6. Gai chấu: -
- Tổng diện tích: 312.755m<sup>2</sup>. Trong đó:  
 - 312.731m<sup>2</sup>: đất sản xuất vật liệu xây dựng (khẩu thực mô đất granit).  
 - 24m<sup>2</sup>: hành lang an toàn đường bộ.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2011  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TUỶ CHU TỊCH**  
**GIÀM ĐỐC SỞ ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Signature)*  
 NGUYỄN VĂN AN  
 SỞ ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT100178

**DIỆN TÍCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ**  
**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Giá bán thời hạn thuê đất đến ngày 01/7/2019 theo Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương - theo hồ sơ số 1919/2011



*(Signature)*  
 Nguyễn Văn An

Không ghi vào khu vực này

### GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt  Chuyển khoản   
Loại tiền: VND  USD  Khác:....  
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS  
(ban hành kèm theo Thông tư số  
84/2016/TT-BTC  
của Bộ Tài Chính)  
Mã hiệu: BDU162320  
Số: 3821094

Số tham chiếu: 11220200055104272

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP Mã số thuế: 3700927878

Địa chỉ: Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình

Quận/Huyện: Huyện Phú Giáo

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

Nộp vào cho NSNN  TK tạm thu

Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Phú Giáo - Bình Dương

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Phước

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước  Thanh tra tài chính

Thanh tra Chính phủ  Cơ quan có thẩm quyền khác

Tại cơ quan quản lý thu: Huyện Phú Giáo - Chi cục Thuế khu vực Tân Uyên. Mã CQ thu: 1054261

Tỉnh, TP: Bình Dương

Mã số thuế:

Tỉnh, TP:

trích TK số: 65010000248792

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 12 năm 2020



Nguyễn Bắc Long

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu Mục
1		01/04/2020	Tiền thuế mặt đất hàng năm (Ghi chú: Kỳ 2/2020 (11/TB-DCT))		331.557.717	754	3601
<b>Tổng tiền</b>					331.557.717		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm ba mươi một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm mười bảy đồng

PHẦN KBNN GHI	
Mã CQ thu:	Nợ TK:
Mã ĐBHC:	Có TK:
Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP.

Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.

Ký điện tử bởi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 02 tháng 06 năm 2020

**BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC THUẾ**

Số:

NTDT370092787800002062020074923804/TB-  
JDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2020 07:49:23

**THÔNG BÁO**

V/v: Xác nhận nợ chứng từ nộp thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP  
Mã số thuế: 3700927878

*Nguyễn Bảo Long*

Căn cứ chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế gửi tới cơ quan thuế lúc giờ phút giây, ngày 02 tháng 06 năm 2020 07:49:23.  
Cơ quan thuế xác nhận việc nộp chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế cụ thể như sau:

+ Tên chứng từ nộp thuế điện tử:

STT	Số GNT	MST thụ hưởng	Tên người thụ hưởng	Tài khoản trích nợ	Nộp cho KBNN	Ngày nộp GNT	Tổng số tiền nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	0000037009278780620204519173	3700927878	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP	65010000248792	KBNN Phủ Giáo - Bình Dương	02/06/2020 07:34:14	663115434

+ Mã giao dịch điện tử: 11220200039640908

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: hoặc gọi điện tới số hotline: để được hỗ trợ trực tiếp.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./



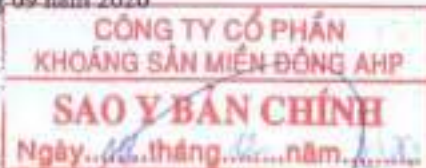
Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.



Số: 200119002771/TNHS

Bình Dương, ngày 11 tháng 09 năm 2020

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ  
Mã hồ sơ: 200119002771



Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp nhận hồ sơ của: Trần Thị Thanh Phương (GUQ nộp và nhận) / Công ty cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (trước đây là Công ty cổ phần Khoáng sản Becamex); GCN số: BE-300239 và BE-300238

Địa chỉ: An Bình, Phú Giáo

Số điện thoại: 0918272169

Email:

Thủ tục hành chính cần giải quyết: Gia hạn sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp (hồ sơ có xác định giá cụ thể theo 04 phương pháp)...

*Nguyễn Bảo Long*

1. Thành phần hồ sơ, yêu cầu và số lượng mỗi loại giấy tờ gồm:

STT	Các loại chứng từ có trong hồ sơ	Số lượng tờ có trong mỗi bản		
		Bản chính	Bản sao	Bản photo
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp	1		
2	Giấy phép khai thác khoáng sản		1	
3	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK	1		
4	Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có)		1	
5	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		1	
6	Tờ khai LPTB + tờ khai tiền thuê đất	1		
7	Mảnh trích lục địa chính	1		

2. Số lượng hồ sơ: ..... (bộ).

3. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 70 ngày làm việc.

4. Thời gian nhận hồ sơ: 14 giờ, 38 phút, ngày 11, tháng 9, năm 2020.

5. Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: 14 giờ, ngày 18, tháng 12, năm 2020.

6. Đăng ký nhận kết quả qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường/ bưu điện.

7. Phí, lệ phí (nếu có): 0 đồng

Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, người dân, tổ chức cần được hỗ trợ thông tin về hồ sơ, liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường (SĐT: 02743811682 - bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường, quầy số 43, 44 tầng 1, tháp A Trung tâm Hành chính) để được hướng dẫn, giải đáp.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thanh Phương (GUQ nộp  
và nhận)



*Trương Quốc Minh*  
Trương Quốc Minh

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4845/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

V/v đăng ký biến động đất đai và cho thuê đất để  
sử dụng vào mục đích hoạt động khoáng sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương

Phúc đáp Công văn số 2786/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Quý Sở xin ý kiến về việc đăng ký biến động đất đai và cho thuê đất để sử dụng vào mục đích hoạt động khoáng sản; nếu không có tính tiết nào khác, Tổng cục Quản lý đất đai có ý kiến như sau:

1. Theo nội dung Công văn số 2786/STNMT-CCQLĐĐ và giấy tờ kèm theo thì khu đất có diện tích 60,70 ha (trong đó: diện tích khai trường 41,09 ha, diện tích khu chế biến và văn phòng 10,20 ha, diện tích khu vành đai 8,60 ha) xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định cho Công ty cổ phần khoáng sản Becamex thuê đất trả tiền thuê hàng năm để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản. Công ty cổ phần khoáng sản Becamex được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE300238, BE 300239 ngày 14 tháng 9 năm 2011 với thời hạn sử dụng đến ngày 31 tháng 6 năm 2014 và được gia hạn thời gian thuê đất đến ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014. Công ty cổ phần khoáng sản Becamex được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần ngày 03 tháng 6 năm 2008; trong đó, thành viên góp vốn có Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) chiếm 74,66% vốn điều lệ. Sau đó, Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex) đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Công ty cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bình Dương ACC, sau đây gọi là Công ty ACC). Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 252/GP-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 cho Công ty cổ phần khoáng sản Becamex, trong đó mở rộng diện tích khai thác từ 31,63 ha lên 37,30 ha và khai thác xuống sâu 20m trong phạm vi diện tích đất thực hiện dự án 60,70 ha nêu trên. Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Công ty cổ phần khoáng sản Becamex đổi tên thành Công ty cổ phần Khoáng sản miền Đông AHP (sau đây gọi là Công ty AHP); trong đó, thành viên góp vốn của Công ty AHP gồm các cá nhân và Công ty ACC. Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND cho Công ty AHP với thời hạn khai thác 16 năm kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2019. Phần vốn nhà nước trong Công ty AHP đã được thoái xong. Mục đích sử dụng đất không thay đổi so với mục

Nguyễn Bảo Long

đích sử dụng đất tại thời điểm phê duyệt phương án cổ phần hóa (vẫn là khai thác khoáng sản).

2. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai thì việc đăng ký biến động được thực hiện đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận mà "Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được phép đổi tên." Trình tự, thủ tục đăng ký biến động đổi tên người sử dụng đất được quy định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Tại điểm c khoản 3 Điều 152 Luật Đất đai quy định việc sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản phải tuân theo quy định: "Sử dụng đất phù hợp với tiến độ thăm dò, khai thác khoáng sản; người sử dụng đất có trách nhiệm trả lại đất đúng với tiến độ thăm dò, khai thác khoáng sản và trạng thái lớp đất mặt được quy định trong hợp đồng thuê đất." Tại khoản 5 Điều 2 Luật Khoáng sản quy định: "Hoạt động khoáng sản bao gồm hoạt động thăm dò khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản." Tại khoản 2 Điều 4 Luật Khoáng sản quy định về nguyên tắc hoạt động khoáng sản: "Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép." Tại điểm h khoản 1 Điều 55 Luật Khoáng sản quy định tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có quyền: "Thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt."

3. Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên thì ngay khi đổi tên từ Công ty cổ phần khoáng sản Becamex thành Công ty AHP (ngày 22 tháng 5 năm 2019), Công ty AHP phải thực hiện đăng ký đổi tên người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty cổ phần khoáng sản Becamex; đồng thời, ngay sau khi được cấp phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND (ngày 21 tháng 6 năm 2019), Công ty AHP phải thực hiện thủ tục để được thuê đất theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật đất đai. Do Công ty AHP chưa thực hiện cả hai thủ tục nêu trên nên đến nay, Công ty AHP phải thực hiện đồng thời thủ tục đổi tên người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận đã cấp đồng thời với thủ tục thuê đất theo thời hạn thuê đất nêu trong Giấy phép và tiến độ khai thác khoáng sản được phê duyệt.

Trên đây là ý kiến của Tổng cục Quản lý đất đai để Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương biết, thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Lê Thanh Khuyển (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP, CKTPTQĐ.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Văn Phần



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2786 /STNMT-CCQLĐĐ

Bình Dương, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**  
**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày... tháng... năm 2020

Về việc gia hạn thời gian thuê đất của Công ty cổ phần khoáng sản miền đông AHP

Kính gửi: Tổng cục Quản lý đất đai

Sở Tài nguyên và Môi trường có nhận được Văn bản số 03/2020/CV-AHP ngày 10/3/2020 của Công ty cổ phần khoáng sản Miền Đông AHP về việc giải trình hồ sơ xin đổi tên và gia hạn thời hạn thuê đất của Công ty cổ phần khoáng sản Miền Đông AHP. Nay, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo xin ý kiến hướng dẫn của Tổng Cục Quản lý đất đai, cụ thể như sau:

Ngày 23/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 4173/STNMT-CCQLĐĐ xin ý kiến hướng dẫn việc gia hạn thời gian thuê đất của Công ty cổ phần khoáng sản Miền Đông AHP, đến ngày 20/11/2019 Tổng cục Quản lý đất đai có Văn bản số 2247/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát lại diện tích đất 606.094,4m<sup>2</sup> đã cho Công ty cổ phần khoáng sản Becamex thuê đến hết ngày 01/7/2019 để xử lý thu hồi và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho tổ chức kinh tế khác thuê theo đúng quy định của pháp luật.

Qua rà soát hồ sơ và Văn bản số 03/2020/CV-AHP ngày 10/3/2020 của Công ty cổ phần khoáng sản Miền Đông AHP về việc giải trình hồ sơ xin đổi tên và gia hạn thời hạn thuê đất của Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo xin ý kiến như sau:

**1. Về pháp nhân**

- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000043, chứng nhận lần đầu ngày 26/5/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 15/5/2014. Địa điểm thực hiện dự án: xã An Bình, huyện Phú Giáo; Diện tích đất sử dụng: 607.000m<sup>2</sup>, trong đó diện tích khai trường 410.900m<sup>2</sup>, diện tích khu chế biến và văn phòng 102.000m<sup>2</sup>, diện tích khu vành đai 86.000m<sup>2</sup>.

- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex trước đây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000553, đăng ký lần đầu ngày 3/6/2008 do phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp. Các thành viên góp vốn gồm:

+ Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex – Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước): 74,66%;

+ Ông Nguyễn Thành Trung: 0,11%;

+ Ông Nguyễn Minh Hoàng: 0,16%.

- Sau đó, Công ty cổ phần khoáng sản Becamex đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/11/2015. Thời điểm này Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex) đã chuyển toàn bộ vốn góp là 74,66% cho Công ty cổ phần Bê tông

Becamex (trong Công ty cổ phần Bê tông Becamex, vốn góp của Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex) chiếm 73,37%).

- Ngày 22/5/2019, Công ty cổ phần khoáng sản Becamex đổi tên thành Công ty cổ phần Khoáng sản miền đông AHP và được phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty cổ phần số 3700927878, đăng ký lần đầu ngày 3/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/5/2019. Theo đó các thành viên góp vốn có sự thay đổi do chuyển nhượng vốn nhiều lần, hiện nay thành viên góp vốn của Công ty AHP gồm các cá nhân và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bình Dương ACC (trước đây là Công ty cổ phần Bê tông Becamex). Như vậy, sau nhiều lần chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) đã thoái hết vốn nhà nước trong Công ty cổ phần Khoáng sản miền đông AHP.

## 2. Hồ sơ pháp lý

- Khu đất có nguồn gốc trước đây do Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, nay cổ phần hóa thành Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) đã thực hiện chi trả bồi thường quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho 20 hộ dân và phần đất do Nông trường Đồng Sen quản lý. Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex) đã bàn giao toàn bộ tài sản và nguồn vốn cho Công ty cổ phần Khoáng sản Becamex theo Biên bản bàn giao tài sản nguồn vốn ngày 30/6/2008. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất trả tiền hàng năm và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE300238, BE 300239 ngày 14/9/2011, thời hạn sử dụng đến ngày 31/6/2014 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản 117/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/12/2009). Sau đó Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh cho gia hạn thời gian thuê đất đến ngày 01/7/2019 tại Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 15/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/6/2014).

- Nhằm mở rộng công trình khai thác, chế biến đá xây dựng, mở rộng diện tích khai thác từ 31,63ha lên 37,3ha, khai thác xuống sâu -20m, Công ty đã tiến hành thủ tục xin chủ trương được thăm dò mở rộng và xuống sâu đến cote -20m, với diện tích khu vực thăm dò là 37,3ha và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 252/GP-UBND ký ngày 03/11/2017. Trong quá trình thực hiện hồ sơ thăm dò và xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới, vào ngày 22/5/2019 Công ty đã thực hiện việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700927878, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 22/5/2019 (do có thay đổi thành viên góp vốn đã trình bày tại mục 1 nêu trên).

- Sau khi đổi tên, Công ty đã liên hệ thực hiện hồ sơ thăm dò, xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản với tên Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP và nộp hồ sơ về việc đăng ký biến động đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP trên Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 21/6/2019.

- Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Quyết định phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường số 731/QĐ-STNMT ngày 06/6/2019. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có Văn bản số 13/BTNMT-TCMT ngày 02/01/2020 về việc phúc đáp văn bản đề nghị tiếp tục sử dụng Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Công ty như sau: "trường hợp Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex chỉ đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP và dự án không thuộc đối tượng quy định tại Điều 20, khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường (quy định chi tiết các khoản 6,7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường). Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP được phép tiếp tục sử dụng Báo cáo ĐTM kèm theo Quyết định phê duyệt số 731/QĐ-BTNMT ngày 27/3/2019 để thực hiện các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành".

- Theo điểm a Khoản 1 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định trước khi hết hạn sử dụng đất tối thiểu là 06 tháng, người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất. Tuy nhiên, thời điểm này Công ty đang thực hiện thủ tục xin gia hạn thời gian khai thác khoáng sản nên chưa đủ điều kiện để lập thủ tục gia hạn thời gian thuê đất theo quy định. Đến ngày 21/6/2019, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND (thời hạn khai thác 16 năm kể từ ngày 21/6/2019), Trên cơ sở đó, Công ty mới liên hệ lập thủ tục xin gia hạn thời gian thuê đất.

### 3. Nội dung xin ý kiến

- Hiện nay, sau nhiều lần thay đổi thành viên do chuyển nhượng vốn và thực hiện cổ phần hóa nhà nước, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP đã thoái hết vốn nhà nước trong Công ty cổ phần Khoáng sản miền đông AHP. Nay, thời hạn thuê đất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex đã hết vào ngày 01/7/2019, Công ty cổ phần Khoáng sản miền đông AHP (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex) kiến nghị được tiếp tục gia hạn thời gian thuê đất để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.

- Mặt khác, theo Văn bản số 674/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 01/4/2020 của Tổng cục Quản lý đất đai hướng dẫn về đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển nhượng vốn góp trong Doanh nghiệp, trong đó có nêu: "trường hợp sau khi chuyển nhượng phần vốn góp mà người nhận chuyển nhượng phần vốn góp có nhu cầu đổi tên doanh nghiệp và được phép đổi tên doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp thì thực hiện đăng ký biến động đất đai theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 và phải thực hiện nghĩa vụ thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, hiện nay thời hạn thuê đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE300238, BE 300239 ngày 14/9/2011 cấp cho Công ty Cổ phần

Khoáng sản Becamex đã hết nên không có cơ sở để thực hiện việc đăng ký biến động đổi tên theo hướng dẫn nêu trên.

Từ những nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Tổng Cục Quản lý đất đai xem xét có ý kiến hướng dẫn việc xin gia hạn thời gian thuê đất của Công ty cổ phần Khoáng sản miền đông AHP.

Trên đây là ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, kính trình Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, hướng dẫn cụ thể (đính kèm hồ sơ).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Cty CP KS Miền Đông AHP (để biết);
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, V3.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Xuân Ngọc

